

15 THÁNG 9 NĂM 1970

# BACH KHOA

*năm mười bốn*

VŨ HẠNH *tính chất phi thường trong con người bình thường* Thúy-Kiều \* NGUYỄN THỊ NGỌC THẨM *tính chất đạo đức trong việc làm đẹp cơ-thể con người* \* TRẦN VĂN TÍCH *lược khảo về dược-liệu Tây Y* \* CUNG GIỮ NGUYỄN *loạn danh* \* TỬ TRI *cộng hòa liên bang Tây Đức trên đường phục hưng chính trị* \* NGUYỄN HIỂN LÊ *Einstein* \* PHẠM NGỌC LŨ *người đi trong thanh xuân* \* ĐÌNH NGUYỄN *đêm u-mê* \* HOÀNG NGỌC CHÂU *thơ viết mừng con chào đời* \* PHAN PHỤNG THẠCH *tựu trường 1970* \* ĐẶNG TÀN *TỐI thu máu hồng* \* CAO QUẢNG VĂN *đã tự bao giờ* \* **SINH HOẠT** *thời sự thế giới* \* *thời sự văn nghệ* \* *Đông Y Tây Y tại Đại-học Y - khoa Huế* \*

329







*Activité locale accrue sans répercussions générales*

# **l'Hydrocortancyl**

en applications topiques

*crème*

Flacon de 8 g à 0,5 p. 100  
de delta-hydrocortisone  
dans un excipient fluide,  
non gras, hydrodispersible

*collyre*

Flacon compte-gouttes  
contenant 3 ml soit 15 mg  
de principe actif, d'une  
suspension d'acétate  
de delta-hydrocortisone  
titrée à 0,5 p. 100

*gouttes nasales*

Acétate de delta-hydro-  
cortisone en suspension  
aqueuse titrée à 0,50 p. 100  
Flacon de 8 ml

---

**LES LABORATOIRES ROUSSEL**

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 7<sup>e</sup>

---

**ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê - SAIGON**

---

Distributeur : **PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**

---





# B Á C H

# K H O A

Số 329 ngày 15.9.1970

VŨ-HẠNH <i>tính chất phi thường trong con người bình thường Thúy-Kiều (thuyết trình đọc trong « Lễ kỷ niệm Nguyễn Du » do Phủ Q.V.K. đặc trách Văn-hóa tổ chức)</i>	05
NGUYỄN THỊ NGỌC THẨM <i>tính chất đạo đức trong việc làm đẹp cơ-thể con người</i>	15
TRẦN VĂN TÍCH <i>lược khảo về dược liệu Tây-Y</i>	25
CUNG GIỮ NGUYỄN <i>loạn danh (Danh và Lý)</i>	33
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>Einstein (1879 - 1955)</i>	39
TỪ TRÌ <i>Cộng hòa Liên-bang Tây-Đức trên đường phục hưng chính trị.</i>	51
PHẠM NGỌC LƯU <i>người đi trong thanh xuân (truyện)</i>	61
ĐÌNH NGUYỄN <i>đêm u-mê (truyện)</i>	69
HOÀNG NGỌC CHÂU <i>thơ viết mừng con chào đời (thơ)</i>	76
PHAN PHỤNG THẠCH <i>tự trường ca 1970 (thơ)</i>	76
ĐẶNG TẤN TỚI <i>thu máu hồng (thơ)</i>	77
CAO QUẢNG VĂN <i>đã tự bạc giờ (thơ)</i>	77

## SINH - HOẠT

TỪ TRÌ <i>thời sự thế giới</i>	79
THỊ NHÂN <i>Đông y Tây y tại Đại học Y khoa Huế</i>	83

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU  
Chủ bút :  
Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon  
Điện-thoại : 25.539  
H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG LAI  
133 Võ Tánh Saigon  
GIÁ : 50đ Công sở : 100 đ  
Cao Nguyên và Miền Trung<sup>B</sup>  
thêm cước phí máy bay



# Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc:

— **Câu chuyện thầy trò của Huỳnh Phan do Trí Đăng** xuất bản, tác và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 180 trang gồm 5 bài tiểu luận tha thiết về học đường ngày nay và một phụ lục ý kiến về Cách - mạng Giáo - dục của các Ông : Lý Chánh Trung, Kim Định, Nguyễn Hiến Lê, Phan Khôi, Giản Chi. Giá 170đ.

— **Sơn lâm êm đềm** nguyên tác của Léon Tolstoy, Nguyễn Trọng Đạt, dịch, giới thiệu và chú thích theo bản Pháp ngữ « Les Cosaques » Trí Đăng xuất bản và gửi tặng, Sách dày 347 trang, Giá 280đ.

— **Sử ký của Tư Mã Thiên** bản trích dịch giới thiệu và chú thích của Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê, do Lá Bối xuất bản và gửi tặng : Sách dày 840 trang gồm 2 phần chính. Đặc biệt có phần giới thiệu : thời đại và tiểu-sử của Tư-Mã-Thiên, các bộ sử có trước Sử-ký, nội dung bộ Sử-ký, phương-pháp, tư-tưởng và bút pháp của tác giả cùng ảnh hưởng của tác phẩm... Tác phẩm được giới thiệu rất đầy đủ, phiên dịch công phu, chú thích rành mạch và ấn loát mỹ thuật. Bản đặc biệt. Giá 800đ.

— **Đạo Phật ngày mai** của Nhất-Hạnh (Sở Phối-hợp Nghệ-thuật bắt đời tên là B'u Danglu (!) do Lá-Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 106 trang, đã được giới thiệu với bạn đọc Bách-Khoa một chương trong đó, trình bày rất đẹp Bản đặc biệt. Giá 100đ.

— **Nhân sinh quan và thơ văn Trung-hoa** nguyên tác của Lâm-Ngũ-Đường, Nguyễn Hiến Lê lược dịch, Ca dao xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày trên 180 trang gồm 2 phần chính : Lý-tưởng về nhân sinh (Chủ nghĩa nhân văn, Đạo Trung Dung, Đạo giáo, Phật giáo) và Văn học Trung-hoa (Văn, thơ, kịch, tiểu thuyết...). Bản đặc biệt. Giá 170đ.

— **Triết-học về Tánh không** (Simyavââ) của Tuệ-Sỹ do An-Tiêm

xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 190 trang gồm 4 chương và 1 chương tổng quát, trình bày trang nhã. Bản đặc biệt.

— **Khung trời nhỏ hẹp** nguyên tác « The narrow corner » của W. S. Maugham. Bản dịch của Đỗ Khánh Hoan và Phạm Quốc Dzũng, An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 304 trang. Giá 260đ. Bản đặc biệt.

— **Trong lạng lẽ** của Việt Hùng, Nguyễn-Quý-Hung, do cơ-sở Phạm-quang-Khai xuất bản, trong tủ sách Tiên-Bộ, và tác giả gửi tặng. Sách dày 494 trang, trình bày một tập bút-ký mà các nhân vật đã sống những năm khởi lửa, qua một giai đoạn bi đát nhất của lịch-sử nước nhà từ sau ngày chế-độ Ngô-dinh-Diệm sụp đổ (11-1663) đến cuối năm 1967, nội dung lôi cuốn, lời văn hai hươc, châm biếm nhẹ nhàng. Giá 350đ. Bản đặc biệt.

— **Trong một ngày của một người** truyện dài của Thái Lãng do Thái-độ xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 100 trang, tác-phẩm thứ 2 của Thái Lãng được xuất bản trong tủ sách Thái độ. Giá 120đ.

— **Bệnh áp huyết cao** dưới quan-điểm dị đồng của Y-học Tây-phương và Đông-phương, luận án Tiến-sĩ Y-khoa quốc-gia của Võ-Như-Khương đệ trình ngày 29 tháng 8-70. Sách dày 45 trang, in ronéo gồm : Định nghĩa, nguyên nhân, khảo sát lâm sàng, Trị liệu... theo Tây-Y và Đông-Y và chương kết : Tổng luận — Có nhiều hình vẽ Bác-sĩ Võ Như Khương đã được phần thưởng Luân-án năm nay.

— **Đông-Y với phép trị-liệu bệnh đau dây tọa-cốt thần kinh**, luận-án Tiến-sĩ Y-khoa quốc-gia của Trần quý Trâm đệ trình ngày 30-8-70. Sách dày 65 trang gồm 4 phần. Phần chính có quan-điểm Tây-Y và Đông-Y về Tọa cốt thần kinh và so sánh dây tọa cốt thần kinh và Túc Thái-dương-kinh. Có nhiều hình vẽ rõ ràng.

**Thèm về tập thơ của Thôi Tư Hạp** do tác giả ấn hành và gửi tặng. Sách dày 75 trang gồm trên 40 bài thơ của tác giả làm từ 1958 đến 1969 trình bày trong nhà. Bản đặc biệt.



# Tính chất phi thường

trong con người bình thường Thúy - Kiều

Bản thuyết-trình của tác giả, thay mặt Trung-Tâm Văn-Bút Việt-Nam, đọc trong dịp Bộ Văn-Hóa tổ-chức lễ kỷ-niệm Nguyễn-Du ngày 10-9-70 tại Thính đường Đại-học Sư-phạm Saigon.

Kính thưa quý vị,

Chúng ta không biết Nguyễn-Du là ai, quê quán nơi nào, chúng ta không hiểu Nguyễn-Du đã sống ở thời đại nào, đã từng đau khổ, khát vọng ra sao và chúng ta không tổ-chức lễ kỷ-niệm người hàng năm để tỏ tấm lòng tri-ân và sự ngưỡng mộ, nếu Nguyễn-Du không sáng-tạo truyện Kiều. Trên một thế kỷ rưỡi rồi, truyện Kiều đã sống theo dòng lịch sử dân tộc chúng ta, và chính tác giả đã cùng tác phẩm băng vượt thời gian để mà tồn tại. Nguyễn Du làm nên truyện Kiều, và truyện Kiều đã làm nên Nguyễn Du.

Do mối tương quan xương thịt như thế mà mỗi lần ta nói về bậc thiên tài đó mặc nhiên là ta nói đến công trình bất hủ của người. Và cái tinh túy của công trình ấy chính là nàng Kiều với sự giải quyết vấn đề của cuộc đời nàng. Ông tạo hóa nhỏ Nguyễn Du trong khi phả nguồn sinh lực vào Kiều đã khiến cho người đàn bà bé bỏng, đáng thương, đáng yêu và đáng kính ấy có thể hòa lẫn vào đời sống của dân tộc chúng ta và đồng hóa với dân tộc chúng ta. Truyện Kiều phong phú đến nỗi hầu như không có một cảnh ngộ nào mà ta trải chịu lại không bắt gặp ở trong tác phẩm đôi câu phù hợp, và đời nàng Kiều dồi dào tình tiết đến mức chúng ta có thể khai triển vô tận để tìm mỗi lúc một số ý nghĩa cần thiết cho những vấn đề phổ biến ở trong sinh hoạt chúng ta. Chính trên cái tinh thần ấy mà hôm nay đây, vào ngày kỷ niệm hai trăm lẻ năm năm sinh của thi hào chúng tôi đại diện Trung Tâm Văn Bút Việt Nam trình bày cùng với quý vị về cái tính chất phi-thường ở trong người bình-thường Thúy Kiều.

oOo

Thực tế, không ai đã được sinh ra như là một kẻ phi-thường hoặc là tầm thường. Trước khi điều kiện cuộc sống bên ngoài phối hợp cùng với phản-ứng bên trong của nội-giới ta đẩy ta xuống cái chiều thấp u tối hoặc là nâng

ta lên cái chiều cao vinh quang, thì ta chỉ là những con cá nhỏ lội bơi ở trong bể nước bình thường. Con người bình thường chính là con người đông đảo, con người phổ biến, và là con người nền tảng ở trong đời sống.



Nhưng trong điều kiện bình thường như vậy, bao nhiêu khó khăn phức tạp của đời sống mới thực sự xảy ra. Bởi lẽ không phải thiên thần mà cũng không phải súc vật chúng ta luôn luôn tránh tránh ở giữa cái thế chao đảo thường xuyên hầu giữ quân bình cần thiết để làm con người lương thiện trong một khuôn khổ xã hội nào đó mà các tương quan giữa người và người đúc kết thành các tiêu chuẩn đạo lý vốn là ni-tã.

Cả cuộc đời Kiều đã nói lên sự gắng sức thương xuyên và vất vả đó. Thực sự nàng Kiều muốn gì? Kiều không hề nuôi giấc mộng trở thành anh hùng hay là vĩ nhân, và Kiều lại càng khôn muốn trở thành điểm đáng ghen ghét. Suốt đời người đàn bà đó chỉ có một nỗi khát khao day nhất là được sống đời hạnh phúc, yên vui trong những điều kiện bình thường. Nhưng điều ao ước có vẻ giản đơn như vậy thực không phải là một chuyện dễ dàng trong cái xã hội nàng Kiều, xã hội « ù, phũ, đáng điểm, vô luân » như Linh Mục Thanh Lăng đã nhận định trong bài thuyết trình nhân dịp Tuần lễ kỷ niệm Nguyễn Du tổ chức vào khoảng thượng tuần tháng 10/5. Người ta không thể yên vui nếu nhân cách mình hoen ố, lương tâm của mình luôn bị giày vò. Cũng có những kẻ tự hào khôn ngoan có thể dùng các ma thuật che đậy hành động của mình hầu tránh búa rìu dư luận trong một thời gian nào đó, nhưng liệu một khi đối diện với mình làm sao tránh khỏi được những dẫn vật âm thầm, đầu mối của bao mặc ảm ám-u như những bóng mây ám-phủ tâm hồn và cả cuộc đời?

Kiều đã hiểu rõ là nàng chỉ có thể tìm được sự yên ổn trước hết nơi nàng bằng sự bảo toàn đạo đức, vì không

có cái tin bài đạo lý nàng không bao giờ có thể giữ được tín nhiệm đối với chính mình. Tín nhiệm đối với bản thân, đó là cơ sở bảo đảm trước hết cho sự đi tìm tín nhiệm ở ngoài cuộc đời. Trong nhiều tai nạn đắm thuyền, sóng lớn thực sự không gây thiệt hại bằng chính là sự hốt hoảng của kẻ ngồi thuyền. Nàng Kiều, khi bước vào trong sóng gió cuộc đời, trước sau đã cố giữ gìn đạo đức như giữ bánh lái và giữ địa bàn. Năm ngoái, trong bài thuyết trình phong phú nhân lễ kỷ niệm thi hào Nguyễn Du, ông Vũ Hoàng Chương có nói về một niềm tin. Niềm tin rộng lớn đối với văn hóa dân tộc mà nhà họ Vũ đã đề cập phải chăng đã được bắt nguồn từ cái niềm tin đối với chính mình, niềm tin ở cái giá trị đạo đức truyền thống dân tộc nơi mình, vốn là chất tủy của mọi sinh hoạt văn hóa? Nàng Kiều đã có cái niềm tin ấy, cái đạo đức ấy. Nếu không đạo đức nàng Kiều không phải khổ đau như thế. Đối với tai nạn giáng xuống gia đình, Túy Vân có thể ngủ vùi say một giấc xuân mà vẫn được gọi là một giai nhân phúc hậu. Nhưng Kiều, nàng đã thao thức xót xa và đã chấp nhận sự thiệt thòi lớn cho mình để cha và em khỏi cảnh đọa đày. Nếu không đạo đức Kiều đã có thể quên đi những lời hứa hẹn với chàng Kim-Trọng và coi tình yêu buổi nào như cơn gió thoảng hoặc cũng có thể viện cớ gia đình lâm nạn để mà khước từ trách nhiệm đối với người yêu. Nhưng Kiều đã yêu, thành thật thương yêu, và nàng hiểu rõ tình yêu chỉ có giá trị trong ngĩa thủy chung, trong sự thành tín đối với người mình yêu dấu. Khi người đàn bà ấy xin cô em gái mình ngồi lên để nàng sụp xuống quỳ lạy và giao món nợ ân tình, chúng



ta đều thấy rõ hơn tình yêu chân chính cùng với đạo đức là một hợp thể đồng nhất không thể phân li. Đến khi bị cái hoàn cảnh thảm khốc xô đẩy vào bước giang hồ, Kiều đã khổ đau vô hạn về sự hoen ố, về nỗi nước non, mỗi lần nghĩ đến lòng những « giết mình, mình lại thương mình xót xa ». Một kẻ trơ trẽn đánh mất niềm tin đối với chính mình và với cuộc đời, một kẻ mà cái vốn liếng đạo đức ở trong tâm não đã bị phá sản, khánh tận, kẻ ấy có thể coi sự đánh đi thể xác hoặc là tâm hồn như là một cách trừng trị trên đời. Suốt mười lăm năm luân lạc, Kiều đã đau khổ sâu xa vì gia đình mình, vì ngờ yêu mình, vì danh dự mình. Thật là nhẹ nhàng cho nàng xét bao nếu nàng có thể thù ghét gia đình như Gide, có thể xem nhẹ tình yêu như Sartre và coi thường cái danh dự của mình như một Sagan. Nhưng Kiều không thuộc vào các thứ loại người đó, không thuộc vào các truyền thống văn hóa kiểu đó. Kiều mang sâu xa nơi mình một cái truền thống đạo lý bắt nguồn từ các sinh hoạt tinh thần nền tảng vững chắc của dân tộc ta, dân tộc yêu chuộng đạo lý và tìm thấy được sức mạnh lớn lao ở giá trị này. Hãy xóa bỏ đi nhãn hiệu bên ngoài của một nhân vật xa lạ, Kiều là sản phẩm tinh thần của Nguyễn Tố Như, Kiều là phụ nữ Việt Nam với đầy đủ các giá trị của danh hiệu ấy. Bởi vậy Kiều đã đau khổ như mọi phụ nữ Việt-Nam chân chính cảm thấy đau khổ trong các trường hợp tương đồng, dù có thể nàng không ý thức rõ rằng đau khổ ấy chính là bằng chứng đạo-đức. Bởi có đạo-đức mới có ý-niệm đầy đủ về các gánh nặng trách nhiệm của mình cũng như về những thiệt thòi quá lớn của mình. Ôi, thể ra đau khổ cũng là món

quà tặng của đạo-đức đó sao, quà tặng đắng cay nhưng không kém phần vinh hạnh. Là vì chỉ có đau khổ mới có cái quyền đòi hỏi đền bù, và cái hạnh phúc thật-sự phải là phần thưởng đích đáng cho những con người đã biết khổ đau như thế.

Kiều đã chịu đựng tất cả nỗi đau vật ấy là để làm người, con người bình thường ở trong xã-hội của nàng. Có lúc nàng bị đẩy xuống làm gái giang-hồ và cũng có lúc nàng được đưa lên ngồi giữa ba quân gươm lớn dáo dài trọn quyền định đoạt sinh-mạng kẻ khác, nhưng Kiều không có tham vọng nào hơn là làm một kẻ bình thường.

Là gái giang hồ, Kiều không phải kẻ tự nguyện chọn lấy con đường ô nhục nhưng nàng chỉ là nạn nhân của một xã-hội sa sút thảm thương. Được sự chiều chuộng của khách trắng hoa tấp nập, Kiều cũng không hề là phường gái đĩm hãnh-diện mà chỉ là một đàn bà tủi nhục ê chề. Trong các vòng trời bi đát như thế, mặc dù có lúc tuột vọng kêu lên « *Thân lươn bao quản lấm đầu* » như kẻ bị phần tâm thường, Kiều vẫn không chịu làm người dày dạn kéo lê đời mình ở trong bùn non, như cái anh chàng nào đó trong câu chuyện cổ mang đôi giày mới trên con đường lội sau khi lỡ để giày mình vướng phải sinh lầy đã kéo lết nó không hề thương tiếc. Không, nàng Kiều đã chẳng bị quan như vậy. Nàng đã tìm đủ mọi cách ra khỏi cảnh ngộ xấu xa, dù phải trả bằng giá nào. Trong cái hoàn cảnh không thể chọn lựa, nàng đã lựa chọn. Giữa hai đề nghị cay đắng như nhau của một « công lý » sa đọa :

*Một là cứ việc gia đình*

*Hai là cứ việc lầu xanh phó vờ*



Kiều không ngần ngại đã chọn lấy sự gia đình thâm khốc để khỏi trở về thong dong giữa chốn lầu xanh. Rõ ràng không phải vì yêu Thúc Sinh mà Kiêu làm vậy, Kiêu đâu là một thánh-tử-vì-đạo ở trong tôn giáo Ái-tình ! Thúc Sinh chỉ là cây sào cho nàng vùi lấy ra khỏi đồng bùn, như nàng đã từng làm lần bám lấy cây sào Sở - Khanh một ngày nào đó, hay may mắn hơn bám lấy cây sào Từ - Hải một buổi sau này. Những mối liên-hệ tình-cảm như thế của Kiêu không phải là kiêu lang chạ lãng-mạn hay một ham muốn lãng loạn của kẻ sa đọa tinh thần, mà chỉ có cái ý nghĩa của người muốn được giải thoát, muốn được rời bỏ vũng nước lầy thướt, hèn hạ, để lên mảnh đất sạch sẽ bình thường. Làm một con người bình thường, lương thiện, đó là khát vọng duy nhất của Kiêu. Do đấy, khi ở trên ngôi bà chúa trọn quyền, Kiêu cũng chỉ nuôi một ước nguyện là được sống phẳng ở đời trong sự báo oán, đền ân. Dù đã có lúc không nén được rồi căm hờn chất chứa, Kiêu đã tỏ ra ti tiện tầm thường mà thốt một câu hăn học :

*Xem cho rõ mặt biết tôi báo thù,*  
nhưng rốt cuộc lại, với cảnh người nàng ghét nhất, đối với chính danh thủ phạm, Kiêu đã thẳng thắn ca ngợi và đã khoan dung. Lòng khoan dung ấy thật không có gì kiêu cách và Kiêu cũng không mong muốn làm một nhân vật khác thường. Đó chỉ là cách xử sự theo với lẽ phải, theo sự hợp lý của kẻ biết điều. Và sau cái cảnh báo oán đền ơn nàng Kiêu cũng không mơ màng gì khác là được trở về nếp sống bình thường yên ổn ở chốn quê xưa.

Chúng ta đã không bao giờ hết sự xót thương và sự quý mến khi biết về

cuộc đời Kiêu chỉ là một chuỗi giảng co thường trực giữa các điều kiện xô đẩy con người xuống cảnh thấp hèn và cái ý hướng bền bỉ ngoi lên trên cái căn bản đạo lý cần thiết cho sự làm người. Cuộc giảng co vất vả đó, đau xót đó, là một cuộc chiến dai dẳng, âm thầm mà cũng sôi nổi biết bao.

oOo

Nhưng nếu như vậy thì Kiêu tìm đâu được sự phi-thường ? Nàng không tìm kiếm phi-thường để làm một loại siêu-nhân theo qua-niệm Nietzsche hoặc muốn có những hành vi « động địa kinh thiên » như là họ Từ. Kiêu không có cái khí-thể hiên ngang như vậy, không có những cái ý-hướng tự-do như thế. Nhưng khi chúng ta nhìn rõ Kiêu hơn trong cái vị thế của nàng ở trong xã-hội ngày xưa, chúng ta đều thấy ý chí vươn lên của nàng, tiềm-lực đạo-lý của nàng đáng phải ngạc nhiên chừng nào.

Trước sau Kiêu chỉ là một con người bé bỏng, con người lệ thuộc, đâu phải là người đàn bà có những quan niệm tự lập và những điều kiện tương đối cởi mở như là ngày nay. Trước sau Kiêu chỉ là một con người cô độc, con người bọt bèo, đâu phải là một phụ nữ có những điều kiện hợp đoàn, có những nương tựa xã hội như là hiện tại. Con người từ nhỏ đến lúc trưởng thành không hề ra khỏi vườn nhà, không hề biết đến một cái thế-giới nào khác là những lớp người quen thuộc gần gũi, bỗng chốc bị ném vào cuộc phiêu lưu xa lạ về những chân trời vô định, làm sao khỏi những hãi hùng ? Con người từ bao nhiêu năm chỉ biết có những nếp sống trong sạch, hiền lành, bây giờ bị xô đẩy vào giữa phường bán thịt, giữa tay buôn người,



bị sự vu cáo, hiếp đáp, húng chịu bao nhiêu hành hạ, giày vò, con người ấy bỗng đối diện với những khuôn mặt ác quỷ từ chốn địa ngục trần gian vây bủa quanh mình làm sao mà chẳng đầu hàng? Ấy thế mà nàng Thúy-Kiều tội nghiệp đã phải ứng phó bằng chính khả năng tự vệ đơn độc ít ỏi của nàng để khỏi bị chìm sâu xuống bùn lầy, để khỏi bị đè nát đi như loài dun dế hay lớp cỏ nội hoa hèn. Trong cái xã-hội mà kẻ từ tâm đặc biệt ở chốn nha-môn chỉ có mỗi cách cứu Kiều là khuyến khích nàng hối-lộ (1) và hạng quan lại tốt nhất chỉ biết có mỗi một cách đánh đập toi bời và buộc nàng Kiều phải chọn con đường cực hình hay là đi đĩ, trong một xã-hội như thế ta sẽ thấy rõ thân phận của Kiều bị thảm ra sao, và ý-chí tự giải cứu của nàng đáng quý chừng nào. Những kẻ từng quen đồ thừa hoàn cảnh, những người vốn dễ gán cho định-mệnh cái quyền tối thượng độc tôn, những kẻ thụ động sẵn sàng đánh mất niềm tin nơi giá trị mình, những kẻ như thế sẽ nghĩ ra sao về cuộc đời Kiều? Trong những điều-kiện bất nhân như thế, Kiều đã là người có nghĩa, có nhân. Giữa cảnh điếm đàng ô trọc, Kiều đã là người trong sạch, chung tình. Ở vào cái thời sa đọa, mà những giá trị đạo-đức đều đã suy đồi, Kiều vẫn giữ lấy nhân cách, gánh lấy trách nhiệm, cam chịu tất cả thiệt thòi để cho vẹn toàn đạo nghĩa bản thân cũng như bảo tồn đạo-lý xã-hội, điều đó chẳng là một cuộc chiến đấu can-trường, cao quý nay sao? Giá trị con người không chỉ ở sự chấp nhận mà còn ở sức phản ứng, và sự phản ứng hợp tình hợp lẽ bao nhiêu càng có ý nghĩa tốt đẹp bấy nhiêu. Trong đạo làm người, cá nhân cô độc bé nhỏ của Kiều đã làm vượt quá sức mình. Kiều không có cái

uy quyền của viên Tri-phủ Lâm-Tri, không có thanh gươm của một Từ-Hải, không có được cái ưu-thể đàn ông của chàng Kim-Trọng, Kiều cũng đã vượt qua bao trở ngại bi thảm để làm trọn vẹn phận sự và bảo toàn lấy danh tiết của mình. Trong sự khốn đốn như thế, mà đã biết lẽ kinh quyền như thế, phải chăng Kiều đã là kẻ phi thường? Một số người vẫn thường quen đề cập đến cái phi thường của những nhân vật kỳ lạ với những thành-tích vang rền mà dễ quên đi cái sự phi thường của những con người bình thường, cái sự phi thường của những việc làm nhẫn nại, của những chịu đựng âm thầm, phi thường của cái tâm-thức không chịu buông xuôi, phi thường của cái tinh-thần luôn luôn phục thiện, phi thường của cái bản-linh không chịu để rơi xuống sự tầm thường.

Chúng ta không thể cứ ưa thích mãi những cái phi thường hét ra khói lửa mà quên mất đi những cái phi thường của những tiếng lời ngọt dịu, phi thường của những bàn tay chăm chỉ, phi thường của những tâm hồn chính trực, quang minh. Chúng ta không thể cứ dừng lại mãi ở cái phi thường lộ liễu phơi bày với những sắc màu lòe loẹt mà lờ mờ đi trước những phi thường khuất lấp, âm thầm, trong những màu đen, sắc xám nhạt mờ. Không chỉ anh hùng hiên hách hay là hí-py cuồng loạn mới sáng chế ra những kiểu phi thường ngoạn mục. Chúng ta có thể nghĩ đến bao nhiêu người mẹ kham khổ, người vợ thủy chung, người em chăm chỉ, những người bạn hữu tốt lòng và bao nhiêu là

(1) Thuyết-trình của L.M. Thanh-Lãng trong «Tuần lễ kỷ niệm Nguyễn Du» (10/65)



con người giản dị quanh ta cố gắng không ngừng để giữ trong sạch cuộc đời và để chu-toàn nhiệm vụ giữa những sinh hoạt hỗn-tạp. Đó chính là cái phi thường bền bỉ và lâu dài nhất, đó chính là cái phi thường đông đảo và cần thiết nhất, vì đó là cái phi thường xây dựng, xây dựng trong cái ý nghĩa hoàn thiện cá nhân trong sự bảo tồn truyền thống dân tộc. Bởi lẽ một trong truyền thống của dân-tộc ta là sự hướng thiện, là sự giữ vững đạo lý trong niềm hân-diện sâu xa về mình.

Vai trò của Kiều đã phản ảnh được phần nào điều đó vì chính đạo lý đã thắng nơi nàng và nàng đã thắng ở trong cuộc đời. Những cái nguyên-tắc «Tạo vật đố toàn», «Bỉ-sắc tư-phong» được xem linh nghiệm từ xưa đã bị phá vỡ dưới chân bé bỏng của nàng. Nơi gì đến anh thầy bói ngày nào cho rằng «anh hoa phát tiết ra ngoài, nghìn thu bạc mệnh...» cũng đã xấu hổ giả nghệ vì nàng. Không, Tạo vật không đố được nàng và cái bóng ma Đạm-Tiên chực chờ trên bến Tiên-Đường mười mấy năm

đời đặng đặng cũng đã lắc đầu chịu thua con người «phận mỏng đức dày». Và ngay cả đến thân-mệnh cao siêu cũng đã cảm thông, cảm thấu cái sự phi thường của Kiều. Vì vậy, những gì tưởng bị vỡ tan đã được hàn gắn, và trong cái niềm xum họp một nhà, rõ ràng là cánh hoa xưa tưởng chừng tan nát đã thắm tươi hơn, và vàng trắng cũ cơ chừng tàn tạ bỗng nhiên ửng vạc hơn mười năm trước. Cái khả năng hoán cải được định mệnh, làm cho đời sống của mình được hoàn thiện hơn, không phải là sự phi thường kỳ diệu đó sao? Trên ý nghĩa đó, nàng Kiều tuy là nhân vật bé mọn nhưng cũng cho thấy phảng phất được cái vấn-đề của dân tộc ta, dân tộc gian nan, khốn khổ nhưng không bao giờ để mất bản sắc tốt đẹp của mình, và trong ý chí không ngừng hướng về hạnh phúc yên vui, dân tộc chúng ta sẽ lại có ngày vui vẻ mười phần trong cảnh «vườn xuân một cửa đề bia muôn đời».

VŨ HẠNH

Bạn mệt mỏi vì tranh đấu hàng ngày,  
Bạn vất vả vì chén cơm manh áo  
Bạn phiền muộn, chán đời

*Bạn sẽ vui tươi lên, yêu đời*

Khi đọc quyển :

## 101 (102 - 103) CHUYỆN CẨM CƯỜI

của TÚ XE, giá mỗi quyển 100 đ

Bày bán tại : Nhà sách KHAI TRÍ 62 Lê Lợi Saigon

# NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc  
Tăng cường trí nhớ



# Tính-chất đạo-đức trong việc

## làm đẹp cơ-thể con người

NGUYỄN-THỊ NGỌC-THẨM

Vừa rồi các nhật báo trong nước đều đăng tin : Sau cuộc biểu tình vào dinh Độc Lập, trước khi ra về, phê bình Nguyễn Rô có tổ chức một cuộc họp báo ngắn. Trong dịp này ông đã cởi bỏ binh phục, huy chương trước dinh Độc-Lập và tuyên bố : "Suốt mười sáu năm trời làm tròn nghĩa vụ quân nhân, đã có lúc hy sinh cả xương máu cho Tổ quốc, tới nay tôi xin trả lại cho Tổng Thống bộ quân phục, cặp nạng, huy chương và một chiếc chân giả mới được viện chính-hình cấp".

Đối với những người lành lặn, chắc ít ai lưu ý đến chiếc chân giả vất trước dinh Độc Lập. Nhưng với những kẻ tàn phế, sau khi đã tha thiết dùng những vật liệu nhân tạo để tìm lại hình hài con người, nay phải vất trả lại cho những kẻ đã cung cấp cho họ, quả là sự uất ức, phần nộ đã đến độ cùng cực.

Khách quan mà nói, gạt qua một bên chuyện « công ơn chiến sĩ », chúng ta thấy ở đâu nạn nhân cũng phải được các cơ quan công quyền hay tư nhân bồi thường một cách xứng đáng. Và trên lương tâm nhân loại, đồng thời với những đền bù có tính cách vật chất, nhiều vị y sĩ đã hy sinh suốt cuộc đời để tìm cách tái tạo hình hài cho đồng loại.

Đó là công cứu sống đời sống sinh lý và tâm lý của những người tàn phế.

Và trong ý nghĩa cao qui mang tính chất đạo đức của nó, khoa giải phẫu chỉnh hình quả đã làm đẹp cho con người và gián tiếp làm đẹp cuộc đời...

### Có những kẻ trời bắt xấu

Mấy năm trước đây có một nữ thi sĩ xuất bản tập thơ mang cái nhan đề đầy vẻ tổ cáo Ông Xanh : "Em là gái Trời bắt xấu". Thực ra chúng ta thấy Tạo Hóa bả : xấu nhiều người lắm chứ không riêng gì nữ-sĩ trên. Bắt xấu khi mới sinh cũng có mà làm xấu vì không thể bảo vệ con người toàn vẹn trong suốt cuộc đời cũng có.

Lắm người sinh ra đã sứt môi, mù mắt, cụt tai, thủng mũi. Có người hai mí mắt như muốn khép kín lại, năm ngón tay thì dính liền với nhau như cái chân vịt. Thậm chí có người lại thừa chân, thừa tay, thừa mắt, thừa mũi trông đến quái dị.

Tuy nhiên những kẻ Trời bắt xấu nhiều nhất lại chính là những kẻ đang sống trên cuộc đời này. Hàng năm chỉ tính riêng số tai nạn lao động và tai nạn xe cộ cũng không biết cơ man nào mà kể. Nhẹ thì mặt mày mang sẹo, tay chân mất bớt vài ngón, sứt mất cái tai, dập mất chiếc cằm, chột mất con mắt. Còn nặng thì trở thành tàn phế, bất lực, vô dụng...



Riêng chiến tranh đã đóng góp thật nhiều trong việc tàn phá con người. Ở Việt Nam cứ sau mỗi cuộc oanh tạc, pháo kích, đùng độ là y như rằng lại có thêm một số người bị chết và bị thương. Chết banh thay, chết mất đầu, chết không tay chân và vô số những kiểu chết "bất thành nhân dạng". Nhưng chết cách nào thiên nghi cũng được kể là "tốt đẹp" cho cá nhân đó, còn hơn là phải sống lây lất một đời tàn phế. Thật là khủng khiếp và xót xa khi nhìn những khuôn mặt bầy nhầy như một tảng thịt vấy máu, những khuôn mặt cháy đen nhăn nhúm không ra mặt người, những hình hài phồng dộp cong queo, những ống xương trắng hếu không có da thịt bao phủ, những tròng mắt lòi ra ngoài, những chiếc đầu chỉ có trán và ót mà không có mặt mũi và những cơ thể không còn đủ tứ chi... Những kẻ sống sót ấy nhất định đối với mọi người là xấu rồi. Nhưng ai đã làm cho họ phải xấu, Trời hay người?

### Xấu là một cái tội

Trước hết xấu là một cái tội đối với chính mình. Một cô gái lẹm cằm hay một cậu trai lẹ mắt sẽ thấy cái cằm lẹm, con mắt lẹ thật là đặc tội. Chính nó làm cho cô, cậu mất đẹp. Mất đẹp sẽ mất hết ưu thế tình cảm. Có ai lại đi săn đón, tặng tiu, quần quít, chiều đãi người xấu xí. Phải đẹp mới được thiên hạ trầm trồ, nể nang, quý trọng. Càng đẹp càng có giá trị. Ngược lại càng xấu càng mất giá càng bị bỏ rơi, chê bai, khinh dể buồn khổ, cay đắng.

Xấu cũng là cái tội đối với người chung quanh. Hầu như người đời

có cái khuynh hướng chuộng vẻ đẹp. Một cái mặt hồng hào bầu bĩnh bao giờ cũng dễ được yêu hơn một cái mặt rỗ. Cho nên trên phương diện tâm lý, xấu tức là chống lại khiếu thẩm mỹ ở mọi người. Cha mẹ có một đứa con xấu sẽ lấy làm buồn vì cảm thấy mình như bị xấu lây. Xa hơn nữa các bậc thân mẫu ấy lại còn cảm thấy mình như bị tố cáo là kẻ thất đức. Ca dao ta có câu :

*Cây xanh thì lá cũng xanh,*

*Cha mẹ hiền lành để đức cho con.*

Vậy con mà đui què mẻ sứt, khô sao người ta chẳng bảo tại cha mẹ ăn ở bất nhân? Nhưng thói thường cha mẹ nào lại muốn mình mang tiếng như thế? Cho nên yêu con đẹp ghét con xấu cũng là lẽ thường tình trong đời sống và cả trong truyện cổ tích nữa.

*Xấu tức là tội lỗi, độc ác, gian trá.*

Điều đó đúng cho quan niệm Phật-giáo và đúng cho cả khoa tướng mạo ở A-đông và ở Tây phương. Các sách tướng đều nói rằng tướng mà tròn đầy, ngay ngắn, cân đối, dày dặn, cao ráo, sáng sủa là tốt. Trái lại thiếu hụt, méo mó, lệch lạc, mỏng manh, thấp nhỏ và đen tối là xấu, ác, gian tà, bất lương, phản trắc. Ở khoa đo người (anthrométrie) của các nhà hình-tội-học cũng bảo những tội nhân thường là những người có dị tướng như tai nhọn, sọ nhọn, cằm ngắn hơn thân v.v...

Riêng với Phật-giáo thì những kẻ mang dị tật được nói rõ là do tội lỗi kiếp trước mà ra. Trong Đại Tạng kinh có liệt kê khá đầy đủ những dị tật trên mỗi người tương ứng với những tội lỗi tiền kiếp. Chúng tôi xin đan cử một đoạn làm ví dụ :

*Đức Phật bảo ông Anan: «Hiện nay những người hào quý như quốc vương, trưởng*



giả, là từ chỗ chăm lễ Phật, thừa sự Tam bảo trước đây mà được. Hiện nay những người đại phú, của cải vô hạn là từ trong chỗ chăm làm hạnh bố thí trước đây mà được. Hiện nay những người trường thọ không có bệnh tật, thân thể cường tráng là từ chỗ chăm làm hạnh trì giới trước đây mà được. Những người u đặc là trước đây không hay dạy bảo người. Những người cảm ngộ, là trước đây hay bóng hủ người v.v... (1)

Một người xấu vì Trời bắt xấu, vì nghiệp báo mà phải xấu hay vì tai nạn gây nên xấu thì vẫn là xấu. Xấu, trước mắt xã hội, khách quan mà nói ít được thiện cảm, tru thế. Phải đuổi cái xấu ra khỏi con người. Và xa hơn nữa, mọi người phải đuổi cái xấu ra khỏi nhân loại. Đó là chuyện ảo tưởng; nhưng là cái ảo tưởng đáng mơ ước và cần dốc hết cố gắng để thực hiện.

### Chống xấu bằng cách làm đẹp

Xấu là điều phản mỹ thuật. Xấu lại đồng hóa với tội lỗi. Nên mọi người, kể cả lành lặn và tật nguyền đều có ý hướng muốn chống lại và tống khứ nó ra khỏi cuộc đời.

Hiện nay các bác-sĩ giải-phẫu thẩm-mỹ và các người mang tật đang ráo riết chống lại cái xấu bằng cách làm đẹp. Nhưng làm đẹp ra sao đây?

Ai cũng biết đẹp có nghĩa ngược với xấu. Song làm sao cho con người được gọi là đẹp thì thật là cả một chuyện rắc rối.

Kant bảo rằng cái gì được gọi là đẹp thì phải làm thỏa thích được con người ở mọi thời và mọi nơi. (2) Nghĩa là đẹp phải có tính cách phổ quát. Ai cũng

nhận như là đẹp (ví dụ cá: hình tượng Hy-Lạp như thần Thái Dương, thần Vệ Nữ v.v...) Kierkegaard lại nói ngược hẳn. Ông bảo: « Không thể có sự đẹp khách quan hay sự đẹp lý tưởng chung cho cả nhân loại, mỗi nghệ sĩ tìm ra một thứ đẹp riêng theo ý mình (3) ». Chẳng hạn trước kia người ta thích vẻ đẹp ngây thơ của Danielle Darrieux nhưng sau thế chiến II, đẹp như Lolo hay Tina Louise mới được ưa chuộng. Xưa người ta thích vẻ đẹp câu đối, mịn màng, trắng trẻo, rạng rỡ. Nay lại thích xô lệch, phong trần, hốc hác.

Vậy thế nào mới là đẹp? Thật khó có thể trả lời dứt khoát. Từ Platon đến nay các nhà mỹ học đã không ngớt bàn qua cãi lại. Nhưng kết quả có lẽ phải dùng câu châm biếm của Voltaire rằng: « Đẹp đối với một chàng cóc đực, chính là nàng cóc cái của nó » (Le beau, pour un crapaud, c'est sa crapaud).

Nơi con người có lẽ cũng vậy. Nhưng thiên nghi nên đồng ý với Kant rằng một người được gọi là đẹp thì phải giống với ý niệm về loài người mà ta đã có sẵn (un objet est beau quand il répond à son type, c'est-à-dire à son concept). Người thì phải một đầu, một mũi, hai mắt, một miệng và hai tay, hai chân... Nếu có bốn mắt hoặc hai mũi, ba tay thì cho đẹp cách mấy cũng thành dị kỳ. Thiếu cũng thế. Bốn ngón

(1) « Kinh tội phúc báo ứng », dịch từ Đại Tạng Kinh, cuốn số 747, chùa Từ Quang xb, SC 1:60, tr. 8

(2) Kant, « Critique du jugement » trad. J. Gibelin Vrin 1970, p 46.

(3) Trích lại trong « Tìm đẹp » của Đoàn Thêm, nxb Nam Chi Tùng Thư, SG 1964, tr. 20



tay đẹp sẽ làm thành một bàn tay xấu. Một con mắt đẹp tạo thành khuôn mặt dễ sợ.

*Bởi vậy một người mang hình hài đầy đủ, tự nhiên thiên nhiên đã là đẹp. Càng đẹp hơn nữa nếu các phần trong cơ thể hòa hợp, tương xứng; các đường nét uyển chuyển nhịp nhàng, da dẻ mịn màng sáng sủa.*

Cho nên làm đẹp đối với những người tàn tật, trước hết là tìm lại cho họ một cơ thể bình thường, tái tạo cho họ những phần đã mất : tay, chân, mắt mũi, tai. v.v...

Làm đẹp là sửa chữa cho những phần cơ thể lệch lạc, được giống với kiểu mẫu tự nhiên : mắt Mông cồ, tai cánh bướm môi sứt, ngón tay thừa...

Làm đẹp còn có nghĩa làm cho cơ thể bình thường được đẹp hơn lên : đôi mắt mơ huyền vành môi trái tim, chiếc mũi cao, da mặt mịn màng, vòng eo thon, nhũ hoa nở nang v.v...

### Từ bệnh viện...

Làm đẹp cơ thể con người ngày nay đã trở thành một nhu cầu thiết yếu. Cho nên ở các bệnh viện, ngoài việc cứu sống nạn nhân, khoa giải phẫu chỉnh hình còn lưu tâm đến việc làm đẹp con bệnh.

Ngành y-học này thực sự mới phát triển mạnh từ sau thế chiến thứ 2. Còn trước đó giải phẫu chỉnh hình là cả một chuyện sang trọng và xa xỉ. Sở dĩ có chuyện phát triển mạnh là vì cuộc chiến đã giết hại quá nhiều người và giết một cách thật dã man. Điều đó khiến cho một bác sĩ giải phẫu người Anh, ông Sir Archibald Mac Indoe phải lưu ý và đã đẩy mạnh bước tiến cho ngành này. Về sau càng ngày khoa giải phẫu

chỉnh hình càng đạt được nhiều kết quả rực rỡ với các sản phẩm đặc chế bằng plastique.

Trong vòng mười năm trở lại đây chúng ta thấy một số nạn nhân đã bắt đầu sử dụng những bàn tay giả được đúc thật đẹp không kém tay thật : có mạch máu giả, đường gân giả nổi trên mu bàn tay và có cả móng tay nữa. Đồng thời các nhà chuyên môn tại Nga, Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Ý, Pháp... cũng chế tạo được những bàn tay điện tử có khả năng gần như tay thật vậy. Ông Rabischong, một giáo sư Pháp ở Đại Học Montpellier đã trình diễn một bàn tay chạy bằng máy có thể cầm nắm được một cách dễ dàng ; duy việc có cảm giác khi cầm các vật như một bàn tay thật thì chưa thực hiện được.

Hiện nay kỹ nghệ làm tay chân giả trên khắp thế giới đang phát triển mạnh. Các kỹ thuật gia luôn luôn tìm cách làm cho các phần giả của cơ thể được nhẹ nhàng và giống như thật.

Kề ra đó là điều an ủi cho những người tàn phế. Giác mơ của họ không còn gì khác hơn là đã làm người thì phải được mang hình dạng con người. Bởi vậy ngày nay mỗi khi cura tay chân một nạn nhân, vị y sĩ đồng thời cũng dự tính luôn đến loại tay chân giả cho nạn nhân : làm sao cho ăn khớp, sử dụng dễ dàng và có năng suất cao. Một nạn nhân sau khi rời khỏi khu giải phẫu với những vết thương đã lành, sẽ được lắp tay chân giả. Người ta đưa con bệnh đến một trung tâm chuyên môn cho tập làm quen với những phần hình hài mới và chuẩn bị cho con bệnh một tâm trạng tốt đẹp để khỏi có mặc cảm về sự tàn phế của mình. Đối với những người mất cả tứ chi, chọn tay chân mới



là việc dễ dàng. Nhưng những người chỉ cụt một bên (trái hay mặt), một phần (bàn chân, ống chân hay bắp đùi) thì việc chọn lựa khó hơn. Làm sao vừa xử dụng được dễ dàng mà còn phải vừa đẹp và giống nhau nữa.

Hiện thời trong số những phần cơ thể giả đầu gối giả được xem như là thành công tuyệt nhất : vừa chống đỡ thân hình mà lại vừa bước đi được. Cầm, mũi và tai về phương diện mỹ thuật cũng tiến triển rất khả quan. Nếu chúng ta có một chiếc tai giả làm bằng chất Silicone thì đúng cách xa chừng một thước, người ngoài khó phân biệt được tai nào thật với tai nào giả.

Tuy nhiên có một điều đặc biệt trên phương diện tâm lý là những người mất một phần cơ thể nào đó vẫn có cái ảo giác là mình vẫn còn nó. Đây không phải là hoài niệm về những gì mình đã có mà là một tình trạng nguy tín kỳ quặc khiến các nhà tâm-ly-học đặt tên cho cánh tay trong trường hợp đó là cánh tay ma (brasfantôme). Những cánh tay (hay chân, tai, mũi...) ấy, nói như Merleau — Ponty, "giống như một kinh nghiệm bị ản ức. Đó là một hiện tại đã xưa cũ rồi mà vẫn không chịu lui về dĩ vãng" (1) Cho nên một ngày kia, dù cho những phần cơ thể giả được chế tạo có hoàn hảo cách mấy, nạn nhân vẫn không thể nào tránh được tình trạng ản ức bất trị của những gì thuộc phần hình hài đã mất.

### ... đến mỹ viện

Trong khi tại các bệnh viện khoa giải phẫu chỉnh hình cố gắng tái tạo cho các nạn nhân những phần cơ thể bị mất mát vì tai nạn hay chiến tranh thì ở bên ngoài, các mỹ viện cũng mọc lên như nấm để phục vụ các bà các cô. Thân

chủ của khoa giải phẫu thẩm mỹ giờ đây không còn là những kẻ tàn phế nữa mà là những người thật lành lặn, đôi khi lại còn thật đẹp nữa. Nhưng đẹp rồi cần phải làm cho đẹp hơn.

Nếu con người là một cái túi tham không đáy thì phải hiểu trong chiếc túi đó có một phần dành cho sự đẹp. Bởi vậy từ ngàn xưa người ta đã nghĩ đến chuyện làm tăng vẻ đẹp Trời cho bằng chính bàn tay con người. Khoa chữa sống mũi đã có ở Ấn-Độ từ lâu lắm. Chính các anh thợ làm đồ gốm đã một thời nổi tiếng, bằng cách lấy một miếng ngà nhỏ đút vào bên trong để nâng cao sống mũi lên. Ở Âu Châu thì tiếng tăm về việc phục vụ nhan sắc đàn bà lại dùng cho mấy anh thợ cạo. Người ta kể rằng quận công Richelieu (cháu Hồng y Richelieu) đã từng triệu một anh thợ cạo đến để căng da mặt bằng cách đem những làn nhẵn lên đầu khứa dưới mái tóc giả.

Năm 1912 nữ bác sĩ Noel đã thành công mỹ mãn trong việc xóa những vết nhăn và căng da mặt. Đến đệ nhất thế chiến, bác sĩ Morestin ở Ba-lê và bác sĩ Joseph ở Bá-linh cũng đã thành công trong việc ghép lại chiếc cằm bẻ cho các thương binh bằng cách dùng da ở các nơi khác trong người.

Nhưng ngành làm đẹp này không phải lúc nào cũng trôi chảy êm xuôi mà cũng gặp phải một vụ rắc rối đầu tiên có tính cách lịch sử vào năm 1931. Lúc ấy bác sĩ Dujarrier đã bị một tuân chủ kiện vì « làm hư cặp đùi » của bà ta. Nhưng kết quả tòa án phán quyết rằng một bác sĩ giải phẫu có quyền sửa chữa lại những gì không được đẹp để đem

(1) « *Phénoménologie de la Perception* », PUF, Paris 1952, p.101



lại sức khoẻ và hạnh phúc cho con người. Thế mà từ đó khoa giải phẫu thẩm mỹ đã mang một giá trị có tính chất tinh thần.

Ở ngoại quốc hiện nay ngành làm đẹp cơ thể đang hồi phát triển mạnh, nhất là ở Hoa Kỳ, Nhật, Pháp và Ý. Các bà đến mỹ viện còn nhiều hơn là chúng ta đến bác sĩ mỗi khi trở trời trái gió. Họ đến thường xuyên để làm đẹp đủ thứ, lắm khi đến độ làm cằm như nhờ lông chông, cao lông nách, làm khô mồ hôi v.v... Có điều những việc quen thuộc của mỹ viện phải kể là mũi, tai, mắt, cằm, hàm, môi, cổ, da mặt, nhũ hoa, vòng eo và các vết nhăn.

Trước hết cái mũi đã từng là một nỗi khổ cho nhiều người: mũi dô (rhinophyma), mũi tẹt hay mũi to quá. Đối với chiếc mũi dô, chỉ việc lột lớp da mũi đó đi là xong. Còn chiếc mũi quá to thì người ta cắt bớt thịt hay gọt bớt lớp sụn bên trong. Công việc chỉ đòi hỏi chừng mười phút. Có điều trước khi giải phẫu y sĩ thường phải lưu ý tạo cho mũi có một đường hô hấp dễ dàng và một hình dáng thích hợp với khuôn mặt. Nếu cần thận, bác sĩ còn phải nắn thử trước một khuôn mặt bằng thạch cao xem có đẹp không rồi mới bắt tay thực hiện cho thân chủ.

Sau mũi là đến mắt, "cửa sổ của tâm hồn" con người. Chiếc cửa sổ ấy nếu to quá như đôi mắt bò hay lồi ra như mắt chim ụt thì xí, mà tí hí như mắt lợn cũng khó coi. Để làm đẹp nhà giải phẫu chỉ cần nói rộng hay khâu nhỏ mí mắt lại.

Với những làn môi phì ra quá người ta sẽ cắt bớt cho đều đặn. Cằm quá móm nay quá to sẽ được gọt, nắn lại.

Cổ khẳng khiu quá thì phải ghép thêm sụn vào dưới da cho phồng lên. Đối với những bộ nhũ hoa lép kẹp các bác sĩ giải phẫu sẽ cho vào đó những bao có đựng chất silicone. Trước kia người ta dùng những mảnh mỡ, thịt hay bọt biển (éponge) nhét vào nhũ hoa. Nhưng lâu ngày xì hơi, bọt biển trở nên cứng như những hòn sỏi lộn cợn dưới da. Đã mất đẹp mà còn khó chịu.

Người ta còn làm đẹp khuôn mặt bằng cách dùng các chất hóa học (neige carbonique, naphtol B, metadioxybenzène) hay tia cực tím để lột (peeling) lớp da cũ và tạo một lớp da mới mịn màng hồng hào. Với phương pháp nâng da mặt (lifting) các bác sĩ sẽ làm thay đổi hình thù khuôn mặt và làm biến mất những nếp nhăn và những dấu vết của tuổi già v.v. .

Hiện nay ở miền Nam Việt Nam các mỹ viện cũng đang đua nhau mọc lên càng ngày càng nhiều, nhất là ở Saigon, « thủ đô văn hóa ». Chạy khó đi một vòng chúng ta sẽ đọc được nào M. Mi Quyền, Tân Tiến, Mai, Đức, Lê Thi, René Rousselle, Xuân Hồng, Phương Dung, Marcelle, Ly Lạc, Tố Lan, Xuân Sơn, Elizabeth Cẩm Thạch v.v... Và nếu đọc kỹ hành tích của các chủ nhân, ta thấy bà thì tốt nghiệp khoa sửa sắc đẹp ở Nhật, bà thì ở Pháp và bà thì « tốt nghiệp ưu hạng về khoa mỹ dung ở Mỹ ». Thành tích nào cũng đáng chiêm ngưỡng cả !

**Làm đẹp cũng có nghĩa là làm cho tốt**

*Thân xác là chiếc xe chở ta vào cuộc đời* (Le corps est le véhicule de l' être au monde). Merleau - Ponty đã nói một câu thật hay và thật ý nghĩa.



Đúng là không ai có thể vào đời mà không có thân xác. Và cũng không ai có thể vào đời một cách hữu hiệu nếu cái xác kia bị hư hỏng trực trực.

Khoa giải phẫu chỉnh hình ngày nay, trong ý hướng tái tạo và làm tốt cho cơ thể con người, quả là đã mang trong nó tính chất đạo đức. Thực chẳng còn gì khổ cho bằng phải mang một cái xác thiếu hụt. Chỉ cần mất một bàn tay thôi là đủ thấy mình sống mất hữu hiệu. Cái khả năng ôm xách, giặt giũ, may vá nấu nướng, bưng mang, viết lách v.v... giảm hẳn đi. Phương tiện sinh sống chả khác nào như bị cắt cụt.

Nhưng sứt mẻ cơ thể không phải chỉ gây thương tổn cho sự toàn vẹn sinh lý của một người mà còn liên hệ đến sự suy sụp về tâm lý của người đó nữa. Có thể nói không một người tàn tật nào mà không mang đầy mặc cảm tự ti. Họ cảm thấy như bị mọi người xem thường, bỏ rơi, xa lánh. Đôi khi còn cảm thấy như bị khi dễ, ruồng rẫy nữa. Nỗi niềm buồn khổ, cay đắng đó thật là miên man bất tận. Và có người đã tuyệt vọng phải tìm cái chết để kết thúc cuộc đời. Hàng năm số người tự tử vì lý do này không phải là ít. Ở Tây phương có người các cơ đã làm thử một bản thống kê thì thấy những người mù tự tử nhiều nhất và kế tiếp là những kẻ đầu nhọn thìn không có một sợi tóc!

Tin hay không tin việc thống kê ấy thiết tưởng không quan trọng lắm. Nhưng có một điều chắc chắn phải tin là hàng năm có vô số người đã tự tử vì lý do cơ thể xấu xí. Cho nên tái tạo và làm đẹp cho các nạn nhân chính là một phương pháp tích cực để chống lại loại tự tử này. Đồng thời, cố gắng phát triển khoa làm đẹp cơ thể cũng là đã

góp phần vào việc tẩy trừ mặc cảm, thất vọng và khổ đau ở đời.

Thiên nghi phải là nạn nhân hay từng là kẻ thân thiết của nạn nhân. chúng ta mới cảm thấy hết nỗi lưu tâm, kỳ vọng và tha thiết đối với khoa giải phẫu chỉnh hình đến bậc nào.

Cách đây mấy tháng chúng tôi có một cháu bé bị cô nó vô ý để xe găn máy nghiền đứt mất ngón chân cái. Suốt đêm nằm với cháu ở phòng giải phẫu, thú thực tôi đã trải qua những phút buồn khổ, mệt mỏi và thất vọng quá. Sáng hôm sau viết thư báo tin cho nhà tôi biết và hơn một tuần sau, trong khi vẫn còn ràn rụa nước mắt mỗi khi nhìn cháu thay băng thì tôi nhận được thư của nhà tôi. Xin phép quý vị để tôi được chép lại đoạn sau đây :

«Anh đang đau nhức như chính mình vừa bị nghiền nát mất ngón chân cái. Thật buồn và xót xa không biết nói sao cho xiết. Thằng con xinh xắn, dễ thương, bây giờ thành tật. Lớn lên con anh làm sao mang dép đây, làm sao đá bóng, làm sao đi dạo trên bãi biển mà không mang mặc cảm vì ngón chân bị cụt!

Tối nay anh không ngủ được. Chập chập lại ra xem chiếc xe đê ở phòng bên, nhìn ngắm tưởng tượng xem nó đã nghiền nát chân con như thế nào.

Tôi bây giờ chỉ còn biết tìm cách bù đắp lại cho con. Làm sao nhỉ? Anh sẵn sàng cho con ngón chân cái của anh nếu các bác sĩ giải-phẫu làm được chuyện đó. Bởi vì em cũng biết, trong cuộc đời còn dài, con nó sẽ cần ngón chân của anh hơn anh».

Con trẻ mới mất một ngón chân mà cha mẹ đã khổ đến như thế. Hướng hồ đối với những kẻ bị tàn phế thể thâm



hơn, nỗi khổ của họ và thân nhân họ không biết sẽ to lớn đến dường nào!

Cho nên xoa dịu nỗi khổ của những nạn nhân (và thân quyến) tưởng không gì bằng trả lại cho họ những phần đã mất. Tạo lại tình trạng lành lặn cho một người tức là phục hồi nguồn sống và hạnh phúc cho họ vậy.

### Đạo đức và vô đạo đức

Một nhà giải phẫu thẩm mỹ nổi tiếng ở Pháp, bác sĩ Dufourmentel kể rằng ngày nọ ông tiếp một bà lão 64 tuổi bị bệnh lao xương, trông tiêu tụy ốm yếu một cách thảm hại. Bà cứ nằng nặc nài nỉ ông giải phẫu cho bằng được. Cuối cùng ông đành phải làm vừa lòng bà cụ. Và kết quả thật tuyệt: Sau khi lành bệnh, bà cụ trở nên yêu đời, trẻ ra, đổi cả tính và đam mê vị ân nhân của mình. Bà hằng hái đến độ hầu như mỗi ngày đều có viết thư tình cho bác sĩ và lắm khi đã đứng hàng giờ dưới cơn mưa để chờ bác sĩ gặp đưa về. Mỗi tình đẹp vào buổi xế chiều đó đã giúp cho bà cụ sống thêm 20 năm nữa mới chịu đem theo vào lòng đất, năm bà 84 tuổi.

Bác sĩ Dufourmentel lại kể một chuyện lý thú khác rằng một hôm có một thiếu nữ khoảng 20 tuổi đến yêu cầu ông sửa lại chiếc mũi. Nàng thật đẹp. Riêng chiếc mũi thì hết sức xinh xắn và hợp với khuôn mặt. Bởi vậy bác sĩ khuyên cô ta nên bỏ ý định đó đi. Hai ngày sau bác sĩ lại thấy cô ta dắt cả hai ông bà thân sinh tới nài nỉ bác sĩ giải phẫu chiếc mũi. Họ bảo cô gái bị ám ảnh bởi chiếc mũi "quá dài". Cô ta khổ sở tới mức chẳng dám ra khỏi nhà và có người đến dạm hỏi cô ta cũng không dám nhận (mặt mũi kỳ thể làm

sao lấy chồng!) Thế là một lần nữa ông phải giới thiệu cô đến một nhà tâm bệnh học. Nhưng cuối cùng vị bác sĩ kia viết thư cho ông biết là phải giải phẫu cho cô gái chứ không thể làm cách nào khác được. Buộc lòng bác sĩ phải làm nhỏ chiếc mũi lại cho nàng một tí. Kết quả cô gái hết bị ám ảnh, trở lại vui vẻ yêu đời và muốn lấy chồng!

Những ví dụ như trên đây nếu tiếp tục kể không biết đến bao giờ mới hết. Thoạt nghe có lẽ ai cũng cảm thấy ngộ nghĩnh và buồn cười. Nhưng đấy là những cái ngộ nghĩnh nghiêm trang, đứng đắn. Bằng cứ là bà cụ và cô gái trong hai chuyện trên đây đã chẳng nhờ khoa giải phẫu thẩm mỹ mà được hạnh phúc đó ư?

Cho nên trong việc tái tạo hình hài sút mẻ cho một nạn nhân, sửa chữa những phần lệch lạc trên cơ thể hay điều chỉnh một phần nào đã gây bất ổn cho tâm lý con người, đều được xem là những việc làm thật hữu ích. Những nạn nhân ở đây đều là những người đáng được được thừa hưởng những khám phá quý báu của ngành khoa học này. Và những bác sĩ đã dốc một đời trong việc cứu sống hy vọng, tin tưởng và hạnh phúc của những kẻ tàn phế quả là những người xứng đáng cho nhân loại ghi ơn mãi mãi.

Tuy nhiên cũng có nhiều bác sĩ và chuyên viên theo đuổi ngành giải phẫu thẩm mỹ chẳng khác nào như làm một nghề sinh nhai. Mục đích của đời họ là hốt làm sao cho thật nhiều tiền. Thậm chí có người không lành nghề còn gây thương tích cho thân chủ. Và có người thì bị tố cáo "mới học qua loa một khóa sắc đẹp chừng một tháng ở ngoại quốc



về «tùng mở viện sửa sắc đẹp». Chả trách lắm bà đã ngất ngư suýt chết cũng vì mấy cái bằng cấp khờ sớ ấy. Và lắm bộ mặt sau khi ở mỹ viện ra lại xấu hơn khi chưa đi làm đẹp. Trên một tạp chí cách đây mấy tháng, khi một nhà báo phỏng vấn về chuyện «tại sao học ngành sửa sắc đẹp», nhiều bà đã không ngần ngại trả lời rằng: «Đây là một ngành hái ra tiền» và «Làm nghề này chủ nhân có thể quen biết rất nhiều bà lớn, như vậy khi mình cần chạy chọt áp-phe cũng dễ» (1). Cái cao quý của ngành giải phẫu thẩm mỹ là ở chỗ đó!

Về phía thân chủ của các mỹ viện hiện nay ngoài những người cần có tấm thân gợi cảm để hành nghề (vũ nữ sexy, gái bán bar, làm tiền...) thì hầu hết là các bà lớn thừa tiền và thừa thì giờ. Họ cần xài cho hết những lúc nhàn rỗi và phung phí bớt những món tiền kiếm ra quá dễ dàng. Thế là họ đến đây để bơm vú, bơm mông, nắn vòng eo, căng da mặt, hút từng cái mụn và nhổ từng sợi lông chân. Trong khi ở bên ngoài có biết bao trẻ em đang sống bữa đói bữa no, vất vả đầu cầu xó chợ, nhiều người bệnh hấp hối vì thiếu thuốc và vô số nạn nhân chiến tranh đang đầu tắt mặt tối để mưu sinh. Món tiền mà quý bà vất ở các mỹ viện thật đáng cho những kẻ nghèo đói khao khát. Chẳng hạn trước khi đi dự

tiệc tùng họ mất chừng 500đ đến 1000đ để làm đẹp. Cần «hút nhờn lấy mụn», thêm một món tiền độ chừng đó nữa và nếu muốn thay hẳn lớp da mặt: khoảng 30.000đ.

Ở cái đất tự do này, dĩ nhiên người ta có quyền phung phí những đồng tiền của mình kiếm ra. Nhưng trước lương tâm làm người, lắm lúc chúng ta cảm thấy cả một sự mỉa mai. Thiên nghi dù ở địa vị nào và kiếm tiền được bằng cách nào đều phải hiểu rằng chúng ta cũng có liên đới trách-nhiệm đối với cuộc chiến tranh đang tàn phá quê hương. Trước thảm cảnh mênh mông của đồng bào, những người thừa tiền quả là có hàng triệu cơ hội để xử dụng những đồng tiền thừa thãi đó một cách nhân đạo. Nhưng họ đã không làm như thế...

Còn đối với các mỹ viện, nếu mỗi tuần các chủ nhân chỉ cần bỏ ra một vài giờ để giúp đỡ cho những nạn nhân chiến-tranh, cần làm đẹp một cách chính đáng nhưng lại không có tiền, thì thật quý biết mấy. Nhưng khốn nỗi các ông các bà vì bận rộn với việc hốt bạc quá nên cũng không có thì giờ để mà xài đến lương-tâm.

Rồi đây chiến tranh sẽ chấm dứt. Nhưng những kẻ tàn phế vẫn còn đấy.

(1) Thời Nay số 251, tr 31.

# ACTIVIT

THUỐC TRỊ LAO LỰC, BỒ MÁU, BỔ PHỔI  
BỒ BỔ CƠ THỂ  
CÓ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN



Họ sẽ mang tấm hình hài tàn tật khổ đau suốt cuộc đời. Nhưng chúng ta cần thấy rằng đó không phải là chuyện riêng của những người vô phúc. Phải thấy rằng những cơ thể thiếu hụt, hư hỏng, tàn tật là của chung của chúng ta. Đó chính là vết tích đau thương, tủi nhục của một thời bi thảm, trên quê hương và dân tộc mà chúng ta có bốn phần phải hàn gắn.

Chúng tôi mong ước rằng sau chiến tranh, ngành giải phẫu chỉnh hình sẽ được phát triển mạnh mẽ khắp trong nước và các mỹ viện (với những người chủ có lương tâm) sẽ mọc ra càng lúc càng nhiều để giúp đỡ dễ dàng cho các nạn nhân.

Tái tạo được bao nhiêu cơ thể lành lặn tức là phục hồi được tương lai, hy vọng cho bấy nhiêu người. Cho nên nếu "đời là bể khổ" và chúng ta buộc lòng phải sống trong đó, không thể cưỡng lại được, thì chỉ còn cách tát cạn được chừng nào quý chừng ấy. Chớng xấu bằng cách làm đẹp bởi vậy mà mang ý nghĩa như một cuộc làm tốt nhân loại. Và nếu con người sống là nhằm đạt đến hạnh phúc thì ngoài cơm áo, tự do, lạc thú v.v., đẹp cũng là một yếu tố quan trọng của hạnh phúc con người vậy.

NGUYEN THI NGOC THAM

Phan Rang 16. VIII. 70

*Rượu bổ*  
QUINQUINA

# Quina '9'

CÔ ACIDE GLUTAMIQUE

*khai vị,  
ăn thêm ngon.*

**BỔ OC**  
bồi dưỡng  
cơ thể






KN 2071.8YT

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



# Lược khảo về

# DƯỢC LIỆU TÂY-Y

Primum non nocere

(Tiếp theo B.K. số 328)

## Phân loại Âu-dược

Do quan-điểm và mục-đích khi phân-loại khác nhau, do đối-tượng phân-loại bao gồm một số lượng quá to lớn, Tây-Y hiện nay có rất nhiều phương-thức phân-loại dược vật.

Những lối phân-loại theo thứ-tự ABC : đơn-giản, tiện cho việc tra-cứu, nhưng không diễn-tả được sự liên-quan giữa các vị thuốc, hoặc giữa tác-dụng của thuốc và thành-phần hóa-học ; lối này thường chỉ áp-dụng trong các tự-điền dược-điền ; phân loại theo họ thực-vật : ví-dụ phân-chia theo ngành Bí-tử, Khỏa-tử ; theo lớp, theo họ, tuy cho ta thấy sự liên-hệ giữa giải-phẫu hình-học của các cây thuốc, nhưng không nêu được tương-quan giữa các cây khác họ mà lại có thể có cùng một hoạt-chất ; phân loại theo bộ-phận dùng — chẳng hạn loại rễ làm thuốc, loại quả làm thuốc, loại vỏ làm thuốc v.v... ; giúp cho việc xét-nghệ trong phòng thí-nghiệm và vi-phẫu được dễ-dàng, nhưng cũng không nêu lên được sự liên-quan giữa thành-phần hóa-học và công-dụng của thuốc ; phân-loại theo thành-phần hóa-học — như chia các vị thuốc thành dược-liệu chứa tinh-bột,

dược-liệu chứa tanin dược-liệu chứa alcaloid... ; lối này có ưu-điểm là giúp nhận-chân được sự liên-hệ giữa thành-phần hóa học của dược-liệu đối với tác-dụng của vị thuốc, đồng thời cũng vạch rõ được sự tương-quan giữa nhiều vị thuốc có vẻ rất xa nhau, nhưng vì có thành-phần hóa-học giống nhau nên có cùng một tác-dụng điều-trị ; tất cả những lối phân-loại vừa kể, vừa có ưu-điểm, vừa có khuyết-điểm, nên ít được giới y-sĩ lưu tâm.

Hai cách phân-loại sau đây phổ-thông hơn : phân-loại theo tác-dụng dược-lý và phân-loại theo độc-tính dược-phẩm.

Theo tác-dụng dược-lý, nên dược-học hiện-đại chia ra : thuốc tác-dụng trên thần-kinh, (thuốc mê, thuốc tê, thuốc ngủ, thuốc giảm đau, thuốc giảm sốt, thuốc kích thích và ức chế) ; thuốc tác dụng trên bộ máy tuần hoàn (thuốc trợ tim, thuốc co mạch, thuốc giãn mạch, thuốc cầm máu) ; thuốc tác-dụng trên nhu-động ruột (thuốc tiêu y, thuốc nhuận trường, thuốc chống tiêu chảy) ; thuốc tác-dụng trên gan (thuốc tiết mật, thuốc tăng tiết mật) ; thuốc tác-dụng trên dạ-dày (thuốc dễ tiêu, thuốc gây nôn) ; thuốc tác-dụng trên bộ hô-hấp



(thuốc trừ ho, thuốc chống co giật, thuốc long đám); thuốc tác-dụng trên bộ-phận bài-tiết (thuốc lợi tiểu, thuốc tháo mồ-hôi, thuốc bột mồ-hôi, thuốc lợi sữa, thuốc điều-kinh); thuốc diệt trùng (thuốc trừ amib, thuốc dun sán, trụ-sinh và kháng-sinh).

Tại phòng mạch tư hay nơi điều-trị công, y-sĩ cần nhớ nhất lối phân-loại theo độc-tính. Dược-phẩm, theo lối này, được chia làm ba loại, xếp vào ba bảng: bảng A, bảng B, bảng C.

Bảng A gồm các thuốc độc: acônit, adrênalin, arse-nic, atrôpin, hêrôin, ouabain, stovarsol, thủy-ngân..

Bảng B gồm các thuốc ma-túy: thuốc

phiện, morphin, côcain.. Muốn cho bệnh-nhân mua loại thuốc này, y-sĩ phải dùng một cuốn sổ độc-dược bảng B do Y-sĩ-đoàn cấp-phát.

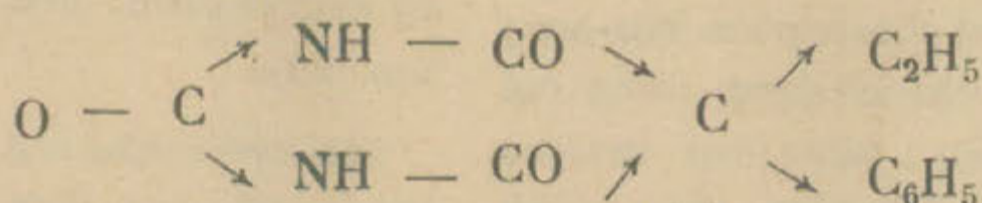
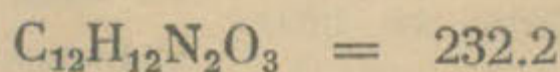
Bảng C gồm các thuốc nguy-hiêm: kích-thích tố, thuốc an-thần, thuốc ngủ..

### Tên thuốc Âu Mỹ

Mỗi một vị thuốc của Tây-Y đều có một hồ-sơ lý-lich hết sức chi-tiết. Mỗi vị thuốc đều có công-thức, có tên la-tinh, tên dân-tộc, tên khoa-học. Một vị thuốc lại có thể được mỗi nhà bào-chế Âu-dược đặt cho một tên riêng để bán trên thị-trường: thuốc trở thành những dược-phẩm đặc-chế hay biệt-dược, và mỗi biệt-dược lại có một tên.

Chúng ta có thể lấy ví-dụ một vị thuốc khá phổ-thông ở xã-hội Việt-Nam, dược-chất Gacđênan.

Công-thức :



Danh-xưng la-tinh :

Pháp, Ngaxô, Balan, TrungHoa

và Dược-điền quốc-tế

Ấn-độ

Lỗ-mã-ni, Đức

Anh, Mỹ, Nhật-Bản

Phenobarbitalum

Phenobarbitonum

Acidum phenyl aethyl barbituricum

Không ghi tên la-tinh

Danh-xưng dân-tộc :

Pháp, Mỹ

Balan, Đức

Lỗ-mã-ni

Nga-xô

Phenobarbital

Luminal

Acid fenil etil barbituric

ФЕНОВАРБИТАЛ



Ấn-độ, Anh  
Trung-Hoa

Nhật-Bản

*Danh-xung khoa-học :*

Dược-điền quốc-tế  
bản tiếng Pháp  
bản tiếng Anh  
Pháp  
Anh, Mỹ, Ấn-độ, Nhật  
Đức  
Lỗ-mã-ni  
Trung-Hoa

Ba-lan

*Danh-xung các biệt-dược :*

Adonal, Aephenal, Aerypnal, Amylofene, Barbapil, Barbenyl, Barbinel, Barbiphen, Barbophen, Barbiphenyl, Barbivis, Cardenal, Dormiral, Dormital, Duneryl, Eskabarb, Etilfen, Euneryl, Fenemal, Gardenal, Gardepanyl, Leonal, Lepinal, Linasen, Liquital, Lixophen, Luminal, Molinal, Neurobarb, Noptil, Nunol, Phenemal, Phenobal, Phenonyl, Sedonal, Sevenal, Somnolens, Solvinal, Somonal, Stental, Theolaxin, Versomnal, Zadonal...

Theo ví-dụ này, ta thấy rằng trước hết, công-thức hóa-học của Gacđênan được thống-nhất hoàn-toàn trên khắp thế-giới. Trong khi tên latin tương-đối có thống-nhất, thì tên dân-tộc thay đổi nhiều, và tên khoa-học thì lại thay đổi nhiều hơn nữa, theo thiên-tính ngôn-ngữ của mỗi dân-tộc. Nga-xô và Ba-lan đổi cách. Trung-hoa không theo âm quốc-tế mà cũng chẳng theo dạng chữ la-tinh (viết chữ nhỏ). Còn tên biệt-dược thì thật là cả một rừng tên dành cho một vị thuốc, từ A chí Z.

Trong cuốn dược-điền Việt-Nam của tương-lai, thiết tưởng ta có thể dùng tên Phenôbacbitan hay Luminan.

Phenobarbitone

phiên âm : bản ba ty thỏa

phát âm : pần pa pí thồ

Phenemal

Acide phényl-5 éthyl-5 barbiturique

5 Ethyl-5-phenylbarbituric acid

Phényl éthyl malonylurée

5-ethyl-5-phenyl barbituric acid

Phenyl äthyl barbitursäure

Acid 5-fenil-5-etil barbituric

phiên-âm : 5-ất cơ-5-bản cơ ba  
tỷ thồ toan

phát âm : 5-ghi trí-5-pần trí

pa pí thủ soan

Kwas-5-etylo-5-fenylo barbiturowy

Vì quốc-ngữ của chúng ta cũng dùng chữ la-tinh cho nên trong việc phiên danh thuật-ngữ quốc-tế ra tiếng Việt-Nam, chúng ta có nhiều thuận-lợi hơn các nước, chẳng hạn hơn hẳn hai nước Cộng-sản không-lò Nga-xô và Hoa-lục. Danh-từ và danh-pháp Việt-Nam tuy có biến-đổi cho phù-hợp với quy-luật của văn quốc-ngữ hiện-hành, nhưng vẫn dễ đọc và dễ hiểu, kể cả cho người ngoại-quốc muốn tham-khảo sách báo chuyên-môn của nước nhà.

Trong thực-tế, y-sĩ chỉ cần ghi nhớ tên khoa-học của vị thuốc và tên một vài biệt-dược, để viết toa cho bệnh-nhân.



## Mục đích và phương pháp dùng thuốc

Thuốc dùng để điều-trị và phòng ngừa bệnh.

Trong hệ-thống các biện-pháp phòng bệnh, thuốc chiếm một vị-trí nhất-định. Dùng thuốc có thể phòng được bệnh phát sinh hoặc phòng được sự phát triển các rối-loạn chức-phận của cơ-thể. Như trong ngoại-khoa, các thuốc tê, mê giúp cho phẫu-thuật được dễ dàng, giữ được sức cho bệnh-nhân, ngăn ngừa được các cơn đau-đớn và phòng được các biến-chứng. Các thuốc sát trùng và tẩy uế dùng trong ngoại khoa để chống nhiễm trùng (rửa tay phẫu-thuật-viên, chuẩn-bị khâu-vực mổ, rửa các vết thương).

Các thuốc giảm đau dùng trong một số trường-hợp cũng có ý-nghĩa dự phòng. Những thuốc này ức-che sự thụ-nhận các xung-động đau ở thần-kinh trung-ương, ngăn ngừa khỏi bị kích-thích quá mạnh; do đó mà làm mất nguy cơ rối-loạn điều-hoà chức-phận vỏ não nội tạng của cơ-thể. Các thuốc phong bế thần-kinh cũng có tác-dụng tương-tự.

Các thuốc kích-thích hệ thần-kinh dùng cho người khoẻ làm tăng hoạt-động hệ thần-kinh trung-ương và dự phòng cho cơ và óc khỏi bị mệt yếu và suy-khiệt khi có những nhu-cầu hoạt-động đặc-biệt.

Ngày nay các thuốc hóa-học phòng nhiễm-trùng chiếm vị-trí quan-trọng hơn cả trong hệ-thống các biện-pháp dự-phòng của người thầy thuốc: chloroquin và dapson dự phòng sốt rét, các thuốc kháng-sinh và trụ-sinh dự-phòng một số bệnh nhiễm trùng, penicilin dự

phòng các cơn tái phát thấp khớp cấp, sinh-tổ dự phòng bệnh thiếu sinh-ổ, iốt dự phòng bệnh bướu cổ ở các vùng cao... Các nhà hóa-học và siêu-vi-trùng-học đang tăng-cường tìm tòi các hóa-chất để dự-phòng nhiễm siêu vi-trùng...

Thuốc còn dùng để chẩn-đoán bệnh như dùng iốt trong khoa chiếu điện làm chất cản-quang để chụp hình tạng phủ, dùng histamin để xác-định trạng-thái chức năng tuyến dạ-dày; dùng magiê sunfat để xác-định tốc-độ tuần-hoàn; dùng adrênaline và insulin làm xét-nghiệm nghiên-cứu chuyển-hóa glucit...

Nhưng thuốc dùng trong y-học chủ-yếu là để trị bệnh. Điều-trị bằng thuốc có thể tác-động vào nguyên-nhân bệnh (điều-trị bệnh căn) hoặc tác-động vào những rối-loạn chức-năng cơ-thể làm bệnh phát triển (điều trị bệnh sinh). Thêm vào đó còn có phương-pháp làm cho bệnh biến-điểu nhẹ hơn, giảm đau đớn cho bệnh-nhân, tức là dùng thuốc làm mất các triệu-chứng bệnh (điều-trị triệu-chứng).

Vấn-đề điều-trị bệnh-căn mới phát-triển một cách khoa-học cơ-bản từ cuối thế-kỷ trước, do những thành-tựu của sinh-lý-học, bệnh-lý-học và vi-sinh-học làm sáng-tỏ nguyên-nhân của nhiều bệnh.

Trong vòng vài chục năm gần đây, đặc-biệt có nhiều tiến-bộ lớn trong việc dự-phòng và điều-trị nhiều bệnh nhiễm-trùng bằng các thuốc sinh-vật (sinh-hóa và thanh-huyết) và các thuốc hoá-học (hoá-học dự-phòng và hoá-học trị-tiêu).

Việc xử-dụng hợp-lý những thuốc hoá-học trị-liệu thuộc các nhóm thạch-tin và bitmut trong bệnh giang-mai, các



thuốc tổng-hợp thay-thế kinin trong bệnh sốt-rét, êmêtin, sulfamid, các thuốc trụ-sinh trong bệnh lý và nhiều bệnh nhiễm-trùng khác, đã đảm-bảo chữa khỏi nhiều bệnh nhiễm-trùng.

Tuy nhiên việc điều-trị nếu chỉ dựa vào tác-dụng trên nguyên-nhân bệnh không phải bao giờ cũng đem lại những kết-quả như ý. Vì sự phát-triển của bệnh thực ra là một chuỗi liên-quan nguyên-nhân, hậu-quả. Cao nên hủy-diệt nguyên-nhân bằng phương-pháp điều-trị nào đấy, làm đứt mối liên-hệ bên trong của các hiện-tượng bệnh-lý, nhưng rất có thể là những rối-loạn chức-phận và các rối-loạn về kiến-trúc phát-sinh ra ở một hệ-thống nào đấy của cơ-thể hãy còn. Những rối-loạn ấy (thí-dụ : thiếu dưỡng-khí trong phế-viêm, viêm tâm cơ trong bạch-hầu) phát-sinh ra rồi bản-thân chúng lại ảnh-hưởng và gây một số biến-đổi liên-quan lẫn nhau trong cơ-thể. Vì thế trong điều-trị các bệnh nhiễm-trùng, đồng-thời với việc dùng các thuốc chống trùng cần phải có những biện-pháp và được-phẩm nhằm hồi-phục chức-phận đã bị rối-loạn như dùng các thuốc chống suy tim mạch, chống thiếu dưỡng - khí, chống các độc - tố vi-trùng v.v...

Trong số các yếu-tố quyết - định hiệu-lực điều - trị, thì *đặc-biệt-phản ứng cơ-thể từng người bệnh đóng vai-trò quan-trọng*. Đặc-điểm ấy phản-ảnh trạng-thái miễn dịch và các cơ-chế tự-vệ khác của cơ-thể. Như vậy hiệu-lực các thuốc hóa-học trị-liệu là kết-quả tác-dụng thuốc trên *toàn bộ quá-trình nhiễm-trùng* nghĩa là trên nguyên-nhân gây bệnh cũng như trên tất cả các phản-ứng của cơ-thể. Những phản-ứng này là

cơ-sở của cơ-chế hồi-phục (hiện-tượng miễn dịch, phản-ứng thể dịch, giải độc, thải trừ). Cho nên trong thực-hành điều-trị các bệnh nhiễm-trùng, đồng-thời với việc dùng các thuốc đặc-hiệu cần cho bệnh-nhân những chất làm tăng sức đề-kháng toàn thân (ăn uống hợp lý, các thuốc kích thích, sinh-tổ...)

Nguyên-tắc điều - trị nguyên - nhân chiếm trong y-học hiện-đại vị-trí quan-trọng nhất về mặt thực-hành ứng-dụng các thuốc chống trùng, thuốc chống giun sán, các sinh-tổ, các chất giải-độc hóa-học, tức là để điều-trị và dự-phòng các bệnh nhiễm-trùng, các rối-loạn chuyển-hóa, các trường-hợp thiếu sinh-tổ, các trường-hợp nhiễm độc...

Trên một bình-diện khác, y-sĩ có thể dùng thuốc với mục-đích tác-dụng vào cơ-chế bệnh và do đó, làm hồi-phục những chức-phận rối-loạn của cơ thể *dựa trên sự hiểu-biết bệnh sinh và những diễn biến của bệnh*.

Bệnh phát-sinh với rất nhiều biểu-hiện rối-loạn chức-năng trong cơ-thể đòi hỏi người thầy thuốc khi xử-trí điều-trị phải phân-biệt được rối loạn nào là chủ-yếu, nguyên-phát, rối-loạn nào là thứ-phát, xuất-hiện muộn hơn.

Mắt xích đầu tiên trong dây chuyền các hiện-tượng bệnh sinh ở bệnh đái đường là sự rối-loạn chuyển-hóa gluxit, ở bệnh thận là rối loạn chuyển-hóa nước muối, ở bệnh suy mạch vành là co thắt mạch vành...

Trong số các hiện-tượng có tính-chất phát ta có thể kể tồn thương hệ tim mạch trong phế viêm, suy tim trong chứng huyết-áp cao, tăng huyết-áp trong bệnh thận..

Trong vấn-đề xử-dụng nguyên-lý



điều-trị bệnh sinh, y-sĩ trước hết phải hướng vào việc làm hết các rối loạn cơ-bản nguyên-phát. Do đó, dùng insulin trong bệnh đái đường là hợp-lý vì điều-hòa được chuyển-hóa glucit, thỏa-mãn được nhu-cầu điều-trị bệnh-sinh của bệnh này. Dùng digitalin trong suy tim mãn tính, nitrit trong co thắt mạch vành, các thuốc hồi tỉnh trong ức chế chức-phận hệ thần-kinh trung-ương, cho hít dưỡng-khí trong thiếu ôxy cấp và bán cấp cũng với ý-nghĩa đó.

Đồng thời, y-sĩ cũng lưu-tâm chống cả những rối-loạn không cơ-bản, thứ phát, nhất là khi các rối-loạn đó đe-dọa sự hoạt-động của những cơ-quan và hệ-thống quan-trọng (hệ thần-kinh, hô-hấp, tuần-hoàn).

Sự xác-định tầm quan-trọng của rối-loạn chức-phận các phần cao-cấp hệ thần-kinh trong bệnh sinh các bệnh loét dạ-dày và huyết-áp cao, đã quyết-định các biện-pháp điều-trị dự-phòng thích-hợp và đề-xuất chế-độ bảo-hộ trong điều-trị, song song với các biện-pháp khác. Chế-độ đo được thực-hiệu bằng cách dùng thuốc làm giảm tính kích-thích của hệ thần-kinh trung-ương, hoặc bình-thường-hóa mối tương-quan giữa các quá-trình hưng-phân và ức-chế ở vỏ não (các thuốc ngủ, bromua...) Trong điều-trị bệnh huyết-áp cao, việc dùng các thuốc đó rất quan-trọng để giảm-bớt cường-độ các phản-ứng co mạch và làm cho trương-lực thành mạch

ít thay đổi.

Tổ-chức hiệu-pháp của Filatov cũng gần giống điều-trị bệnh sinh. Thuốc dùng là những tổ-chức động-vật và thực-vật — chẳng hạn nhau tươi — chế-tạo bằng phương-pháp thích-ứng (để ở nhiệt-độ thấp, trong tối). Do những điều-kiện sinh-vật-học không thuận lợi, những tổ-chức này tạo ra các hóa-chất gọi là kích-sinh-tổ, là biostimulin, tức những hoạt-chất tác-dụng mạnh-mẽ để giúp những tổ-chức liên-hệ sinh-tồn.

Cuối cùng, điều-trị triệu-chứng là một trong những hình-thức điều-trị bệnh cổ nhất từ thời-kỳ xa xôi của y-học, khi y-khoa chưa có những khái-niệm cơ-bản khoa-học về các quá-trình sinh-lý bệnh và về dược-lý-học.

Lúc bấy giờ, làm mất hết các triệu-chứng được coi như hết bệnh và người thầy thuốc rất khát khao có những thuốc, những phương-pháp giải-quyết được các triệu-chứng chủ-quan và khách-quan cho bệnh-nhân, dù chỉ là nhất thời (đau, ho, sốt...). Tất nhiên lúc bấy giờ y-khoa chưa hiểu rõ ý-nghĩa của từng triệu-chứng trên con đường phát-triển của quá-trình bệnh-lý. Chủ-nghĩa kinh-nghiệm thô-sơ và chủ-nghĩa giáo-điều là đặc-điểm của nhiều phương-hướng điều-trị trong thế-kỷ thứ 19, dùng nhiều và lạm dụng các thuốc chữa triệu-chứng.

Điều-trị như thế thường ít có hiệu-quả, chỉ là mất triệu-chứng trong một

# NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc  
Tăng cường trí nhớ



thời gian ngắn, và trong một số trường-hợp có thể có hại. Thí-dụ dùng thuốc phen làm giảm triệu-chứng tiêu chảy do nguyên nhân nhiễm-trùng hoặc nhiễm độc, ở một giai-đoạn nhất định của bệnh, có thể làm cho tình-trạng bệnh-nhân xấu đi do các vi trùng gây bệnh bị giữ lại ở đường tiêu-hóa và các độc-tố hấp thụ vào máu ; cho thuốc mê khi khó thở cũng như cho thuốc long đàm ở giai-đoạn đầu của phế-viêm đều không có lợi...

Cho nên, điều-trị hợp-lý bao giờ cũng cần xây-dựng trên sự phân tích sâu-xa và toàn-diện các triệu-chứng là các biểu-hiện rối-loạn hệ-thống này hoặc hệ-thống khác của cơ-thể, đồng-thời cần hiểu ý-nghĩa của từng triệu-chứng trong sự chuyển-biến của quá-trình bệnh-lý (triệu-chứng cơ-bản và triệu-chứng thứ phát.)

Trong một số trường-hợp, những biểu-hiện bên ngoài của bệnh (triệu-chứng) phản-ảnh sự biến-đổi chức-phận, biểu-lộ những phản-ứng bù-đắp thích-nghi của cơ-thể. Ho long đàm ra chứng tỏ ổ phế viêm đã được giải-quyết ; khó thở trong vài thể thiếu-năng hô-hấp là biểu-hiện phản ứng bổ--chỉnh của cơ-thể.

Những quan-điểm hiện nay về nguyên-lý điều-trị triệu-chứng như vừa trình-bày rất gần với nguyên lý cơ-bản điều-trị bệnh sinh và đối-lập với điều-trị triệu-chứng theo kinh-nghiệm chủ-nghĩa trước kia.

Dĩ nhiên, trong thực-hành được-trị-liệu, y-sĩ luôn luôn phải tùy theo hướng chẩn-đoán bệnh và con đường phát-triển quá-trình bệnh của từng người mà cho thuốc, phải phối-hợp một cách hợp-lý những dược-liệu điều-trị nguyên-nhân, những dược-liệu điều-trị bệnh sinh và những dược-liệu điều-trị triệu-chứng. Đường lối điều-trị đòi-hỏi không những chọn thuốc đúng mà còn biết phối-hợp điều-trị bằng thuốc với những biện-pháp điều-trị dự-phòng khác tác-động trên cơ-thể bệnh-nhân : điều-trị luôn luôn phải là toàn diện.

Nhưng điều-trị chủ-yếu và tiên-quyết vẫn là *Primum non nocere* : trước hết, không được gây hại cho người bệnh

Bác sĩ TRẦN-VĂN-TÍCH

CAO TIÊU  
**QUAN NIỆM VỀ CÁI CHẾT**  
 QUA THI CA VÀ TRIẾT LÝ

Sách in đẹp, toàn trên giấy trắng tốt, gồm nhiều phụ bản giá 100đ

Bán tại : Nhà sách KHAI TRÍ 62 Lê Lợi Saigon





## THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão Sài-gòn :

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG  
 ó xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cờ áo (étiquette)  
 màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện  
 Số : 2.701 THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN



# LOẠN DANH

Thuyết chính danh có từ lâu đời chứng tỏ từ lâu đời đã sợ loạn danh. Từ khi loài người biết nói, biết đến hiệu-năng của ngôn-ngữ, người hắc vì tư-lợi dùng sai danh để đạt đến mục-phiêu của mình, hoặc nhận định được danh có thể không đi đôi với thực. Cảnh rối reng của xã-hội thường kèm theo cảnh lạm-dụng hay dùng bừa bãi danh-từ.

Danh chính ngôn thuận, ngôn thuận thì mọi sự đều có trật-tự. Nhưng ai có quyền, có khả-năng định đoạt chính-xác của ngôn-từ? Điều gì làm tiêu-chuẩn để phân rõ chân hư? Ngôn-ngữ đã là ước-lệ của xã-hội, qui-phạm cũng là ước-lệ. Và vì xã-hội biến đổi, ước-lệ phải đổi theo, điều mà người ước muốn giá trị muôn đời và tuyệt-đối khó lòng chấp nhận.

Đời xưa mặc nhiên giao phó cho những bậc thánh-hiền hay các đấng tiên-vương quyền đặt tên, hay tự các ngài phong cho mình quyền ấy. Chuyên-chế, độc-đoán không trách khỏi. Một văn-hóa theo nghĩa đầy đủ, trong đó có ngôn-ngữ, không phải do một thiểu-số tài giỏi hay quyền thế dựng lên được. Dân chúng, đa số dân-hung, tiếp xúc hằng ngày với những công việc, với những vấn-đề thực-tiến, vẫn đóng góp thường xuyên cho phong-phú và phát-triển văn-hóa cùng ngôn-ngữ. Nghiên-cứu sự cấu-tạo và biến-đổi của một ngôn ngữ, nhất là trong những xã-hội rộng lớn, dân-chủ và tiến-bộ, sẽ thấy vai tuồng rõ rệt của những đám người vì nghề-nghiệp,

vì hoạt-động, vì lối sống riêng, làm thành những khu vực *tiềm-văn-hóa* (sub-culture). Tiếng lòng, tiếng riêng của sinh-viên, thợ-thuyền, của phường trộm cướp nữa, phản ảnh sự sống động của văn-hóa đa-diện và gián-tiếp xã-hội nhận sự tranh giành quyền định đoạt danh-từ và giá-trị. Thực mới cần danh mới, danh bấy lâu được xem là chính có thể không phù hợp với cái thực đã biến-chuyển, điều mà thường theo một ước-định nào đó cho là loạn danh có thể trong một số trường-hợp không còn đáng chê trách như là hư-hỏng và nguy-hại.

Khổng-tử chú-trọng đến chính-trị và đạo-lý và đã dùng thuyết chính-danh để duy-trì khung cảnh xã-hội hợp với ý-thức-hệ của mình. Vua cho ra vua, tôi cho ra tôi, v.v. Chính danh định phân lập những tương-quan bất di dịch giữa những thành-phần xã-hội, đó là việc đầu tiên của Thầy Khổng nếu được mời coi chính-sự. Nhưng nếu Vua hư hỏng, thì sao? Người ta chỉ giết tên Trụ, không giết Vua Trụ. Sự phân-biệt tế-nhị giữa người làm vua với chức-phận vua, thật là lý-thú. Phải chờ đến thế-kỷ 18, mới thấy Các-mạng Pháp từ chối luôn chức-phận ấy. Thay đổi cơ-cấu chính-trị vì cơ-cấu kinh-tế đã khác hẳn, dân chúng Pháp với sự thúc đẩy của giai-cấp mới, giai-cấp trung lưu hữu sản không có chân-đứng để tranh quyền hành, dân chúng Pháp đã chém đầu Vua, Rủi cho Louis XVI phải



làm vua lúc ấy. Thân xác hay tên tuổi của người trên ngôi trong giai-đoạn đó không quan-trọng, điều quan-trọng là đập đổ một cách vinh viển ngai vàng, biểu-tượng cho uy-quyền chuyên chế, và tìm phương-thức khác cho bất cứ người nào cũng nuôi được hy-vọng cầm vận mệnh nước hay tham-gia chính-sự, chia sẻ lợi lộc, không buộc phải là tôn-thất, quý-tộc hay giáo-phẩm. Nếu cầm bênh-vực cho Khổng-tử, có thể nói dù cho chém vua đi, dù không dùng danh-từ vua, dù cho từ nay gọi là tổng-thống, chủ-tịch, quốc-trưởng hay người số một, vấn-đề đạo-lý chính-trị cũng không thay đổi, vì ý-niệm về người cầm quyền, người nhận thiên-mệnh hay được dân định chọn để bảo vệ giang-sơn và tìm hạnh-phúc cho trăm họ, vẫn gồm một số tài-năng đức-hạnh, một số ràng buộc tinh-thần. Danh theo Khổng không phải là chữ hay âm, *quân*, *thần*, *phụ*, hay *tử*, mà là ý-niệm do chữ hay âm ấy nhắc đến. Ý-niệm hay danh theo Khổng không phải duy-nghiệm, và đã được đặt ra một cách tiên-thiên. Chính danh là để lời nói và hành-động ta hợp với những ý-niệm tiên-thiên đó.

Những hiền-triết Trung-Hoa thời xưa không giúp ta hiểu biết rõ ràng hơn về chữ danh họ dùng. Đổng-Trọng-Thư, nho-sĩ đời Hán, chia danh ra hai loại, và chia theo nghĩa, một loại theo nghĩa hẹp chỉ từng vật riêng rẽ, một loại theo nghĩa rộng gồm luôn *danh* chỉ cái rời rạc và *hiệu* chỉ chung những vật, chủng loại hay đại-toàn của chúng. Mặc-gia lại chia danh ra ba loại: *đạt-danh* là cái danh phổ-biến, chỉ tất cả các vật, *loại danh* chỉ từng loài, *tư danh* chỉ từng người, từng nơi. Tuân-Tử, là người muốn dung hòa chính-danh-luận của

Khổng-tử với chính-danh-luận của Danh-gia và Mặc-gia lại chia thành hai loại danh: *đại-công-danh* giống như đại-danh của Mặc-gia, và *đại-biệt-danh* giống như loại-danh.

Ngày nay ta không còn dùng ngữ-vựng và lối phân loại như thế, ta lại phân-biệt danh-từ với ý-niệm và chữ danh hay danh-từ được dùng với nghĩa là tên, là thề-từ trong vãn-phạm, và nghĩa thông thường là một tiếng, một chữ.

Dựa nơi thường-nghiệm và ứng dụng, ta chia những danh, hay chữ, hay tiếng, thành ba loại: loại thứ nhất gồm những chữ chỉ những vật hay phẩm-tính nhận-định được rõ ràng, dù riêng biệt hay đại-toàn, như quyền sách, sách, đỏ, màu đỏ; loại thứ hai chỉ những thực-thể và phẩm-tính khó định rõ, khó nhận thấy, gồm những chữ trừu-tượng, như công-bình, bá-ái, t-ự-do, dân-chủ, những chữ chỉ tâm-trạng được khách-quan-hóa như đẹp, xấu, sướng, khổ...; loại thứ ba gồm những chữ không liên-quan đến các vật thuộc ngoại-giới hữu hình hay những trạng-thái tâm-linh, mà thường chỉ là sản-phẩm của tưởng-tượng như rồng, ngư-nữ, độc-nhân thần qui-quái... Những chữ thuộc loại thứ nhất không lâm lẩn được. Muốn thỏa mãn những nhu yếu của mình, người phải biết gọi đúng các sự vật, và tôn-trọng ước-lệ của cộng-đồng. Không mấy ai tranh biện với nhau, đây quyền sách, đây không phải quyền sách, chỉ những vật thấy lần đầu hay chưa thấy mới sinh khó khăn, nhưng khó khăn về hiểu biết, mà không có vấn đề chủ-quan, theo tôi thì, theo anh thì. Sự hiểu biết trở nên phong-phú và chính-xác, nghĩa là hiệu-năng hơn, khi người từ chữ gọi



chung đã học được những chữ gọi từng vật có khác biệt, như ta sẽ dùng chữ gạo trong thời gian khá lâu trước khi biết gọi gạo lứt, gạo ruộng, gạo móng chim, gạo thơm, gạo Thần-nông v.v... Loại chữ thứ ba như rỗng, phụng, kỳ lân, tùy thuộc tượng-tượng, cũng không gây nhiều rắc rối về loạn danh hay loạn thực. Chưa ai đã thấy con rỗng thật ngoài những hình rỗng, nhưng có thể chê người vẽ rắn nói vẽ rỗng vì theo ước-lệ của những hình vẽ rỗng đầu tiên. Nhưng khi nói đến đức-tánh hay giá-trị biểu-tượng của rỗng, ta sẽ thấy có sự khác biệt tùy theo cộng-đồng xã-hội. Người phương Đông quý trọng rỗng, hình ảnh của vua chúa, của cao quý, nhưng người phương Tây cho rỗng là hình ảnh của quý quái, tàn ác, mới có huyền-thoại hiệp-sĩ Georges giết được rỗng. Danh rỗng đã trở thành một ý-niệm, và thuộc vào loại thứ hai của ta, loại chữ trừu-tượng, đánh dấu sự tiến-bộ của trí óc con người, nhưng cũng dễ ngộ cho sự lạm dụng, sự ngộ nhận, cho lối giải-thích rất chủ-quan, tùy hứng, tùy thời, tùy cá-nhân, tùy đoàn-thể, tùy địa-phương. Loạn danh, loạn thực hầu hết xảy ra chung quanh những chữ loại này.

Khi dựng lên thuyết chính danh, Khổng-tử quan-tâm đến những chữ gây ra nhiều ý-niệm khác nhau, Khổng-tử minh-định nghĩa cần phải theo để giữ được trật-tự xã-hội. Những nghĩa đó cũng chỉ nằm trong phạm-vi thực-tiến. Lỗ Thắng, đời Tấn trong bài tựa *Mặc biện chủ tự* đã tóm tắt công dụng của danh: «Danh là cửa của đạo-nghĩa, là mục-thước của công việc chính-trị và giáo-hóa», Chẳng đáng ngạc nhiên khi những môn-đệ của Khổng chống đối

mãnh liệt các danh-thuyết khác, muốn vượt khỏi phạm-vi chính-trị và đạo-lý để đạt tri-thức-luận rộng rãi hơn, Danh-gia và Mặc-gia, là những biện-sĩ không chấp chận thuyết chính-danh của Khổng vì không thấy tiêu-chuẩn của một tri-thức chính-xác. Khi các môn-đệ hỏi thầy Khổng tại sao người sinh ra tốt mà sự nói dối thay thế cho sự thật, kể cả nơi người đức-hạnh, Khổng-tử thường đáp là tại vì dùng sai danh. Nếu cho vật đúng danh, nếu gọi thiện là thiện, ác là ác, và cứ theo đó mà sống, thì mọi sự đều ở trong vòng trật-tự. Nhưng trong thực-tế, người đời muốn biết gì là thiện, gì là ác, không những về ý-niệm tổng-quát mà trong các trường-hợp. Mặc-gia nghiên-cứu vấn-đề và cũng không tìm ra giải-đáp. Dưa vào lý-trí để kiểm chế những khát vọng, vẫn không thoát điều nan-giải là tương-quan giữa ý-chí và lý-trí. Nói như Mặc-tử, thiện là điều hữu-ích, cũng chỉ đưa đến thuyết Juv-dụng không bảo-đảm gì cho đạo-lý. Ý-niệm không đạt được yếu-tính của sự vật vì ý-niệm vẫn là của ta, do ta mà có, trong khi Khổng-tử cho danh (ý-niệm) dính liền với sự vật. Công-Tôn-Long, biện-sĩ xuất sắc nhất sống vào khoảng 300 năm trước Tây-lịch đã nói: «Không có vật nào mà không được định-nghĩa, nhưng chỉ là định-nghĩa mà không phải định-nghĩa. Chẳng có định-nghĩa trong thế-giới thực-tại. Chỉ có vật, không thể so sánh điều có trong thế-giới thực-tại với điều không có». Thuyết về danh của Mặc-gia cũng vượt khỏi phạm-vi chính-trị và đạo-lý và có tánh cách chuyên-môn. Mặc gia có công phân-định đầu tiên chủ-ngữ (bây giờ ta gọi là chủ-từ) với vị-ngữ (thuộc-



từ). Một danh-từ *lừa* chẳng hạn chỉ là một ký-hiệu ước-định cho tất cả những phẩm tính liên-hệ với sự biểu-thị *lừa*. Khi thấy chữ ấy ta nhớ lại tất cả những thuộc-từ liên-quan đến nó. Theo quan-niệm của Mặc-gia, thuộc-từ hay phẩm-tính-từ không phải là điều đề gán cho một vật, mà là đồng-số những phẩm-tính biểu-thị cho vật.

Cũng như ở thời Trung-Cổ tại Âu-châu, trước luận-lý duy-thực hợp với siêu-hình-học duy-tâm và tiên-thiên, xuất hiện thuyết duy-danh của Occam và môn-đệ, tại Trung-Hoa cũng đương-đầu với chính-danh-luận của Khổng-tử một phái "duy-danh", xem danh-từ chỉ là dấu-hiệu công-trước cho một số điển-tả sự vật hay phẩm-tính của sự vật. Công-Tôn-Long đi xa hơn Mặc-gia nữa. Nhà duy-danh cứng rắn này phủ-nhận những phạm-trù tổng-quát nhất, không cho những ý phổ-hữu hay thuộc loại là có thật. Vật tự tại là gì, ta chẳng biết, ta chỉ biết những phẩm-tính, nhưng sự hội-hợp các phẩm-tính không làm thành được sự vật, vì theo Công-Tôn-Long những nhận-thức của giác-quan loại bỏ lẫn nhau. Ta phỏng chừng nếu Công-Tôn-Long cần ngựa đẽ cỡi, và người ta đưa đến con ngựa trắng, chắc hẳn triết-gia ấy không từ chối. Nhưng đề luận-lý, Công-Tôn-Long đã đưa ra câu *Bách mã phi mã* (ngựa trắng không phải là ngựa), một nghịch-luận làm nhức đầu nhiều học-giả đương-thời. Theo biện-sĩ ấy, khi nói về ngựa trắng ta chỉ nghĩ đến màu sắc mà không nghĩ đến hình-thể trong không-gian mà chữ ngựa biểu-thị. Đáng tiếc là tài-liệu về Công-Tôn-Long cũng như về các biện-sĩ khác không lưu-truyền lại cho đầy đủ, đề nhận-định đúng đắn hơn chủ-thuyết

của họ. Những học-giả đối nghịch, nếu được nhà cầm quyền theo quan-điểm mình, không thiếu gì cách đề tiêu-hủy, truyền lại một cách sai lầm, xuyên tạc để giảm giá-trị, những công-trình các phe phái không đồng lập-tr-ởng chính thức. Cũng đáng tiếc chủ-thuyết Mặc-gia không gặp khung cảnh thuận lợi để phát triển. Tuy phương pháp duy-nghiệm — dù cho còn nông nổi — của Mặc-gia có thể tách rời khỏi triết-học và siêu-hình-học, nhưng chủ-trương của họ có khả-năng đặt những bước đầu cho một nhận-thức khoa-học và chính-xác mà Trung-Hoa sau này buộc lòng phải vay mượn của Tây phương.

Tư-tưởng Trung-Hoa nói chung đã lĩnh-hội được nhiều khía-cạnh chân-lý đến 15, 20 thế-kỷ trước Âu Tây. Đôi thuyết của Công-Tôn-Long, được xem là nghịch-luận và chịu những lời chỉ trích nặng nề, ta sẽ gặp lại hai ngàn năm sau nơi những bác-ọc Âu Tây, được dùng làm phur-n-ại-tiền hiều biết về nhiều mặt. Ví dụ Công-Tôn-Long cho quan-niệm tổng-quát và rộng rãi nhất không chất chứa cái đặc-thù và hẹp hòi nhất. «*Hai không gồm một.*» Trong toán-học những công-lý cần thiết để biện-suy, được đặt ra như cơ-gia-trị tuyệt đối hiển nhiên. Như *toàn-thể lớn hơn thành phần*. Nghịch-luận «*Hai không gồm một*» của Công-Tôn-Long có vẻ ngược lại với sự hiển-nhiên luận - lý ấy. Nhưng với sự tiến-bộ của tư-tưởng toán học, ngày nay, người ta xem công-lý chỉ là một định-nghĩa trá hình. Trong trường-hợp cho *toàn-thể lớn hơn thành phần*, chỉ là định-nghĩa một trật-tự toàn-thể nào đó, một toàn-thể hay tập-hợp hữu hạn. Công-lý trên không còn thích-hợp cho toán về toàn-bộ hay tập-hợp vô-cực. Ví dụ đặt một bên tập-hợp vô cực của



nguyên-số, và một bên tập-hợp vô-cực của các số chẵn. Ta sẽ có từng phần đối diện, một thứ tương-ứng lưỡng đơn-cực, ta có 1 tương ứng với 2, 2 với 4, 3 với 6, 4 với 8, v.v. Hai tập-hợp bằng nhau, cùng có một lũy-thừa, mặc dầu tập-hợp các số chẵn chỉ là một phần của tập-hợp các nguyên-số. Điều đặt ra như một nghịch-luận cho lẽ phải thông-thường sẽ hợp lý nếu nằm trong một hệ thống tư-tưởng khác, hoặc khi ta hiểu chữ hai nói đó theo ý-niệm nào và một theo ý-niệm nào. Toán-học hiện-đại với hình-học theo Lobatchevsky hay Riemann đã cho biết những nghịch-luận đối với những điều hiển-nhiên của hình-học theo Euclide. Nói một tờ giấy chỉ có một mặt hay một vật chẳng có trong và ngoài, bề ngoài và bề trong là một, thật có vẻ loạn thực cho đến khi biết đến vòng của Möbius hay cái chai của các nhà hình-học vị-tướng Félix Klein và Albert Tucker (xem *Toán-số với càn khôn*.)

Khi phủ-nhập thứ quan-niệm phổ-quát tiên-hiên, mà lắm nhà triết-gia Tây-phương cũng chủ-trương, Công-Tôn-Long chỉ biết đến sự thật của thành phần cảm-giác. Thuyết ấy cũng đi trước tư-tưởng triết-gia và khoa-học-gia cận-đại, ví-dụ chủ-thuyết của Ernest Mach, nhà vật-lý Áo (1838-1916), người đã nêu lên vai tuồng tốc-độ âm-hanh trong khí-động-học. Trong lúc những nhà vật-lý không quan-tâm hay tiếp xúc với triết-học, Mach lưu ý đến nền-tảng triết-lý của cơ-học, là một việc có vẻ riêu cợt. Nối tiếp tư-tưởng của Locke, Hume, Kant, nhà vật-lý cho thấy khoa học chỉ dựng lên kiểu-mẫu mà cảm-giác ta đã học được trong thiên-nhiên. Cơ-học tất nhiên không phải sự thật cuối cùng về thiên-nhiên mà chỉ là một

trạng-thái nhờ đó nhìn được kiểu-mẫu. Có những trạng-thái khác, lý-hóa, sinh-lý v.v... cũng không kém phần quan-trọng. Người không thể cho nhận-thức của mình về không-gian và thời-gian là tuyệt-đối vì không-gian và thời-gian, theo Mach, chỉ là những cảm-giác, ta có thể đặt tương-quan không-gian với hệ-thống tinh-tú và thời-gian với chuyển-động của hành-tinh. Không-gian ta biết là một ý-niệm do kinh-nghiệm mà ra. Mach nói: "Một thể là một tổng-số tương-đối bằng của những cảm-giác xúc-quan và thị-quan". Một luật thiên-nhiên là một luật súc-tích và minh-bạch cho biết kinh-nghiệm đã qua để hướng dẫn những cảm-giác mai sau.

Biết được quá-trình tiến-triển của tư-tưởng con người, ta phải dè dặt khi dùng đến những từ-ngữ chính danh, chính thực hay loạn danh, loạn thực, chỉ có giá-trị chủ-quan và tương-đối trong một hệ-thống rộng hay hẹp, trong một thời-đại ngắn hay dài. Qui-uật của tư-tưởng, của danh-từ, của lập-luận, rất cần thiết nhưng không thể bất biến. Trong cái gọi là loạn danh, có thể phân biệt nhiều loại: loạn danh vì bất cập, vì dốt nát như của người người mới học hay học chưa đến, loạn danh cố ý, không phải bất cập về hiểu biết mà bất cập về đạo lý, như trong quảng-cáo bịp bợm, tuyên-truyền xảo trá, trong lời nói dối. Cũng có loạn danh vì bệnh hoạn, như những trường-hợp nói sai chữ mà Freud đã tìm ra là triệu-chứng của dồn-ép và mặc-cảm. Lại có thứ loạn danh dụng ý, nhưng không phải vì bất lương, vì mưu cầu tư-lợi, mà do sự cần-thiết của tư-tưởng, vì những danh-từ đương thời không



còn thích hợp hay không đầy đủ cho một diễn ý mới lạ. Thứ loạn danh hữu ích này có thể gặp trong triết-lý, khoa-học, văn-chương...

Ví dụ khi Freud nói «*der Patient erinnert den Vorfall*» (bệnh-nhân nhớ lại việc), Freud dùng động-từ *erinnern* sai văn-ham. Thường thì động-từ ấy phải dùng theo cách phản-chiếu (*sich an etwas erinnern*). Tại sao Freud viết văn Đức đi u tuyền lại viết sai được? Freud đã cố ý sai, để cho rõ lối một bệnh-nhân đang được phân-tâm, sự nhớ lại cảnh dĩ-vãng đã quên đi, đã bị ấn ức, nay sống lại, điều mà tự bệnh-nhân không ý-thức được. Để phân biệt lối nhớ thông thường và thứ sự nhớ đặc biệt, Freud đã dùng động-từ theo lối trực-tiếp và như thế, khi thay đổi văn-phạm đã thay đổi từ-nghĩa.

Cũng có ví-dụ cổ-diễn về Einstein, khi nhà bác-học dùng lại nơi danh-từ đồng-thời (*simultaneity*). Nếu cứ theo lẽ phải thông thường (mà triết-gia Anh G.E. Moore tiêu-biểu, xem *Principia Ethica, Philosophical Studies, Some Main Problems of Philosophy*), thì Einstein sẽ không phát-minh gì về vật-lý. Nhưng nhà bác-học không theo lẽ phải thông thường, không theo chính danh, mà tự hỏi: Tôi có thật sự hiểu khi tôi nói hai sự việc đồng thời không? Suy nghĩ kỹ, nhà bác-học thấy hố sâu trong sự hiểu biết của mình. Khi nói hai sự việc xảy

đồng thời là lúc chúng ở cùng một nơi hay ở gần nhau, nhưng nếu vị-trí khác xa, thì không thể nói đồng thời được nữa. Eins ein cho là mù quáng nếu cứ áp-dụng nghĩa thông thường. Chữ đồng thời phải định-nghĩa rõ hơn cho trường-hợp hai việc ở xa, và định-nghĩa thế nào cho định-nghĩa giúp ta có phương-pháp định đoạt bằng thí-nghiệm rằng hai sự việc đồng thời hay không. Sau năm 1905, khi Einstein công bố thuyết tương-đối của mình, một danh-từ đã có nghĩa mới. Nếu không thoát chính danh, nhà bác-học sẽ không có tia lửa để mở kỷ-nguyên mới lạ cho vật-lý-học.

Trong văn-chương biết bao cảnh loạn danh cũng làm phong phú ngôn-ngữ và nghệ-thuật. Joyce (trong *Finnegans Wake*) với lối dựng lên những danh-từ mới đã phá vỡ biên-giới ngôn-ngữ và tư-tưởng. Flaubert (trong *Madame Bovary*) với cách dùng thời của động-từ khác với luật thông thường, đã vạch ra một quan-niệm mới về tiểu-thuyết.

Như vậy, có loạn danh và loạn danh. Văn phạm, ngữ-vựng, từ-diễn, bao nhiêu ước-lẽ cần thiết ấy cũng phải theo luật nhu-cầu và biến đổi. Sự hợp cách, sự chính-xác, hợp-lý nào đó không thể làm thành qui-luật độc-tôn, phổ-quát và vĩnh-viễn, để ngăn cấm những phát-triển có khi lạ lùng của câu văn, chữ nghĩa, tư-tưởng. Có người còn phán một cách độc ác rằng sự hợp cách là nơi ấn núp cuối cùng của những người cuồng có gì để nói.

CUNG GIỮ NGUYỄN

# NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc  
Tăng cường trí nhớ





# EINSTEIN

(1879 — 1955)

## Bức thư lịch sử.

Cuối tháng bảy 1939, hai nhà vật lý học Hung Gia Lợi Leo Szilard và Eugene Wigner, giáo sư ở Princeton, về mặt lo lắng, lại kiếm Einstein, lúc đó đang ở Long Island, tỏ ý ngại rằng Đức Quốc Xã đang nghiên cứu cách chế tạo bom nguyên tử, nếu họ chế tạo được thì chẳng những Châu Âu mà khắp thế giới sẽ bị nằm dưới gót sắt của họ hết, nếu không bị tiêu diệt.

Szilard hỏi ông :

— Ông chịu viết thư cho Tổng Thống Roosevelt, thúc Tổng Thống lập một chương trình chế tạo bom nguyên tử không ?

Einstein thấy đề nghị đó táo bạo quá, ngồi im, lặng thinh một lát. Mới mấy năm trước ông hô hào các nhà bác học trên thế giới đừng chế tạo các vũ khí tối tân để nhân loại giết nhau nữa, bây giờ ông làm sao có thể chấp nhận một đề nghị như vậy được, đâu có thể tiếp tay vào công việc tàn sát loài người được. Nhưng rồi ông nghĩ lại: Hitler

tất nhiên không thể có một chút lương tâm gì cả, và nếu Đức chế tạo được bom nguyên tử trước Hoa Kỳ thì mới làm sao ? Ông đáp :

— Tôi chưa hề gặp Tổng thống, giá có viết thư thì cũng chẳng ích gì...

Wigner mỉm cười, bảo :

— Tổng thống quý ông lắm, chỉ một mình ông là có thể làm cho Tổng thống lưu tâm tới vấn đề đó được thôi.

Ông nói :

— Tôi không khi nào tán thành cái ý dùng bom đó, trừ trường-hợp bất khả kháng. Nhưng nếu Hoa Kỳ có được thứ bom đó mà làm cho Hitler phải suy nghĩ lại, thì tôi sẽ gửi thư lên Tổng thống.

Einstein bèn đọc bằng tiếng Đức đại ý nội dung một bức thư cho một người giúp việc tên là Teller chép. Rồi Szilard theo những ý đó mà viết thành hai bức một dài một ngắn để Einstein lựa. Ông lựa bức dài rồi ký, chẳng thêm bớt gì cả. Bức thư đó như sau.



Albert Einstein  
 Old Grove Road  
 Nassau Point  
 Peconic, Long Island  
 Ngày 2 - 8 - 1939.

F. D. Roosevelt  
 Tổng Thống Hoa Kỳ  
 Bạch Ốc  
 Washington D.C.

Thưa Tổng thống,

Tôi đã được đọc bản thảo các công việc nghiên cứu mới đây của E. Fermi và L. Szilard và tôi tin rằng chất uranium có thể một ngày gần đây biến đổi thành một nguồn năng lực mới rất quan trọng. Theo tôi có vài khía cạnh của tình trạng đáng cho Chính quyền chú ý tới và nếu cần, phải hành động mau nữa. Vì vậy tôi tự xét có bổn phận trình lên Tổng thống những sự kiện và những lời dặn dò dưới đây.

Do những công việc của Joliot ở Pháp, của Fermi và Szilard ở Hoa-Kỳ trong bốn tháng gần đây, người ta thấy rằng có thể gây nên những phản ứng hạch tâm dây chuyền trong một khối Uranium, những phản ứng đó có thể phát sinh được một sức mạnh vĩ đại và rất nhiều chất phóng xạ. Hiện nay gần như chắc chắn rằng sắp có thể đạt được kết quả đó.

Hiện tượng mới đó cũng làm cho người ta chế tạo được bom — và có thể chứ chưa thật chắc chắn rằng những thứ-bom mới này cực kỳ mạnh, tới nỗi chỉ một trái thôi chở trên một chiếc tàu, đề nổ trong một hải cảng thì trọn hải cảng và một phần miền chung quanh sẽ tan tành. Nhưng có thể rằng những bom đó nặng quá không thể chở bằng máy bay được.

Hoa Kỳ chỉ có ít quặng uranium mà quặng lại rất xấu. Ở Gia Nã Đại, ở Cựu (1) Tchecoslovaquie có quặng tốt, nhưng những mỏ Uranium lớn nhất thì ở Congo thuộc Bỉ.

Xét tình trạng như vậy, Tổng thống có thể thấy rằng Chính quyền nên tiếp xúc thường xuyên với nhóm vật lý gia ở Mỹ đang nghiên cứu các phản ứng dây chuyền. Có một cách là giao công việc đó cho một người được Tổng thống tin cậy và người đó sẽ tiếp xúc với các vật lý gia một cách không chính thức. Nhiệm vụ của người đó có thể là :

a) Tiếp xúc với các cơ quan chính quyền, cho các cơ quan đó hay mọi sự phát triển sẽ thực hiện được, đề-nghị với chính quyền những biện pháp cần thiết, và đặc biệt chú ý tới việc mua và dự trữ đều đều quặng uranium.

(1) Cựu, vì lúc đó Tchecoslovaquie đã bị Đức chiếm.



b) Làm gấp công việc nghiên cứu, hiện nay giáo cho các phòng thí nghiệm tại các Đại học mà ngân sách rất eo hẹp; phải tăng ngân sách cho họ, tiếp xúc với các tư nhân muốn trợ lực vào công việc đó, hoặc yêu cầu các phòng thí nghiệm kỹ nghệ hợp tác, nếu họ có đủ dụng cụ cần thiết.

Tôi hay tin rằng Đức đã cấm bán Uranium đào được ở các mỏ Tchecoslovaquie mà họ đã chiếm được. Nếu chúng ta nhớ rằng viên Thứ trưởng bộ ngoại giao Đức được biệt phái qua viện Kaiser Wilhelm ở Berlin, mà tại viện đó, người ta tiếp tục lại một phần công việc nghiên cứu về Uranium, thì chúng ta hiểu được tại sao họ vội cấm bán Uranium như vậy.

Kính chúc Tổng thống...

### Nói ân hận của nhà khoa học

Bức thư đó là một tài liệu lịch sử quan trọng và sau này làm cho Einstein rất ân hận.

Trong thế chiến thứ nhì, mặc dầu vẫn nghiên cứu về thuyết " Champ unifié", ông cũng không quên nỗi khổ của nhân loại. Ông thường dự những công cuộc từ thiện để giúp các trẻ em Anh tị nạn chiến tranh, giúp những nạn nhân trong vụ Nhật tấn công Trân-châu-Cảng, khuyến khích mọi người mua phiếu Quốc trái...

Khi Đức đầu hàng rồi, Hoa-kỳ muốn thanh toán quân đội Nhật cho mau. Ông phản đối chủ trương thả bom nguyên tử xuống các thị trấn Nhật. Ông đề nghị mời người Nhật tới một miền hẻo lánh nào đó rồi cho nổ bom nguyên tử để họ thấy sức tàn phá kinh khủng của thứ bom đó, mà sẽ đầu hàng. Nhưng chính quyền Hoa-kỳ không nghe, thả hai trái bom xuống Hiroshima và Nagasaki.

Ngày 6-8-1945, ông đương nghỉ ngơi ở bờ hồ Saranac thì một phóng viên tờ *New York Times* lại kiếm ông, cho hay rằng một trái bom nguyên tử mới thả xuống Hiroshima. Ông rầu rĩ bảo :

— Nước ta chưa đủ khôn để sử dụng một năng lực như vậy. (1)

Phóng viên nói tiếp mà có vẻ như cái máy, không tin điều mình nói :

— Trên sáu chục ngàn người chết. Vô số người sẽ chết nữa vì chất phóng xạ.

Einstein nghe nói mà choáng váng. Giá ông biết trước người ta dùng bom nguyên tử cách đó thì ông đã không gửi bức thư trên kia cho Tổng Thống Roosevelt. Ông viết trên tờ *Atlantic Monthly*, số 15-11. «Tôi tự cho tôi là người đã gây ra sự giải phóng nguyên tử năng. Tôi chỉ dự vào việc đó một cách rất gián tiếp. Sự thực, hồi đó tôi không ngờ rằng người ta thực hiện được cái đó trong đời tôi. Tôi tưởng mới chỉ đứng về lý thuyết thôi.»

Cho tới suốt đời, Einstein. — và một nhà bác học nữa, Oppenheimer — ân hận về việc đó và lo lắng cho tương lai nhân loại, cho nên ông hăng hái chiến đấu cho hòa bình, hô hào các bạn bác

(1) Sau này, đô đốc Nhật Matsumoto cũng nói «Chúng tôi đã định đầu hàng, không đợi Mỹ phải dùng bom nguyên tử. Tại sao họ còn thả thêm xuống Nagasaki làm chi? Bom nguyên tử ở trong tay họ như một con dao sắc ở trong tay một đứa bé hư hỏng.»



học hủy bỏ bom nguyên tử đi, chỉ dùng nguyên tử năng vào các mục tiêu hòa bình thôi, nếu không thì « văn minh nhân loại sẽ sụp đổ.»

Một ký giả hỏi ông nếu thế chiến thứ ba phát sinh thì người ta sẽ dùng những vũ khí nào. Ông đáp :

— Tôi không biết. Nhưng tôi có thể nói chắc rằng trong thế chiến thứ tư, nhân loại sẽ dùng đá liêng nhau !

Ông viết một tập nhỏ nhan đề là *Only then shall we find courage* (Chỉ tới lúc đó chúng ta mới có đủ can đảm) trong đó ông bảo : «Chỉ khi nào lương tâm và trí óc của ta minh mẫn thì lúc đó chúng ta mới đủ can đảm để thắng nỗi sợ nó ám ảnh thế giới».

Ông thấy cần phải thành lập một Ủy ban kiểm soát bom nguyên tử, do đó ông chấp nhận ý của Bertrand Russell — một bạn thân của ông — rằng phải có một tổ chức quốc tế với một vũ lực mạnh mẽ, thường bị (1), Có người hỏi ông như vậy không sợ chính quyền quốc tế đó độc tài sao. Ông đáp.

— Sợ chứ, nhưng bom nguyên-tử còn đáng sợ hơn.

### Einstein cảnh cáo chúng ta

Còn kẻ thù chung là Đức và Nhật thì Nga, Anh và Mỹ còn liên minh với nhau, khi Đức và Nhật sắp bị diệt, chiến tranh sắp tàn thì họ đã vội nghĩ ngay tới việc «chia phần»: hội nghị Yalta và hội nghị Potsdam là cái sĩ nhục của các cường quốc mà cũng là mầm gây loạn cho khắp thế giới, hiện nay chưa dứt: biết bao nước nhược tiểu phải chịu tai họa, đau đớn nhất là Việt nam.

Phần của Nga đã lớn lắm rồi, nhưng Nga vẫn cho là nhỏ; Mỹ đã làm bá chủ hoàn cầu thì tất nhiên muốn giữ hoài địa vị bá chủ, cho nên găm ghè Nga. Mỹ muốn giữ độc quyền nguyên tử, mà Nga thì muốn phá độc quyền đó, muốn đuổi kịp Mỹ.

Chiến tranh mới chấm dứt, Nga chưa có bom nguyên tử, mà Einstein lại đề nghị hủy bỏ hoặc kiểm soát vũ khí nguyên tử, nên nhiều người Mỹ ngờ ông là thân Nga. Họ sợ nhớ rằng ông vốn là Do-thái đã ba lần thay đổi quốc tịch, vẫn đặt nhân loại lên trên quốc gia, nên đã kích ông dữ. Nhưng danh ông lớn quá, đức ông cao quá, những lời vu oan không làm hại được ông.

Ông vẫn can đảm đề cao tự do, hòa bình, hợp tác quốc tế, và hai năm trước khi mất, trên báo *New York Times*, số 12-6-1953, ông cảnh cáo dân Mỹ :

Các nhà trí thức xứ này (Hoa Kỳ) phải đương đầu với một vấn đề rất nghiêm trọng. Các chính trị gia phản động đã âm mưu với nhau dọa dân chúng phải coi chừng một tai họa ngoại lai, để tiêm vào lòng dân chúng niềm nghi ngờ mọi gắng sức tinh-thần. Tới nay họ đã thành công ; họ đang chuẩn bị diệt sự tự do giáo dục và làm cho những kẻ nào không chịu phục tùng họ sẽ phải mất chức mà sẽ đói khổ.

«Thiếu số trí thức phải làm cách nào chống tai nạn đó? Thực tâm tôi nghĩ rằng chỉ có cách là phản động theo chính sách sách bất hợp tác của Gandhi. Nhà trí thức nào bị mời tới một Ủy ban điều tra thì phải từ chối không chịu

(1) Cui cuốn : «Thế giới ngày nay và tương lai nhân loại» của Bertrand Russell — Nguyễn Hiến-Lê dịch, Ca Dao sắp xuất bản.



bảo chứng, nghĩa là phải sẵn sàng vô khám, sẵn sàng chịu nghèo đói, tóm lại sẵn sàng hy sinh sự an toàn của mình cho sự an toàn của văn hóa xứ này.

(...) « Nếu có đủ một số trí thức chịu liều thân như vậy thì họ sẽ thành công. Nếu không thì họ không đáng được hưởng gì hơn cái ách nô lệ người ta đương chuẩn bị cho họ.»

Sở dĩ Einstein phải lên tiếng như vậy là vì nước Mỹ vẫn tự hào là thành trì của tự-do, tự nhận nhiệm vụ. « lãnh đạo thế giới tự do », mà lại có biện pháp dùng một số trí thức làm mật vụ, điều tra về chính kiến, hoạt động của thanh niên, sinh viên, và những kẻ nào họ cho là khả nghi thì không được thu dụng trong cái công sở. (1)

### Đồng chí của Bertrand Russell

Năm 1950, ông soát lại những toán của ông về thuyết « Champ unifié » chưa được hoàn toàn thỏa mãn, nhưng thấy đã có thể tuyên bố được.

Năm 1952, sau khi Chaim Weizmann mất, Aba Eban, sứ thần Israël ở Hoa kỳ được giao phó cho việc mời ông làm Tổng-thống Israël, ông từ chối, biết rằng mình không có tài làm chính trị.

Ông giống Spinoza hơn là giống Leibnitz. Spinoza mài kính để mưu sinh, không phải tùy thuộc ai, mà có thể tự do suy tư về triết lý, còn Leibnitz thì làm cố vấn cho các vua chúa, trước sau viết tới 15.000 bức thư có tính cách chính trị. Einstein không bao giờ làm cố vấn cho một nhà cầm quyền nào, sở dĩ viết báo, diễn thuyết, viết thư cho các bạn bác học, gia nhập các ủy ban hòa bình, chống bom nguyên tử, chỉ là do lòng yêu nhân loại, muốn bảo tồn

những giá trị cao quý nhất của nhân loại.

Cũng như Bertrand Russell, ông ghét nhất chiến tranh. Và chính ông chỉ huy tư tưởng, chính kiến của cá nhân.

Lần đó, trước thế chiến thứ nhì, hai ông bà tại tòa Đại sứ Mỹ ở Đức để làm nốt mấy thủ tục xin giấy thông hành. Một nhân viên tra vấn ông :

— Chính kiến của ông ra sao ?

Ông ôn tồn đáp :

— Tôi không có chính kiến nào cả.

— Ông có ở trong một nhóm nào không ?

— Có, nhóm người chống chiến tranh.

— Những người đó là ai ?

Ông nổi nóng lên, đáp :

— Các bạn tôi. Nhưng tôi không hiểu tại sao ông lại hỏi tôi những câu đó.

Rồi ông đưa mắt nhìn bà. Bà hiểu ý, lượm chiếc nón và chiếc áo khoác ở trên một chiếc ghế dựa.

— Nếu phải trả vấn như vậy thì thôi tôi không qua Mỹ nữa.

Ông khoác áo, bước ra. Ra tới khỏi cửa, ông hết giận, bảo bà : « Anh chàng đó có lẽ chỉ tuân lệnh trên thôi. »

Hôm sau điện tín tới tấp bay lại nhà ông « xin ông bỏ qua cho sự ngu xuẩn của một số công chức ». Và một nhân viên tòa Đại sứ Mỹ mang tờ thông hành lại tận nhà cho ông.

### Vài nét về đời tư của Einstein

Ông dậy vào lúc tám giờ sáng, chơi

(1) Ở Anh cũng vậy, có giáo sư Oxford làm mật vụ. Coi cuốn đã dẫn ở trên của Bertrand Russell.



đàn piano một lát, tắm rửa xong, ăn đằm tâm, rồi ngồi một ống điếu. vô phòng làm việc.

Nhiều người thường hỏi ông làm việc mấy giờ một ngày. Ông không biết trả lời ra sao. Ông hỏi lại những người khác làm việc bao nhiêu giờ một ngày. Người ta đáp : Tám hay chín giờ. Ông nhún vai : "Tôi không thể làm việc lâu như vậy được. Mỗi ngày tôi chỉ làm bốn, năm giờ thôi. Tôi ngại rằng tôi không sêng rãng lắm." Làm việc đối với ông là suy nghĩ, là làm toán. Ông nói vậy chứ sự thực, óc ông không lúc nào được nghỉ ngơi. Cho nên cả những ngày chủ nhật, đương lúc ông thả thuyền buồm, hề nghĩ ra một ý nào, ông cũng trở vô phòng làm việc liền.

Có người hỏi ông :

— Chủ-nhật giáo sư cũng làm việc sao ?

Ông đáp :

— Chính thượng đế cũng làm ngày chủ nhật kia mà.

Một lần Philippe Frank và ông rủ nhau đi thăm viện Triền văn — Vật lý Potsdam, hẹn đợi nhau ở một chiếc cầu nào đó. Frank không biết đường phố Berlin sợ tới trễ. Einstein bảo : Ông tới trễ thì tôi đứng đó đợi ông, chứ có gì đâu." Frank bảo như vậy làm mất thì giờ của ông. Ông đáp : "Công việc của tôi làm ở đâu mà chẳng được. Tại sao đứng ở cầu thì tôi lại không suy nghĩ về các vấn đề của tôi như ở nhà tôi được ?

Trong khi làm việc ông không ngại bị người khác quấy rầy. Một bọn sinh viên sau giờ học, hỏi ông :

— Xin thầy cho chúng con biết giờ nào thầy làm việc ở nhà.

Ông đáp :

— Ban ngày, các anh tới giờ nào cũng được,

— Naur vậy chúng con sợ làm ngưng công việc của thầy chứ.

— Có ngưng lại một chút đấy. Nhưng các anh về rồi thì tôi lại làm việc.

Tư tưởng của ông như một dòng nước chảy xiết. Liệng một hòn đá xuống, nước toé lên rồi lại tiếp tục chảy.

Nhưng ông sợ nhất là người trạm mang thư lại. Có lần ông bảo : "Kẻ thù đáng ghê nhất của tôi đấy. Không làm sao tránh khỏi nanh vuốt của chú ấy được."

Là vì thư từ của mọi hạng người từ khắp nơi trên thế giới gửi tới nhà ông hằng chông mỗi ngày. Bà Elsa phải lựa trước, liệng một số lớn đi, tự trả lời một số khác chỉ giữ lại một số ít cho ông đọc. Thực là một cực hình đối với ông. Ban đêm tôi nằm mê thấy rặng bị thiếu ở dưới âm ti, mà tên quỷ sứ hành hình tôi đó chính là chú trạm đưa thư. Nội cái việc đọc thư và trả lời đã nuốt của ông mất mấy giờ mỗi ngày rồi.

oOo

## Giản dị

Ông sống cực kỳ giản dị.

Hồi về già, ông được nhiều người coi như một nhân vật trong huyền thoại vì không tưởng tượng được làm sao ông chỉ nhờ suy tư mà tìm được những luật thiên nhiên rất màu nhiệm rồi chỉ dùng cây bút, chứ không cần có phòng thí nghiệm mà chứng thực được những luật đó. Một nữ sinh có lần viết thư cho ông, bảo : "Con viết thư cho cụ chỉ để xem cụ có sống thực không".



Nhưng ai đã gần ông đều thấy ông rất dễ thương «tới nỗi muốn ôm lấy ông, xiết tay ông, hoặc vỗ nhẹ vào lưng ông... mà đồng thời vẫn trọng ông vô cùng».

Một nét đặc biệt của ông là mớ tóc bù xù, không khi nào chải, ngay từ hồi ông còn trẻ, và về già thì có lẽ cả mấy năm không hót. Ở trong nhà, ông chỉ bận chiếc áo cụt, ấm bằng len hay bằng da; đi dự lễ thì bận bộ đồ «complet» chứ không chịu bận «smoking» (lễ phục). ngay cả lần lãnh giải Nobel cũng vậy.

Chỉ mỗi lần — đúng hơn là hai lần — ông chịu bận một đồng phục. Năm 1910, ông được vời làm giáo sư đại học Prague. Theo lệ giáo sư nào ở Áo cũng phải bận một đồng phục tựa như đồng phục của sĩ quan Hải quân: mũ ba sừng cắm lông chim, áo quần có nẹp kim tuyến, gươm đeo bên sườn, để làm lễ tuyên thệ nhận chức. Ông may bộ đồ đó, bận một lần trong buổi lễ, sau bán lại cho giáo sư Frank. Nhưng trước khi bán, cậu Hans, con lớn của ông, bảo:

— Khoan đã ba, ba bận bộ đó, dắt con đi chơi đã.

Ông hiểu ý: cậu muốn khoe với bạn trong khu phố rằng ba cậu «rất oai».

Bà Mileva can:

— Thiên hạ sẽ nghĩ sao đây?

Ông đáp:

— Sẽ tưởng anh là một vị đô đốc Brésil.

Rồi ông bận bộ đồ, dắt con đi chơi, chiếc gươm đeo bên sườn, dài quá, có khi làm cho ông vấp.

Qui tắc của ông là hạn chế nhu cầu để được tự do thêm, bớt tùy thuộc ngoại nhân và ngoại vật. Ông bảo: «Chúng ta là nô lệ cho cả triệu cái,

mà cứ mỗi ngày mới nô lệ thêm... Nô lệ cho phòng tắm, tủ lạnh, xe hơi, máy thu thanh...»

Ông để tóc dài cho bớt lệ thuộc người hót tóc, chỉ dùng một thứ xà bông để giặt, tắm, gội đầu; chỉ bận một chiếc áo cụt bằng da trong mấy năm, muốn bỏ cả vợ nữa. Vì vậy mà nhiều bạn đồng sự cho ông là kì cục.

### ... Mà hồn nhiên

Ông rất hồn nhiên, yêu trẻ và thanh niên.

Hồi ở Princeton, một đêm Noël, một đám trẻ em trai gái lại hát trên bồn cỏ trong vườn ông. Ông nghe xong rồi hỏi các em:

— Các cháu chịu cho bác ôm cây vi cầm đi theo các cháu không?

Chúng đồng thanh đáp:

— Chịu, chịu.

Thế là ông khoác thêm chiếc áo bằng da, chụp cái cái mũ rồi lên đầu, xách cây vi cầm nhập bọn với chúng. Có một vi nhân nào mà dễ thương như vậy không?

Trẻ em mà lại thăm ông thì bao giờ ông cũng vui vẻ tiếp đón. Một hôm một em gái nhỏ lại xin ông giải cho một bài toán. Khi em ra về rồi, bà trách ông:

— Nhiều khi mình coi thì giờ của mình không quan trọng gì cả.

Ông mỉm cười, đáp:

— Em ấy sẽ trả công anh một cách xứng đáng, lấy tiền túi ra mua cho anh một cục kem.

Một em gái khác, táo bạo hơn hẳn gặp bài toán nào khó cũng lại xin ông



gà cho. Má em hay vậy, lại xin lỗi ông. Ông bảo :

— Bà và cháu khỏi phải xin lỗi tôi. Tôi nói chuyện với cháu, có lợi cho tôi hơn là có lợi cho cháu.

Một nam sinh Trung học, trình độ đệ lục của ta, viết thư xin ông giải cho một bài toán về đường tiếp xúc với một hình tròn. Ông vẽ hình, chứng minh cho, rồi ký tên : A.E. gửi cho.

Những sinh viên được học ông đều quý mến ông. Hans Tanner, môn đệ của ông từ 1909 đến 1911, viết về ông như sau :

« Khi thấy Einstein lần đầu tiên vô giảng-đường, áo sờn, quần ngắn quá, chiếc dây đồng hồ bằng sắt, bọn anh em chúng tôi hoài nghi quá. Nhưng cách giảng của thầy làm cho tấm lòng sắt đá của chúng tôi phải cảm động. Thầy chỉ ghi những điểm quan trọng trong bài giảng trên một miếng giấy nhỏ bằng tấm danh thiếp. Bài giảng từ trong óc thầy trực tiếp phát ra, thành thử chúng tôi biết cách thầy suy nghĩ ra sao, như vậy thích thú hơn là những bài giảng đã nghĩ sẵn, soạn, không có lỗi hành văn của các thầy khác (...) Mỗi khi không hiểu một điểm nào thì chúng tôi có thể ngắt lời thầy được (...) Tinh thầy trò rất tự nhiên, không có chút gì trịnh trọng (...) Đôi khi thầy thả tay của một sinh viên để giảng cho một điểm trong bài, như nói chuyện với một người bạn. »

Buổi chiều, tan giờ học, Einstein thường hỏi : « Nào có ai muốn ra tiệm cà-phê với tôi không nào ? Thế là thầy trò kéo nhau ra tiệm vừa đi vừa bàn về các vấn đề khoa học hoặc xã hội. Có lần thầy trò ngồi với nhau tới khi tiệm cà phê đóng cửa mà

vẫn chưa hết chuyện, thầy kéo trò về nhà nói chuyện tiếp.

Ông thường khuyên môn đệ của ông phải kiên nhẫn, kiên nhẫn, liều tìm lời suy nghĩ hoai mà không ra thì cũng nên mừng vì đã bắt thiên nhiên phải thách đố mình rồi». Một sinh viên phàn nàn rằng mất năm giờ mới tìm ra được một chỗ lăm trong bài toán, ông mỉm cười bảo : « Đã thêm gì đâu.

Ông thú thực với một nhà báo : Tôi suy nghĩ, suy nghĩ cả tháng, cả năm. Một trăm lần thì tôi suy luận sai tới chín mươi chín lần. Tôi lần thứ một trăm may mà đúng».

Nhà báo đó hỏi thêm :

— Theo giáo sư thì có công thức nào dễ thành công?

Ông hóm hỉnh đáp :

— Cho  $x$  là sự làm việc,  $y$  là sự tiêu tiêu khiển,  $a$  là sự thành công. Công thức của tôi là  $a = x + y + z$ .

Nhà báo ngạc nhiên :

— Thế, còn  $z$  là gì

— Ông mỉm cười :

— Là biết làm thinh.

### Và nhũn nhặn ghét quảng cáo

Một đức nữa cũng rất quý của ông là đức nhũn nhặn. Như trên tôi đã nói, ông không chịu nhận rằng có công lớn với nhân loại, thấy ai so sánh ông với Gandhi thì ông phát ngược, vì ông thực tâm nghĩ rằng khoa học không có giá trị gì lớn lắm khi phải giải quyết các vấn đề nhân bản, mà con người chỉ tìm được ý nghĩa chân chính của cuộc đời khi hy sinh cho xã hội như Gandhi.



Ông muốn không ai nhắc tới mình để được yên ổn làm việc, nhưng không được. Ông nhận được mấy trăm bằng cấp danh dự và buy chương (mà ông không khi nào đeo), phải dự không biết bao cuộc tiếp rước, hội họp, lấy làm ngán lắm.

Một lần Ông trách bà Elsa :

— Tại sao mình nhận lời dự buổi hội họp đó mà không hỏi ý anh trước ? Anh không tra cái chỗ đó : xa xỉ, khoe khoang quá.

Lần khác, đi đâu về nhà thấy khách khứa đầy nhà, ông phụng phịu bảo bà :

— Anh đi chỗ khác thôi, nơi đây đông người quá.

Ngày sinh nhật năm ông bảy mươi bốn tuổi, đại học đường Yeschiva đã xin phép ông lấy tên ông đặt cho trường Y-khoa, tổ chức một buổi tiệc để quyên tiền cho trường. Ông bắt buộc phải tới dự. Ông chẳng ăn uống gì cả. Cuối bữa tiệc, một người hỏi ông các món có ngon không. Ông đáp :

— Rất ngon, nhưng xong rồi, tôi thấy mừng quá.

Trong một buổi hội họp, khác, đã có nhiều người diễn thuyết rồi, tới phiên ông. Ông ghét những lời rỗng ráo, "xin kéo một khúc vĩ cầm mà khỏi đọc đến văn, như vậy chứ vị sẽ dễ hiểu tôi hơn mà mền tôi hơn." Và ông chơi bản nhạc của Mozart, một cách rất tự nhiên cầm động.

Biết ông ham chơi vĩ cầm, một người tặng ông một chiếc vĩ cầm đáng giá cả chục ngàn Mỹ kim do Guarneri chế tạo Ông từ chối :

— Cây đàn quý như vậy, phải là nhạc sĩ bậc thầy mới đáng dùng nó.

Di nhiên không bao giờ ông quan tâm tới tiền nong. Khi đại học Princeton mời

ông làm giáo sư, xin ông định cho số lương Ông lúng túng :

— Tôi không biết nữa, ba ngàn Mỹ kim một năm, được không ông.

Người kia biết rằng ông chẳng không hiểu chút gì về giá sinh hoạt ở Mỹ, tưởng đâu cũng như ở Đức, ở Thụy-si vội vàng bảo :

— Taoi, vấn đề đó để bà giáo sư và chúng tôi bàn với nhau

Các nhà báo lại phỏng vấn ông về đời tư của ông thì ông luôn luôn từ chối : «trong đời một người như tôi, chỉ suy nghĩ, tìm tòi, thì cái quan trọng nhất là tôi suy nghĩ về những vấn đề gì, chứ không phải là tôi làm những gì, đau khổ ra sao.»

Và ông rất ghét các nhà giám đốc ở Hollywood muốn lợi dụng cái danh của ông để trục lợi. Khi ông công bố thuyết «champ uoifié», một nhà sản xuất phim nọ đề nghị với ông một số tiền vĩ đại, mà chỉ xin ông cầm cục phấn đứng trước bảng đen vài phút thôi ; ông bảo bà :

— Anh không chịu đóng cái vai trò con kẻ thông thái đâu.

Nhiều nhà sản xuất xe hơi, khi cho ra một kiểu mới, xin tặng ông một chiếc, có ý quảng cáo, ông cũng từ chối hết.

### Thích giúp người

Nhưng thấy ai thực sự đáng giúp thì không khi nào ông tiếc công.

Một lần, để giúp trong một cuộc quyên tiền của một cơ quan nào đó, Ông chép tay lại bài báo Ông viết về thuyết tương đối mà ông đã đăng từ lâu. Bản chép tay đó, một thư viện mua với giá mấy triệu Mỹ kim,



Khi bà Elsa mất rồi, cô Margot con riêng của bà, và cô Dukas, thư kí của ông, thay phiên nhau che chở ông cho khỏi bị khách quấy rầy.

Một hôm đi chơi về, ông thấy một phóng viên đứng đợi ông trước cửa. Nhà báo đó chào ông, rồi thưa :

— Cô thư kí của cụ cấm không cho tôi vô, nhưng nếu tôi không nộp cho tòa soạn được một bài về cụ thì người ta không nhận cho tôi làm.

Thấy thanh niên đó nghèo túng lạnh run, quần áo đã sờn mà không đủ ấm, Ông bảo :

— Thầy vô đi, tôi cho thầy phỏng vấn. (Ông nhăn mặt, nói thêm) Nhưng nên mau mau lên kẻo cô Dukas bắt gặp thầy ở đây.

Khi cô Dukas trách ông đã phí thì giờ, ông ôn tồn đáp :

— Làm sao được, thầy ấy gốc gác ở Ulm, người đồng hương của tôi mà.

Trước thể diện thứ nhì, hỏi ông còn ở Berlin, một thanh niên tên là Leopold Infeld, vẻ mặt xanh xao, lại kiếm ông, thưa :

— Lâm mất thì giờ của giáo sư, tôi ngại lắm, nhưng ở Berlin này tôi không quen biết ai cả. Tôi...

Thấy chàng có vẻ thông minh, háng hái, ông bảo chàng có điều gì muốn nhờ cậy thì cứ nói.

Infeld kể tình cảnh : con một người thợ đóng giày, nghèo ở Cracovie, Ba Lan, chỉ ước ao được làm giáo-sư vật lý; nhưng không trường Đại-học Ba-lan nào nhận vì chàng gốc Do thái; qua Berlin, xin vô đại học mà đơn không được xét.

Ông nói giúp chàng và chàng được vô học thử.

Sau Infeld cũng tị nạn Đức Quốc-xã, cũng qua Mỹ, lại Princeton, được cấp học bổng trong một năm, để làm phụ tá cho ông. Học bổng không được tái cấp, chàng lúng túng, nhưng không chịu nhận tiền của ông. Một hôm chàng lại thưa với ông :

— Thưa thầy, con đã nghĩ ra được một cách... Xin thầy đừng chê con là tư phụ, ngu ngốc...

— Cách gì đó, nói đi...

Chàng ngược ngạo đề nghị :

— Cách này đây : thầy và con viết một cuốn về sự phát triển của vật lý. Ý là ý của thầy, nhưng con sẽ trình bày cho giản dị.

Einstein vuốt râu, rồi đưa tay cho Infeld bắt :

— Được đấy, chúng mình sẽ viết cuốn đó.

Ít tháng sau, trước ngày lễ Lao động năm 1937, Einstein và Infeld gửi bản thảo cuốn *The Evolution of Physics* (Sự tiến triển của khoa vật lý) cho nhà xuất bản Simon and Schuster. Trong bài tựa có câu :

« Cuốn sách này chỉ là một cuộc đàm thoại giữa độc giả và chúng tôi. Độc giả có thể cho nó là chán hay thích thú, nhưng nếu nó giúp độc giả có được vai ý niệm về sự gắng sức bất tuyệt của trí óc con người để hiểu rõ hơn những luật chi phối các hiện tượng vật lý, thì mục đích của chúng tôi đã đạt được rồi.»

Cuốn đó xuất bản năm 1938, bán rất chạy, khắp nơi trên thế giới đều hỏi mua, chính nhà xuất bản cũng ngạc nhiên.

Einstein góp nhiều công trong cuốn đó, nhưng khi bản thảo xong rồi, ông không nghĩ tới nó nữa, muốn in ra sao



thì in, ông cũng chẳng buồn ngó ấn cáo. Infeld phải nói dối nhà xuất bản rằng ông thích cách trình bày lắm. Sự thực sách tới, ông không mở ra coi nữa.

Nhưng ông phải đề tặng không biết bao nhiêu bản, tới nỗi lễ trong thấy cuốn sách nào có bla xana dương, là ông «chụp ngay cây viết, như một cái máy» (lời của ông).

Tâm hồn ông cao đẹp, dễ thương như vậy mà ông lại can đảm bệnh vực tự do tranh đấu cho hòa bình, hô hào hủy bỏ bom nguyên tử, cho nên người ta khen «đức độ của ông còn rực rỡ hơn thiên tài của ông» là phải. Ông chẳng những đáng làm gương cao chúng ta mà còn đáng làm gương cho tất cả các nhà bác học trên thế giới nữa.

### Triết nhân Einstein

Thái độ của ông đối với lẽ sinh tử cũng rất đẹp.

Chúng ta đã biết ông coi thương cái chết khi bọn Đức Quốc-Xã tìm đủ cách ám sát ông. Ngay từ năm 1916, một lần ông đau nặng, tưởng không qua khỏi, ông đã bảo một bà bạn : «Tôi tự coi tôi là một phần tử của tất cả nhưng gì sống trong vũ trụ : sinh và tử chỉ như thủy trào, lên rồi xuống, bất tuyệt, nên tôi không quan tâm tới lúc khởi thủy và lúc lâm chung của mỗi cuộc sống.»

Lần khác, ông nói với Infeld :

«Đời sống là một cảnh tượng say mê. Tôi thích nó. Nó tuyệt diệu. Nhưng nếu tôi biết trước rằng ba giờ nữa tôi sẽ chết thì tôi cũng tuyệt nhiên không xúc động. Tôi sẽ nghĩ cách dùng ba giờ cuối cũng đó ra sao cho có ích nhất, tôi sẽ bình tĩnh sắp đặt các giấy tờ của tôi, rồi tôi bình tâm nhắm xuống.»

Các khoa học gia chân chính sao mà gần gũi các triết gia thế

Khi tự quên mình đi để suy tư về thiên nhiên, thì dù theo con đường nào, rốt cuộc người ta cũng đồng hóa với vũ trụ

Ngày 23 tháng 4 năm 1955, ông đau nhói dữ dội ở đại động mạch quản (Aorte). Các y sĩ đòi mổ, ông không chịu. Một giờ rưỡi sáng ngày 18-4. Ông nghẹt thở, thì thào mấy lời bằng tiếng Đức mà cô y tá không hiểu. Rồi ông tắt ngấm.

Theo di chúc, không có một lễ long trọng nào của chính quyền, cũng không làm lễ tôn giáo... Di hài ông được hỏa thiêu, chỉ có vài người cực thân tới dự, vì giờ và chỗ thiêu được hoàn toàn giữ kín. Vốn là tro bụi, Einstein lại sớm được trở về tro bụi. Chưa có có đám tang một vĩ nhân nào mà giản dị, khiêm tốn đến bậc đó. (1) Cả khi chết rồi, ông cũng còn cho nhân loại một bài học nữa.

Cả thế giới xúc động. Báo nào cũng đăng bài điệu. Nhưng tôi không chép lại các lời người ta khen ông, vì trước cái chết của những người như Gandhi và Einstein tôi thấy lời điệu nào cũng là vô nghĩa hết.

NGUYEN-HIEN-LE

Saigon 1-8-70

(1) Đám táng Mozart, nhạc sĩ ông thích nhất, cũng chỉ có một số rất ít người đưa, nhưng ý nghĩa khác hẳn : tình đời bạc bèo, bao nhiêu người trước kia ngưỡng mộ Mozart lúc đó đã quên Mozart, và ngay mấy người đi đưa đó, giữa đường gặp bão tố cũng bỏ về hết. Chỉ còn hai người phụ khiêng quan tài Mozart tới chỗ !



Tôi xin ghi lại dưới đây niên biểu sơ lược của đời Einstein để độc giả dễ tra.

- 1879 Albert Einstein sanh ngày 14-3 ở Ulm (Đức)
- 1891 Ông bắt đầu thích môn hình học và khoa học.
- 1896 Học trường *Polytechnicum* ở Zurich (Thụy Sĩ)
- 1902 Làm nhân viên phòng Chấp chiếu chứng thư ở Berne. Cưới bà vợ trước : Mileva.
- 1905 Xuất bản một cuốn về "Thuyết tương đối hẹp" và một (hiển khảo cứu về thuyết « chuyển động Brownien »
- 1909 Làm giáo sư phụ về môn vật lý lý thuyết ở đại học Zurich.
- 1910 Làm giáo sư vật lý lý thuyết ở Prague.
- 1912 Làm giáo sư vật lý lý thuyết ở *Polytechnicum* Zurich.
- 1914 Vô viện Hàn lâm Khoa học và viện *Keiser Wilhelm* ở Berlin.
- 1916 Thành lập « thuyết tương đối tổng quát » — Cưới bà vợ sau : Elsa.
- 1920 Xuất bản cuốn : Ý nghĩa của thuyết tương đối, và cuốn : Thuyết tương đối : hẹp và tổng quát.
- 1921 Qua Hoa Kỳ. Được giải thưởng Nobel về vật lý.
- 1929 Bắt đầu dựng thuyết *Champ Unifié* (trường hợp nhất)
- 1931 Hợp tác với nhiều nhà bác học ở viện Công nghệ học Californie. Xuất bản cuốn *Tôn giáo vũ trụ*.
- 1932 Lại hợp tác ở viện Công nghệ học Californie.
- 1933 Adolf Hitler cầm quyền. Đời sống ông bị đe dọa ở Đức. Ông tị nạn qua Bỉ, Anh rồi Mỹ, nghiên cứu ở đại học Princeton (New Jersey)
- 1936 Bà vợ sau chết.
- 1939 Viết thư cho Tổng thống Roosevelt khuyên nên thúc đẩy chương trình phát triển nguyên tử năng.
- 1949 Soát lại và công bố thuyết *champ unifié*. Xuất bản cuốn *Thế giới trong con mắt tôi*.
- 1950 Xuất bản cuốn *Mấy năm cuối cùng của tôi*
- 1952 Từ chối chức Tổng thống Israél,
- 1954 Xuất bản cuốn *Tư tưởng và ý kiến của tôi*.
- 1955 Mất ngày 18-4 ở Princeton.



# Cộng-hòa Liên-bang Tây-Đức

## trên đường phục-hưng chính-trị

Ngày 8-5-1945, sau gần 6 năm chiến tranh, chính thể Đức-Quốc-xã sụp đổ mang theo cả quốc-gia Đức vào đường suy vong. Chính-phủ Đức xin đầu hàng vô điều-kiện và các quốc-gia đồng-minh Nga, Mỹ, Anh, Pháp quyết-định nắm trọn chủ-quyền Đức trong tay. Một bản điện-tín của hãng thông-tấn Reuter đã coi tình-trạng của Đức như « một nước bị đại bại, bị xâm chiếm không còn có một đời sống độc-lập. » Từ một quốc-gia thống trị Âu-Châu Đức-quốc đã bị rơi vào cảnh ngộ đau thương của một thuộc địa.

Hai mươi lăm năm đã trôi qua, tuy lãnh-thổ Đức vẫn còn bị chia cắt, nhưng Cộng-hòa Liên-bang Tây-Đức, tọa lạc trên một phần lớn của lãnh-thổ Đức, đã âm thầm và kiên nhẫn hoạt-động để bước ra khỏi bóng tối, để tẩy rửa những tội lỗi và những ô nhục của dân-tộc Đức trong lịch-sử. Với đặc tính chuyên-cần và nhẫn-nại Liên-bang Tây-Đức đã dần dần chiếm lại địa-vị cũ. Từ thế đứng khó khăn của một kẻ chiến bại, Tây Đức đã trở thành một đồng-minh của các cường-quốc Tây-phương. Từ một đồng-minh đàn em của Anh, Mỹ, Pháp, Tây-Đức đã trở thành một người bạn được o bế chiều chuộng. Và hiện thời Tây Đức đang trở thành một đối-thủ được cả các quốc-gia Tây phương lẫn khối Cộng-sản kiêng nể.

Những thành quả ạng rỡ này, sở dĩ Tây Đức thu lượm được, là nhờ có một chính-sách kinh-tế lành mạnh ở bên trong và một chính-sách ngoại-giao tích-cực ở bên ngoài. « Phép lạ kinh-tế » của Tây-Đức đã đẩy nước này tiến mau trên con đường tái thiết đến nỗi Tây Đức hiện thời là một cường quốc kinh-tế thứ 4 trên thế-giới. Chính-sách ngoại-giao quân-bình của Tây-Đức đã biết khai thác những sự lung củng giữa các nước chiến thắng Anh, Nga, Mỹ, Pháp khiến Tây-Đức giờ đây đã lấy lại được địa-vị của một đại-cường chính-trị trên hoàn-cầu.

### Từ một quốc gia thù nghịch trở thành một đồng minh đàn em

Năm 1945 Đức là một kẻ thù của các quốc-gia đồng-minh thắng trận. Các quốc-gia chiến-thắng, nhất là Pháp, quyết định trừng phạt một nước Đức hiếu chiến, độ-tài và quân-phiệt. Thật vậy, từ năm 1870 tới năm 1939, trong khoảng không đầy 70 năm, Đức quốc, dưới trều-đại Hohenzolern hay dưới quyền lãnh đạo của đảng Quốc-xã, đã ba lần gây hấn. Vì vậy muốn tiêu diệt mầm chiến-tranh các quốc-gia chiến thắng cho rằng chỉ có một cách là phá hủy tất cả các cơ-sở chính-trị, kinh-tế và tinh-thần của Đức thì tư-cường hiếu chiến tại nước này mới có thể bị dập tắt. Vì vậy mà ngày 5-6-1945, một ngày



sau khi Đức ký đầu hàng vô điều kiện, 4 quốc-gia chiến-thắng Anh, Nga, Mỹ, Pháp đã công bố một bản tuyên-ngôn chung đề ấn-định qui-chế chiến-bại của Đức: " Các nước đồng-minh từ nay được toàn-quyền sử-dụng chủ-quyền của Đức. "

Một bản tuyên-ngôn thứ hai quyết định thành lập một "Hội-đồng kiểm soát" gồm 4 vị Tổng-tư-lệnh quân đội chiếm đóng để cai-trị Đức. Hội-đồng kiểm-soát này là một cơ-quan tối cao của nhà nước, có đầy đủ thẩm quyền của một chính-phủ Đức, nhưng hoạt động nhân-danh các quốc-gia chiến-thắng.

Một bản tuyên-ngôn thứ ba quyết-định chia lãnh-thổ Đức làm 3 vùng: vùng phía Đông đặt dưới quyền kiểm soát của Nga, vùng phía Tây-Bắc dành cho Anh và vùng Tây-Nam dành cho Hoa-kỳ. Sau đó Anh và Mỹ, mỗi nước nhường một phần đất của mình để đặt dưới quyền quản-trị của Pháp. Bá-linh nằm trong vùng chiếm đóng của Nga cũng bị chia làm 4 khu và phân phối cho 4 nước thắng trận.

Về phương-diện kinh-tế, hội nghị Potsdam quyết-định Đức phải bồi thường chiến-tranh cho các nước nạn nhân cuộc xâm lăng của Đức. Và để chắc chắn, người ta quyết-định bồi thường bằng hiện vật nghĩa là nước thắng trận có thể tháo gỡ các máy móc trang bị của Đức để lấy vào khoản được bồi thường.

Vô một tình-trạng như vậy Đức đã trở thành một quốc-gia suy yếu, phải cúi đầu trước ý muốn của các quốc-gia chiến thắng. Nhưng bắt đầu từ năm 1948 những sự-kiện mà chính Đức cũng

không bao giờ ngờ tới đã xảy ra. Đó là những hoạt động của Nga nhằm lôi cuốn các quốc-gia Đông và Trung-Âu vào vòng ảnh-hưởng Cộng-sản. Giữa các quốc-gia đồng-minh chiến-thắng năm 1945, sự tranh giành ảnh-hưởng càng ngày càng trở nên trầm trọng. Chính-sách bành trướng của Nga làm các quốc-gia Tây-Âu và Hoa-kỳ hết sức lo ngại. Bang-giao giữa các quốc-gia Tây-phương và Nga càng ngày càng căng thẳng và đi dần tới chỗ rạn nứt. Ngay tại Đức, cuộc khủng hoảng Bá-Linh đã bùng nổ khi Nga phong-tỏa thành-phố này không cho Anh, Mỹ, Pháp, được dùng đường bộ để tiếp tế cho 3 khu-vực của họ. Tại Á-châu, phe Cộng-sản làm chủ được Hoa-lục: Thống chế Tưởng-Giới-Thạch phải chạy ra Đài-loan vào năm 1949. Năm sau, 1950, quân-đội Cộng-sản Bắc-Cao ò ạt tràn vào Nam Cao. Cùng một lúc cuộc chiến tranh Đông-Dương bước vào giai đoạn gây căng nhất. Trước sức mạnh của phe Cộng-sản, các quốc-gia Tây-phương phải tìm cách tổ-chức phòng-thủ. Minh-trúc Bắc Đại-Tây-Dương được ký kết để chặn bước tiến của Cộng-sản ở Âu-Châu. Các lãnh thổ Đức dưới quyền Anh, Mỹ, Pháp, bị trực tiếp đe dọa. Vì vậy mà cả ba quốc-gia này đã phải tập hợp các vùng chiếm đóng của mình thành một quốc-gia Tây-Đức. Vào tháng 3 năm 1948 Tướng Sokolovsky tầy chay Hội đồng kiểm soát tay tư. Sự cộng tác giữa 4 quốc-gia đồng-minh trong việc quản-trị Đức bắt đầu bị gián đoạn. Các quốc-gia đồng-minh Tây-phương tiến tới thành lập một quốc-gia Tây-Đức vào tháng 8 và 9 năm 1949 khi Quốc-bội lập-hiến Đức được triệu tập và chính phủ Adenauer được thành lập. Nga cũng phản ứng lại bằng cách thành



lập một quốc-gia Đông-Đức với Pieck làm Chủ-tịch và Otto Groewohl làm Thủ-tướng. Tuy các thỏa-hiệp tay tư Anh, Nga, Pháp, Mỹ về các vấn-đề Đức quốc chưa bị chính-thức hủy bỏ, nhưng bắt đầu từ cuối năm 1949, sự hiện-hữu của hai quốc-gia Đức đã là một thực-tại trong đời sống chính-trị Âu-Châu.

Trước sự đe dọa càng ngày càng trầm trọng của khối-Cộng-sản, Tây-Đức đã trở thành một tiền đồn phòng-thủ của thế-giới tự-do tại Âu-châu. Vì vậy các quốc-gia Tây-phương đành phải tìm cách võ trang cho Tây-Đức. Nhưng Pháp, một quốc-gia đã 3 lần là nạn nhân cuộc xâm-lăng của Đức, kịch liệt phản đối dự tính tái võ-trang Tây-Đức. Các quốc-gia Tây-phương phải đi tới một giải pháp dung hòa là cho Tây-Đức gia nhập Liên-minh phòng-thủ Bắc Đại-Tây-Dương. Tại Hội-nghị Luân-đôn vào tháng 9 và tháng 10-1954 Anh, Pháp, và Mỹ tuyên bố chấm dứt qui-chế chiếm-đóng tại Tây Đức. Tuy Tây-Đức được gia nhập Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương nhưng từ thỏa-ước Luân-đôn vẫn không cho phép Tây-Đức được chế-tạo các vũ khí loại A, B, C, tức là vũ-khí nguyên-tử, vi-trùng và hóa-học. Ngoài ra Tây-Đức còn không được quyền chế các loại máy bay hay hỏa-tiên có tầm hoạt động lớn, các tàu chiến trên 3000 tấn, và các oanh-tạc-cơ chiến-thuật.

Vì vậy lợi dụng sự tranh chấp Đông-Tây, Cộng-hòa Liên-bang Tây-Đức đã lấy lại được chủ quyền của một quốc-gia độc-lập. Lợi dụng sự tranh chấp giữa Anh, Pháp và Mỹ, Tây Đức còn chặn không cho Pháp chiếm giữ hạt Sarre và khu kỹ-nghệ Ruhr trù phú. Tuy nhiên, vì những nghĩa-vụ quốc-tế do

các thỏa-ước Luân-đôn ấn-định, Tây-Đức, vào năm 1954, chỉ là một đồng-minh cỡ nhỏ, một đồng-minh đàn em trong Minh-ước Đại-Tây-Dương mà thôi. Phải nhờ có sự phục-tung kinh-tế và chính-sách đối ngoại khéo léo của Thủ-tướng Adenauer, Tây-Đức mới dần dần trở thành một cộng-minh bình-đẳng với các đại cường.

### Từ qui-chế một đồng-minh đàn em tới địa-vị một đồng-minh bình-đẳng

Năm 1945 tình-trạng kinh-tế và xã-hội tại Tây-Đức ở trong một giai đoạn bi thảm nhất của lịch-sử nước này: Gần 8 triệu dân trốn vùng Cộng-sản kéo sang tỵ nạn ở Tây Đức. Các thành-phố lớn bị tàn phá tới 70%. Những nhà chưa sụp đổ thì mất mái. Dân Tây Đức hầu hết phải sống ngoài trời. Nạn đói hoành hành khắp nơi. Mỗi người dân Tây Đức chỉ được tiêu thụ trung bình từ 700 tới 800 calori trong khi mức sống tối thiểu phải cần 2000 calori. Năm 1945, riêng tại Hambourg, các nhà thương đã tiếp nhận tới 10.000 người; bị bệnh vì thiếu ăn và tại vùng chiếm đóng của Anh số người bị lao lên tới 46.000 người, trong khi các nhà thương chỉ chứa được có 13.000 giường bệnh. Cùng một lúc, các quốc-gia chiến thắng tháo gỡ các nhà máy khiến khả-năng sản xuất của Tây Đức bị giảm sút rất nhiều. Nga không những gỡ máy móc tại vùng của mình mà lại còn chiếm 1/4 các dụng-cụ máy-móc sản-xuất của các vùng phía Tây.

Vì vậy mà sau chính-sách đối-ngoại, chính-sách kinh-tế được chính-phủ Adenauer đặc biệt chú ý. Công-ước kiến-thiết được trao cho ông Erhard,



Phó Thủ-tướng kiêm Tổng-trưởng Kinh-tế. Chính-sách của ông Erhard hết sức giản-dị. Ông chủ trương loại bỏ mọi kiểm soát để cho kinh-tế tự-do phát-triển. Phương-châm của ông là « Kinh-tế Thị-trường » vì Thị-trường điều chỉnh mức sản xuất và mức tiêu thụ.

Được chính-phủ nâng đỡ, lại nhờ tính chuyên-cần của người dân Đức bắt đầu từ năm 1953 Tây-Đức đã bước nhanh tới giai-đoạn trù phú trong khi các nước lân cận luôn luôn phải đối phó với những cuộc khủng-hoảng kinh-tế lớn hay nhỏ. Nạn khan nhà được giải quyết mau lẹ. Vào năm 1953 người ta tính trung-bình Tây-Đức đã tăng mức sản xuất lên tới tỷ-lệ 1260/o. Ngay từ năm 1952 cán cân thương-mại Tây Đức bắt đầu thặng dư. Một quốc-gia đói rách vào năm 1945, Tây Đức, 20 năm sau, đã trở thành một quốc-gia trù phú vượt các nước đã chiến thắng họ. Vào năm 1967 Tây Đức, với 58 triệu dân, đã trở thành một cường-quốc kinh-tế thịnh vượng vào hạng nhất Tây-Âu và vào hạng 3 trên thế-giới. Tây-Đức nhập cảng 9,40/o tổng số nhập

cảng trên thế-giới và xuất cảng của Tây Đức chiếm 10,70/o xuất cảng trên thế-giới. Như vậy trong nền thương-mại quốc tế Tây Đức chiếm hàng thứ hai ngay sau Hoa-Kỳ.

Sự phát triển mau lẹ này thực hiện được cũng là nhờ sự yểm-trợ của nhiều quốc-gia Âu-châu khác, nhất là Anh. Vì Đức không những là một nước cung cấp chính cho Âu-châu các sản-phẩm kỹ-nghệ mà còn là khách hàng chính của các quốc-gia Âu-châu. Do đó ngoài Pháp, không quốc-gia nào muốn trừng phạt Đức quá nặng nề Hơn nữa nhiều công-dân Mỹ vẫn chưa quên rằng tổ tiên của họ có nguồn gốc tại Đức, nên trước thái-độ cứng rắn của Pháp, Hoa-kỳ luôn luôn lớn tiếng bênh vực Tây-Đức.

Ngoài ra, ngay từ đầu, Tây-Đức áp dụng một chính-sách đối ngoại rất hoạt-động : Để dẫn tả tầm quan trọng mà Thủ-tướng Adenauer dành cho chính-sách đối-ngoại của Tây-Đức, một tờ báo đã đăng một bức hí-họa, trong đó người ta thấy ông Adenauer đang xin lỗi một người đàn bà đẹp để ra nhẩy

MẪU GIÁO

MỸ - TIẾN

102/1B Nguyễn Trãi, Saigon (Bàu Sen)

do NGUYỄN THỊ THOẠI-DUNG điều khiển

với những kinh-nghiệm ở trường Mẫu giáo HOA-MI với các lớp TƠ VÀNG, CÁNH NHUNG (Quảng Ngãi 1943 - 45) lớp Mẫu-giáo NGUYỄN-HIẾN-LÊ (Saigon, Tân-Định, 1954 - 57) và ở trường BẠNG - ĐÔNG (Saigon, Bàn Cờ 1952 - 1969)

Và với tất cả tấm lòng thiết-tha với trẻ.



với một người đàn bà xấu một bài vì người bà này bị nhiều người bỏ rơi. Người đàn bà đẹp tức là chính-sách đối-ngoại và người đàn bà xấu là chính-sách đối-nội.

Đối với các quốc-gia chiến thắng, Tây-Đức đã chân thành nhận tội lỗi của dân-tộc mình và hy-vọng rằng sẽ có thể loại bỏ hẳn dấu ốc hiệu-chiến khỏi tư-tưởng người dân Đức. Chính phủ Tây-Đức còn hết sức nhẫn nhục để đóng góp vào công cuộc phòng-thủ Âu-Châu của Minh-Uớc Bắc Đại-Tây-Dương. 25 năm trôi qua, mà quân-đội đồng minh vẫn còn đồn trú trên lãnh-thổ Đức và các chi phí vẫn do Tây-Đức gánh chịu.

Đường lối của chính-phủ Tây-Đức đối với phe Cộng-sản hết sức rõ rệt và cứng rắn. Tây-Đức không thừa nhận Đông-Đức và không chấp nhận việc Nga cắt đất Đông Phổ cho Ba-Lan, không thừa nhận biên-giới Oder-Neisse giữa Đông-Đức và Ba-Lan cũng như đường giới-tuyến dọc sông Elbe chia lãnh-thổ Đức thành hai quốc-gia. Đảng Cộng-sản bị cấm ở Tây-Đức. Đường lối chống Cộng này làm hài lòng Hoa-Kỳ nhất là sự trù phú của một Tây-Đức tư-bản trước sự nghèo nàn của một Đông-Đức Cộng-sản lại chứng-minh một cách rõ ràng những thành công của chế-độ tư-bản. Vì vậy mà Mỹ đã hết sức nâng đỡ Tây-Đức trên con đường phục-hưng. Trong tập Hồi-ký của ông, cố Thủ-tướng Adenauer tỏ ra hết sức cảm động trước sự tiếp đón nồng hậu mà Tổng-thống Hoa-kỳ Eisenhower dành cho ông, khi ông viếng thăm Hoa-kỳ lần đầu tiên vào năm 1953. Với cuộc tiếp đón trọng thể này Hoa-kỳ đã coi Tây-Đức là một người bạn đáng tin cậy và xóa

bỏ mọi hận thù đối với dân-tộc Đức xâm-lược. Tình hữu nghị Đức-Mỹ còn thắm thiết hơn nữa khi mà các nhà bác-học Đức như Von Braun đã đóng góp một phần không nhỏ cho bước tiến của nền khoa-học không gian Mỹ.

Đối với một nước Pháp thù giai, Tây Đức phải đợi đến năm 1958 mới lấy lòng được chính-phủ Paris. Khi tướng De Gaulle trở lại chính quyền người ta đã tưởng rằng bang giao Pháp-Đức có thể trở nên căng thẳng hơn vì De Gaulle có tiếng là quốc-gia cực-đoan và có thành tích kháng chiến chống Đức đáng kể trong quá khứ. Vậy mà ngay trong buổi gặp gỡ đầu tiên giữa hai nhà lãnh-đạo, Adenauer đã được De Gaulle coi như là một bạn thân của gia đình mình và đã tự tay mở rượu mời Adenauer uống. Hiệp-ước thân hữu và hợp tác Pháp-Đức ký vào năm 1953 được coi như một « liên minh của hai ông già ». Nhưng chính vì tình thân hữu ngày thêm thắm thiết giữa « hai ông già » này mà Tây Đức đã vượt được mọi trở ngại trong bang-giao với Pháp và dần dần được coi là một đồng-minh bình-đẳng trong công cuộc cộng-tác Âu-châu cũng như trong Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương.

Tầm quan trọng của Tây Đức còn mạnh hơn nữa khi mà nhờ sự cường-thịnh kinh-tế, nước này đã có một ảnh-hưởng càng ngày càng lớn tại các nước thuộc Hệ-tam thế-giới. Đức cấp viện-trợ dễ dàng, cho vay tiền với những điều-kiện rộng rãi, sản phẩm của Đức có phẩm chất tốt nên các quốc-gia chậm tiến đua nhau tìm sự trợ giúp của Đức để phát-triển kinh-tế. Ngay cả Nga-sô, đồng-minh của Đông Đức, mà cũng phải cần tới viện-trợ của Tây Đức.



Năm 1954, Thủ-tướng Adenauer được Krouchtchev mời sang thăm Mạc-tur-khoa. Tuy chuyến công du này không mang lại được những kết-quả mong muốn nhưng sau đó Tây-Đức được Nga thừa nhận và hai bên đã thiết-lập liên-lạc ngoại giao. Những thành quả này đã tăng cường dần dần uy tín của Tây-Đức và nước này càng ngày càng được thế-giới kính nể.

### Từ một đồng-minh bình đẳng trở thành một đối thủ đáng kiêng nể.

Nếu Tây Đức thành công nhiều trong bang-giao với các quốc-gia Tây-phương thì chính-sách đối ngoại của Tây-Đức lại gặp nhiều khó khăn trong bang-giao với các nước Cộng-sản. Thật vậy tuy Nga thừa nhận Tây Đức nhưng Nga cũng thừa nhận cả Đông-Đức khiến cho vấn-đề thống nhất Đức không thể thực-hiện nổi. Trong khi Đông Đức muốn được coi là một quốc-gia có đầy đủ chủ quyền thì Tây Đức lại coi Đông Đức là một chính-thể thực tại không có tính-cách chính-thống. Tây Đức chỉ chấp nhận thống nhất Đức, nếu Đông Đức được coi là một tỉnh của Tây Đức. Để yểm-trợ quan-điểm này, Tây Đức áp dụng « thuyết Hallstein » chỉ thiết-lập liên-lạc ngoại-giao với những nước nào không thừa nhận Đông-Đức (1). Chính phủ Bonn đã đoạn giao với nhiều nước Cộng-

sản Đông-Âu chỉ vì các nước này thừa nhận Đông Đức. Nhưng chính sách Đông - phương của Tây - Đức có một nhược-điểm là Tây-Đức bắt buộc phải thiết-lập liên-lạc ngoại-giao với Nga trong khi ở Mạc-tur-khoa đã có một Tòa Đại-sứ Đông Đức. Thuyết Hallstein do đó không những không được triệt-đề áp dụng, mà sự hiện-hữu của 2 Tòa Đại-sứ Đức tại Mạc-tur-khoa chứng tỏ rằng Bonn đã ngầm nhận Đông Đức. Và chính Bonn cũng còn cấp viện trợ kinh tế cho chính-phủ Đông Đức ở Pankov và giao-thương với các quốc-gia Cộng-sản ở Đông và Trung-Âu.

Những mâu thuẫn này đã khiến cho nền ngoại-giao Tây-Đức bị lúng túng trong những năm qua. Nhưng trong hiện tại Tây-Đức hình như đã quyết-định giải quyết một lần cho xong với các mâu thuẫn này. Vì vậy mà khi nắm chính quyền năm 1969, ông Willy Brandt, đã đưa ra một chính - sách Đông-phương mới mẻ hơn. Ông quyết định thương-thuyết trực tiếp với Đông-Đức, cộng tác thẳng thắn với Nga sô. Thời-vận quốc tế và quốc nội hiện tại cho phép ông làm như vậy. Chiến tranh lạnh Đông Tây không còn nữa. Cộng tác với Nga

L.T.S. Xin xem thêm «Nước Đức trên con đường thống nhất» của Việt Phương trên BK số 309 (15-11-69).

*Bộ sách giá trị không thể thiếu trong tủ sách của các bạn :*

## CHU DỊCH

của Cụ Sào - Nam PHAN BỘI CHÂU

Sách in làm 2 quyển khổ to trên 1200 trang giá trọn bộ 800\$

Bán tại : Nhà sách KHAI TRÍ 62 Lê Lợi Saigon



đề giải quyết các vấn đề quốc-lễ giờ đây là một điều rất hợp thời. Tại nội bộ, đảng Dân-chủ Thiên-Chúa giáo không còn nắm giữ chính quyền. Những đường lối cứng rắn đã hết còn hiệu lực. Hơn nữa cả Hoa-kỳ lẫn Pháp đều cố gắng bắt tay với Nga. Cộng-tác với Nga, Tây-Đức không còn bị mang tiếng là xé lẻ, là phản bội Tây-phương. Giới trẻ trong nước, sinh sau năm 1945, không còn biết tới Đệ-nhị thế-chiến. Một số lớn cũng không biết ở phía Đông đường ranh giới Oder-Neisse, Đức đã mất những lãnh-thổ nào cho Nga và cho Ba-lan. Vì vậy mà Tây Đức đã dần dần đi tới một chính-sách « mở cửa về phía Đông ». Ngay từ năm 1966 khi đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo còn cầm quyền, ông Erhard lúc đó làm Thủ-tướng, thề theo lời đề nghị của Ngoại-trưởng Schroeder, đã đề nghị với Nga là hai bên ký một bản tuyên-cáo chung hứa sẽ từ bỏ việc sử-dụng bạo-lực. Ngày nay ông Schroeder tuy mất quyền nhưng lại giữ chức Chủ-tịch Tiểu-ban Ngoại-giao của Quốc-hội, nên chính-sách Đông-phương của ông Brandt đã được một nhân vật Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo yểm trợ.

Nếu trong hai buổi gặp gỡ tại Erfurt và Kassel giữa ông Brandt, Thủ-tướng Tây Đức, và ông Stoph không đưa lại một kết-quả nào khả quan thì cuộc thương-thuyết Nga-Tây Đức, mang

lại một hiệp ước thân-hữu và cộng tác giữa hai nước vừa được ký tại Mạc-tur-khoa vào tháng 8 vừa qua. Với hiệp-ước này, cả hai bên đều cam kết không dùng võ-lực và Tây-Đức thừa nhận các đường biên giới hiệu-hữu ở Âu châu kể cả Oder - Neisse và Elbe.

Hiệp ước Mạc-tur-Khoa đã hợp-thức hóa phần nào qui-chế hiện-hữu của Tây-Đức. Sau khi cuộc Đệ-nhị thế-chiến kết thúc tới nay, các nước đồng minh của Đức như Ý, Phần-lan, Bảo-gia-lợi, Lỗ-mã-ni, Hung-gia-lợi đều đã ký hòa-ước với các nước chiến-thắng để chấm dứt tình-trạng chiến-tranh. Riêng có Đức, vì bị chia làm đôi và vì sự bất đồng ý-kiến của các quốc-gia chiến thắng, nên đến tận bây giờ hòa-ước vẫn chưa được ký kết. Tuy Anh, Mỹ, Pháp tuyên bố chấm dứt qui-chế chiếm đóng nhưng những quyết định tay tư về vấn đề Đức vẫn chưa bị hủy bỏ. Đối với Nga, Tây Đức vẫn là một quốc gia thù nghịch. Hiệp-ước Mạc-tur-khoa tuy không là một hòa-ước nhưng đã đưa Tây Đức ra khỏi qui-chế của một kẻ chiến bại.

Sở dĩ Nga bằng lòng ký với Tây-Đức hiệp-ước Mạc-tur-khoa chỉ vì Nga cần tới sự trợ giúp của Tây Đức. Trước hết Nga muốn được ên trí ở phía Tây để rảnh tay chống lại Trung-Cộng ở phía Đông. Hơn nữa Nga cần

# ACTIVIT

THUỐC TRỊ LAO LỰC, BỒ MÁU, BỔ PHỔI  
BỔ CƠ THỂ  
CÓ CHAT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN



viện trợ kinh tế của Đức để phát triển vùng Sibérie. Trong cuộc thương-thuyết Nga-Đức người ta đã chú ý nhiều đến sự hiện diện của hai ông Patolichev, Tổng trưởng Thương Mại và Kostoussov, Tổng trưởng chế tạo cơ khí, bên cạnh ngoại trưởng Gromyko. Chính sách của ông Willy Brandt đã được các giới tài phiệt trong nước ủng hộ. Ông Otto Wolff von Amerongler, chủ tịch các phòng thương mại và kỹ nghệ đã tuyên bố rằng « Nếu hiệp ước Mạc-tư-khoa kéo theo một thỏa ước thương mại thì sẽ được giới kỹ-nghệ-gia Đức hoàn toàn ủng hộ. » Hiện thời hãng Daimler - Benz đang dự tính chế tạo xe vận-tải hạng nặng tại Nga.

Thành quả ngoại giao của Tây Đức ở phía Cộng sản đã làm cho các quốc gia Tây phương lo ngại. Đức từ trước tới nay đã có tiếng là hay áp dụng một chính sách quân bình giữa hai phe để hưởng lợi. Người ta sợ rằng Hiệp-ước Mạc-tư-khoa vừa rồi đã theo đúng truyền thống của hiệp-ước Rapallo năm 1922 và hiệp - ước Ribbentrop - Molotov năm 1939, để cho phép Đức đi dần vào con đường chống Tây-phương. Dù ông Willy Brandt có tuyên bố rằng chính-sách Đông-phương của ông bắt

nguồn từ Tây-phương nhưng các nước Tây-phương vẫn nhìn ông bằng cặp mắt nghi kỵ vì với hiệp-ước Mạc-tư-khoa, ông Brandt cướp mất sáng-kiến công tác Đông-Tây của Mỹ và của Pháp. Để tỏ ra rằng mình vẫn ở phe Tây-phương ông Brandt đã đề nghị một hội-nghị thượng đỉnh Tây - phương Pháp, Anh, Mỹ, Đức để ủng hộ đường lối của Tây-Đức. Nhưng Paris đã vội vã từ chối tham dự hội nghị này và tại Luân-đôn và Hoa-thịnh-đốn người ta tỏ ra hết sức dè dặt. Như vậy và dù muốn dù không thì Tây-Đức đã bị cả Nga lẫn Tây - Phương lại bắt đầu coi là một địch-thủ lợi hại. Nhất là hiện thời trong khối Thị-trường-chung, Tây Đức nhờ một nền kinh tế ổn-định và trù phú, nhờ một qui ngoại-tệ và qui-kim khổng lồ, đã từ nhiều năm nay đóng vai trò lãnh-tu kinh-tế. Giờ đã đến lúc Tây Đức xuất hiện như một lực-lượng mới không những tại Âu-châu mà còn trên thế giới nữa.

oOo

Adenauer đã cứu Tây-Đức ra khỏi qui-chế một quốc-gia bại trận bị chiếm đóng để xây dựng lại một quốc-gia hùng mạnh. Erhard đã cho Tây-Đức một nền kinh-tế thịnh-vượng chưa từng thấy.

*Quyền sách bán chạy nhất của :*

**NGUYỄN - MẠNH - CÔN**

**MỐI TÌNH MÀU HOA ĐÀO**

In lần thứ ba, sách dày **250** trang giá **180đ**

Bán tại : Nhà sách **KHAI TRI 62 Lê Lợi Saigon**



Cả hai đã khôi phục lại uy tín cho Tây-Đức ở phía Tây Willy Brandt. tuy từ trước tới nay đóng vai đối lập, giờ đây cũng không làm gì khác hơn là tiếp tục và hoàn tất diễn-tiến lịch-sử của sự phục hồi địa vị quốc tế cho Tây Đức bằng cách bắt buộc các quốc-ia ở phía Tây phải kính nể Tây-Đức. Từ trước tới

nay ông Brandt vẫn than phiền rằng : «Tây-Đức là một anh khổng lồ kinh-tế và một chú lùn chính trị» thì giờ đây ông đã có một cơ hội hiếm có để làm cho chú lùn này lớn nhanh trong đời sống chính-trị thế-giới.

TỪ TRÌ

## Chúc mừng

Chúc rề PHẠM-ĐÌNH-NHIÊN, cô dâu NGUYỄN-THỊ-NA ngàn năm hạnh phúc.

vợ chồng NGUYỄN VĂN ĐỆ — vợ chồng NGUYỄN HẢI CHÍ — vợ chồng MẶC MAIN HÂN — LANSƠN ĐÀI — LÝ MINH TUẤN — CHU ƯƠNG MIỆN — NGUYỄN QUỐC THAI — NGUYỄN HỮU LẠNG — PHAN THƯƠNG — NGUYỄN CÁT ĐÔNG —

Quân Mông-cổ làm cách nào vượt qua Vạn-lý-trường-thành để chiếm Trung-Quốc ? Họ làm thế nào để trầy quân trên rặng núi Pamir cao 4000 thước và vượt qua sa-mạc Tử-thần để đánh tan đế-quốc Hồi ? Họ tổ-chức và huấn-luyện những đại-đoàn pháo binh như thế nào ? Chiếc cung, đôi giày, và con chiến mã của họ ra sao mà các sử gia cho là yếu-tố chiến thắng ? Va, từ một tên du mục hiền lành, tại sao Thành-Cat Tư-Hãn nổi cơn phẫn nộ đến mức gây cảnh núi xương sông máu làm kinh-hoàng cả lịch-sử nhân loại ?

*Đề có thể giải đáp những câu hỏi trên, mời bạn đọc quyển :*

## THÀNH - CAT - TƯ - HÂN

*của Nguyễn-Trọng-Khanh*

— Một cuốn sách xây dựng công phu với những sử liệu đặc biệt như : *Mông-cổ bí sử*, *Đế quốc đồng cỏ* của Viện Đại-học Hambourg... và hình ảnh của Viện Bảo tàng Moscou...

## TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

Địa chỉ : 21 Nguyễn-Thiện-Thuật Sài-gòn — Đ.T : 92.017



**BANQUE**

*A votre service*

*tous les services de la*

**banque  
nationale  
de Paris**



# Người đi trong thanh xuân

Truyện PHẠM - NGỌC - LƯU

... ● Như thế không muốn tự mình phải nhắc lại câu chuyện đau đớn đã trôi qua, dáng cha tôi lơ đãng phiến nào, giọng ông chậm rãi heo hắt :

— Anh mày chết hôm 12, Tới bữa 14 lính mới đem xác về, nom không toàn thây. Tao với chú mày phải tầm liệm chôn liền... Mày lên bằng máy bay gì ?

— L 19 đó ba, phải tốn ba ngàn đồng cho tụi nó đớp. Lôi này sức mầy mà đi trực thăng của Mỹ được, tỉnh trưởng cấm ngặt. Con mới nhận được tin chiều bữa kia.

Tôi bước tới bàn thờ đốt nhang cắm bài vị anh Hoạc. Trí óc tôi lúc đó rung khò như một miếng da chai dầy hết còn cảm giác. Giữa anh Hoạc và tôi ngày thường đã có một khoảng cách lạnh đạm. Khi anh cưới vợ, sự xa cách còn nhen nhúm lòng khinh miệt. Chính tôi là kẻ lên tiếng phản đối về tư cách người vợ của anh gay gắt nhất.

Fôi đốt một điều thuốc:

Chị Ngãi đâu ba ?

— Nó mới về đâu bên má nó.

Chị Ngãi ! Đó là con gái da ngăm suốt ngày đi hái củi phơi nắng trên bãi cát bên kia sông, từng "mày mầy, tao tao", nghịch ngợm thân mật với tôi suốt những mùa hè từ tỉnh lên, những nam mới lớn. Sau này, khi có cán bộ binh định về làng, người ta kể lại những đêm trắng cô Ngãi đi hò hát tuốt trong mây ấp xa xôi. Không thiếu gì chuyện bắt

chính đồn đãi khiến một chặp nàng nổi tiếng khắp quận, lớp lính nào mới dời đến đây cũng có nghe bạn bè nhẩn nhe gởi gắm ít nhiều điều lý thú về Ngãi. Nhưng anh Hoạc thì không màng tới lời thiên hạ. Tính anh chậ: hẹp lòng biếng chảng muốn đi ra khỏi cái thung lũng này, nội việc băng qua hết con sông kia để kiếm được người vợ đem về cũng quá lắm rồi. Với lại, anh muốn ở gần cha tôi sớm hôm lui cũi trong căn nhà vách đất tối tăm; Chiều leo đồi vào trại, sáng đạp xe xuống chợ giúp Ngãi dọn hàng. Cứ thế ngày qua ngày cho tới khi nằm xuống mà chưa có một mống con.

Em có tội với anh, anh Hoạc ! Tôi chỉ nghĩ được vậy và rưng rưng muốn chảy nước mắt. Càng muốn khóc hơn khi chợt nhìn thấy chiếc bóng hiu quạnh của cha tôi ngồi co ro im lìm như một cái xác rỗng trên bộ phận. Khóc cho mọi hy vọng ông dành dựm nói anh em tôi phút chốc gãy đổ cùn cụt hết thảy. Tôi sợ cha tôi giạt mình nhưng đành hỏi nhẹ :

— Mợ anh Hoạc chỗ nào ba ?

— Trên gò Mống, chỗ gần mấy cụm xương rồng.

Tôi lẳng lặng cầm thẻ nhang bước ra ngõ. Mấy hôm này trời nắng ui ui, nắng mất máu bệnh hoạt. Không nhìn thấy bóng mình đâu cả. Dọc đường, những chiến xe ngựa chở đầy thuốc



lá ọc ạch chạy ngược về.. Rải rác năm ba tờ giấy vàng mã cũn vào góc cở trông còn rõ màu.

oOo

Ngãi mặc bộ đồ tang rộng thùng thình, đôi mắt còn đỏ hoe ngược lên :

— Chú Dực !

— *Chị* !

— Về hồi nào ?

— Hôm qua. Nghe tin anh... nhưng đón máy bay lâu quá.

Tôi bước vào nhà nắm vật xuống giường thở dài thườn thượt. Có lẽ tôi không thể nào nói được với Ngãi một câu ngoài nỗi chua xót bở thẹn cứ canh cánh bên lòng. Tôi mường tượng thấy đôi mắt anh Hoạc đang trừng trừng nhìn tôi hằn học. Đôi mắt sao tức tưởi thế kia, trời ơi, có lẽ khi chết không ai kịp vuốt mắt cho anh yên tâm lìa đời hay sao ?

Giọng Ngãi lơ lơ như thể cái lưỡi đã bị cụt.

— Hôm nào xuống dưới, nhờ Dực mang tấm ảnh của anh Hoạc đi vẽ lớn để về thờ.

— Được rồi, tôi sẽ lo.

— Cả giấy tờ xin tiền tử tuất, Dực có thể giúp cho.

— *Chị* cứ an tâm. *Chị* biết chứ, gần năm rồi tôi không gặp anh Hoạc để thông cảm những hiểu lầm ngày trước. Tính tôi quả nông nổi và trẻ con. Bây giờ sinh ly tử biệt, lòng tôi đau xót dường nào, xấu hổ nữa...

— Không đâu, chả bao giờ tôi nghe ảnh phàn nàn gì Dực.

— Bởi thế mới cực lòng !

Tôi tránh nhia Ngãi và cố nói lớn

cho cha tôi đang ngồi trầm ngâm bên cửa sổ nghe. Ông chậm rãi quay lại một lát rồi điềm nhiên trở về thế ngồi cũ, mắt xa xăm nhìn dãy gò đồng chập chùng ngoài kia

— Thăng Hoạc coi như đã xong đời nó. Còn mấy phải tính liệu thời thế mà sống, chớ có đại đột oan uổng như nó nữa.

Giọng cha tôi héo hon nghe tựa lời trần trời. Tôi ngồi nhòm dẫy :

— Con quên chưa nói với ba là con đã hỏng thi !

Ông vẫn ngồi nhìn ra cửa bình thản :

— Thì về đây ở với tao.

Ở với ba, trong căn nhà tối ám này làm sao tôi chịu đựng nổi hình bóng anh Hoạc còn lớn vờn quanh quất. Cả Ngãi nữa, cảnh tượng một buổi chiều tối ngây thơ ôm đứa con gái mới lớn có nước da ngăm ngăm nằm trên bãi song đã không ngờ lại trở thành một ám ảnh tội lỗi khi nàng đột nhiên bước vào thờ chuơng không khí trong gian nhà này. và trở trêu thay, tôi phải gọi nàng bằng "*chị*", miệng lưỡi ngược ngập, khơi hai !

— Không được ba ạ. Người ta sẽ bắt con đi lính, chẳng còn bao lâu nữa.

— Đi lính ? Mấy chưa mở mắt nhìn thăng Hoạc năm đó sao ? Tao chỉ còn mình mấy, chớ nơi đại.

Ông nhìn tôi chòng chọc rồi bỏ chân xuống đất tìm guốc bước ra sân, lưng thưng đi qua phía bên kia chợ. Trưa hôm đó, cha tôi mặt mày đỏ gay loạng quạng về nhà. Lần đầu tiên trong đời ông uống nhiều rượu vì chuyện buồn bực. Năm xuôi chân tay trên giường thờ khò khè, nước mắt ông âm thầm chảy dài xuống đôi gò má hóp.



Một tuần sau, tôi theo chuyển *convoy* về tỉnh lỵ với cảm giác của kẻ trốn nhà ra đi.

● Một năm rồi hai năm, mấy kỳ giỗ anh Hoạc tôi vẫn không về nhà được. Đạo tình cờ gặp chú tôi, ông bảo hàng xóm bây giờ viêu điều lắm rồi, người ta bỏ đi gần hết, cả con Ngãi nữa. Chỉ còn lại một mình cha tôi đang sống như cầm điếu giữa đạn bom nổ ngày nổ đêm bên mấy rẫy thuốc lá. Tôi thì làm một tên chuẩn-úy lặn lội từ mặt trận này đến đôn bót hẻo lánh khác, mất hẳn mọi liên hệ thân bằng quyến thuộc. Chẳng mấy chốc tôi sống kiếp linh mồ cõi, đầu rừng xó núi, giết người cho đỡ tủi thân, thù hằn cho bớt lẻ loi. Tôi nói với chú: con hư hỏng rồi, thời thế đã bắt tội con sống phản bội cha chú, bất hiếu bất đễ. Chú thấy đó, rồi con sẽ bước tới khúc đường cụt của anh Hoạc, chưa biết khi nào! Người chú sau đó không khuyến giải an ủi được gì tôi đã lui thủi bỏ đi về bến xe ngựa ngoài r. nh thành phố. Nom ông có dáng dấp của một người lao công làm trong các căn cứ Mỹ: chiếc mũ nhựa vàng, đôi giày ống cũ xộc xệch.

Cả buổi tối tôi đi thơ thẩn từ con đường này sang đại lộ khác. Thành phố nhỏ thó của những năm đi học đã bị vùi xóa mất dấu vết thân thuộc để mọc lên một thứ thành phố kình kiêu, phè phỡn dành cho lớp người giàu mới. Bọn lính bùn đất nhớp nháp mỗi lần theo tôi về đây vẫn không ngớt chửi tục: "mẹ kiếp, nếu xảy ra một vụ Mậu-Thân nữa, ông sẽ xơi tái tội nhà giàu

trước!". Nhưng rồi, từng đũa một hậm hực ngã xuống. Trước khi đôi mắt được một bàn tay đồng đội vuốt xuôi, chắc hẳn còn nhìn thấy cảnh vợ con nheo nhóc đang sống chui rúc giữa cái phố của bọn giàu có vô tâm.

Tôi vào một quán nước ồn ào tiếng nhạc kêu bia uống rỉ rả. Chừng no hơi và thấy nhàm những bộ mặt trai gái choai choai, tôi rời quán tìm chỗ đặt mấy thùng rác đứng tiêu. Gần đó, một tiệm ăn Đại-hàn xanh đỏ ánh đèn màu hoa hòe. Chợt mắt tôi dươn lên và khựng lại: một đũa con gái trông quen quen vừa đẩy cửa bước ra ngó quanh tìm xích lô thì phải. Tôi bước tới vài bước rồi hốt hoảng muốn thối lui. Ngãi! đúng rồi, Ngãi! Ti nữa tôi đã buộc miệng kêu thành tiếng. Một nỗi chua chát lẫn nhục nhã choáng váng trong đầu. Men bia ựa lên đắng ngắt. Tôi đi xộc tới, tay chân bắt đầu run run:

— Chào...cô!

Mùi nước hoa tỏa ra gay gắt nực nội. Phấn son vụng về chưa làm mất hết vẻ quê mùa trên mặt, Ngãi nhìn tôi ngờ ngợ:

— Anh muốn hỏi ai?

— Trung sĩ Hoạc!

Ngãi bối rối lùi về sau một bước kinh ngạc ngó sưng tôi:

— Trời ơi, Dực!

Tôi nhếch mép cười nhạt:

— Còn nhận ra tôi hả?

Không đợi nàng nói, tôi sấn tới chụp cánh tay Ngãi gằn giọng:

— Tại sao chị ở đây? Xấu hổ thế này sao! Này Ngãi, tủi vonq linh anh Hoạc quá!

Ngãi vùng vẫy cố thoát khỏi bàn tay



rắn chắc của tôi, giọng van nài hồn hèn:

— Dừng buông ra. Đừng làm quấy ở đây. Về nhà rồi nói chuyện.

Tôi nghiêng rặng tóc vào má nàng, nói gần như hét:

— Đồ khốn nạn. Về ngủ với mày hả?

Không ngờ cơn giận tôi hung bạo vậy. Tôi nhìn Ngãi đang ôm mặt lão đảo rồi lăm lăm bỏ đi, đi như chạy về phía bờ sông. Sông nước vỗ ọc ạch giữa những cừ tre buồm nấp. Sông không triều không đáy mệnh mang sâu thẳm như lòng tôi đang ngụt ngùi sâu hận. Cả gió nữa, gió héo hắt tựa hơi thở tàn của kẻ vừa bị bóp cổ. Ngồi trên một mộ đá, tôi phanh ngực áo ướt đầm mồ hôi. Hẳn giờ này, Ngãi đang khóc lóc nguyên rủa? Tối mai nàng còn dám tới tiệm ăn ấy nữa không? Tại sao tôi nóng giận đến độ vũ phu như vậy? Hình ảnh anh Hoạch hiện về rung rung. Tôi đưa bàn tay lên vuốt mặt, mùi nước hoa gay gắt cay xót của Ngãi còn thoang thoảng...

Suốt đêm trong căn nhà trọ ngày xưa, tôi không thể nào ngủ được. Có lúc

thiếp đi một giấc ngẩng, những cơn mơ quái đản giật ngược tôi nhồm dậy. Rõ ràng tôi thấy khuôn mặt anh Hoạch đứng nhìn tôi trừng trừng. Và tôi nhớ mình đã ảm ức khóc không thành tiếng, nước mắt lẳng lẳng lẩn theo con đường của nó, rớt xuống cỏi chia tan nào ngoài lòng ăn năn bở thẹn. Để chừng đã nhiều năm rồi tôi mới được khóc. Để có lẽ sáng mai đây, tôi an tâm thờ thối trở về với núi non quê cũ nhìn cái bóng khô đét của người cha đứng trơ trơ như con hình nhân đợi gió trên rẫy đất hoang.

● Người ta đưa tôi vào đây đã được một tuần, có lẽ hơn, chín mười hôm rồi thì phải. Những vết thương nơi đùi đã bắt đầu khô mủ kéo da non, thế nhưng mỗi lần lê ra hành lang hong gió tôi phải chống nạng và nhắc từng bước khó nhọc. Sáng nào tôi cũng hỏi người y tá: có hy vọng gì chân tôi khỏi bị tật không? Anh ta cười: Chuẩn úy sợ bị ra loại 2 à? Không, tôi muốn rời khỏi đây sớm ngày nào hay ngày nấy. Quả thật tôi không thể nào chịu đựng mãi mùi ê-te và nhìn từng đống băng bột bẽ bết máu. Ngay thứ năm hay

## Ý - THỨC

BÁN NGUYỆT SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Tòa soạn: 666 Phan-Thanh-Giản — Saigon

SỐ RA MẮT: Ngày 01 tháng 10 năm 1970



thứ sáu gì đó, chú tôi tìm đến thăm trong lúc người ta đặt tôi vào chiếc xe đầy đưa đi chụp hình mảnh đạn còn găm sâu bên trong hông trái. Ông chạy theo bên và đặt vào lòng tôi một gói cam lớn. Nhìn dáng ông tất tả, tôi muốn chồm người đứng dậy níu lấy ông nhưng cánh cửa phòng quang tuyến đã khép lại. Bấy giờ tôi mới cảm thấy những vết thương dưới da trở mình nhức nhối. Ngày hôm sau rồi hôm sau nữa, tôi nằm ngoái cò ra hàng lang chờ ông đến mà không thấy tăm dạng. Tôi kiểm miếng giấy viết sẵn ít dòng định nhờ người đi đánh điện cho cha tôi, khuyên ông chớ lo lắng gì, tôi chưa can hệ nào và sắp sửa rời quân y viện. Cũng buổi chiều đó, Ngãi độ, ngọt xuất hiện nơi khung cửa nhón nha nhón nhác ngó vào. Tôi há rộng miệng nường không biết làm sao thốt thành tiếng kêu được. Ngãi đã bước tới cạnh giường dịu dàng nắm lấy tay tôi :

— Tội nghiệp Dục quá ! Tôi mới gặp chú hồi sáng, nếu không thì cũng chẳng biết Dục nằm đây.

— Cám ơn chị. Hôm đó tưởng đã về gặp anh Hoạc rồi !

— Chớ nói đại. Dục thấy trong người thế nào ?

— Khá bình thường. Chỉ sợ cái chân mình bị cà nhắc thôi !

— Vậy Dục có thể được giải ngũ rồi.

— Cha tôi chắc cũng mong vậy. Sau đêm tình cờ gặp chị và gây nên chuyện nông nỗi, thật tình tôi ân hận. Rồi tôi đón *convoy* lên thăm nhà, nửa đường xe trúng mìn. Thật lãng nhách !

Ngãi bõ cam vắt nước vào ly đưa cho tôi uống.

— Đêm đó, chị nghĩ thế nào về tôi ?

— Chuyện xảy ra quá bất ngờ. Tôi chỉ nghĩ Dục say rượu. Bản thân tôi còn cảm thấy bị sỉ nhục... Dù sao, Dục đã hiểu lầm. Tôi chưa phải là con diêm ! Ở tiệm ăn ấy tôi chỉ là kẻ làm công.

Đặt Ngãi rưng rưng quay đi hướng khác. Tôi nhấp một hớp nước và cảm thấy chua lèm.

— Chị hiểu cho, luôn luôn tôi như có lỗi với anh Hoạc. Nhất là khi anh ấy chết đi quá sớm.

Ngãi thút thít khóc :

— Hầu như đời tôi chỉ sống toàn giữa nghịch cảnh !

— Giờ chị có toàn quyền về đời chị. Dầu sao tuổi chị cũng còn quá trẻ.

— Cám ơn Dục. Dục nghĩ coi, làm sao tôi có thể yên ổn sống được ở trên quê giữa lúc giặc giã cứ tràn về.

— Tôi chị đừng nói nữa, tôi khóc theo đây. Ngibi cho cùng, chính anh Hoạc mới là kẻ hạnh phúc, đánh cắp hạnh phúc ra đi vội vã.

# NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc  
Tăng cường trí nhớ



Rồi hết giờ thăm. Tôi tần ngần nhìn màu áo Ngãi xa dần ngoài hành lang lộng gió. Ngọn lửa ấm nào vừa tắt lên cũng vụt tắt, tôi nằm dài ra giường nhìn thẳng lên trần phòng, hai con thằn lằn đang mê mẩn chụm đầu vào nhau. Tôi nhắm mắt tưởng tượng chúng đang buông chân rớt thẳng xuống mặt mình. Và tôi thì nhảy ra khỏi tầng lầu, đôi chân nằm ngo ngoe trên bãi cỏ như cặp đuôi chúng mới bị đứt lia.

Từ đấy, Ngãi không còn đến thăm tôi nữa cho tới ngày tôi trốn ra khỏi bệnh xá tìm tới một công viên ngồi thở khí trời say sưa. Trời hôm đó đầy nắng, nắng lộng lộng mượt mà, còn khí trời thì thơm tho xanh ngắt tựa màu áo Ngãi mặc chiều nào.

PHẠM-NGỌC-LƯU

Huế 7-70

# BASTOS *Love*



巴  
士  
多  
金  
牌  
煙  
名  
貴  
大  
方  
真  
地  
超  
等

Siêu Đẳng Thượng Hào Hạng



Thế nào là

một cái học *mất nước*  
một nền giáo dục *lệ thuộc*

Đâu là

chân dung của những nhà giáo *đang đánh mất*  
*linh hồn* ở mọi cấp học — nhất là ở Đại-học ?

Đâu là

*thực chất* của nền giáo dục học *đường ngày nay* ?

Xin tìm đọc :

# CÂU CHUYỆN THÀY TRÒ

của HUỖNH PHAN

- ❖ Tập sách được đề tựa cách *nông nản* bởi học-giả Nguyễn-Hiến-Lê;
- ❖ Tập sách có một Phụ-lục ý-kiến về Cách-mạng giáo-dục của Ô. Ô. Lý-Chánh-Trung, Kim-Định, Nguyễn-Hiến-Lê, Phan-Khôi, Giản-Chi.
- ❖ Tập sách diễn tả *những phê phán xác thực* mà tuổi trẻ dành cho cha anh mình và cho *chính thế-hệ* mình;
- ❖ Tập sách *phải tranh đấu gay go* với Sở Phối-hợp Nghệ-thuật trước khi chào đời;
- ❖ Đó là tập sách của một cây bút trẻ, tha thiết dành cho *những người bạn trẻ* « có *nghĩ ngợi* » về tương lai phần đất và xã hội này...

---

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

Địa chỉ : 21 Nguyễn Thiện Thuật Saigon. ĐT.92.017





Nhức đầu

*• Nhóng*

**Budon**

**TRI:**

Nhức răng, nhức môi đau  
lưng, đau nhức lúc có  
Kinh Kỳ



KN số 1211/BYT/QCOP

## GIA BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt-san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	3800 đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	2000 đ.
o o o				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2800 đ.
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1400 đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	700 đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên, có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty quản-lý tạp-chí Bách - Khoa, 160 Phan-dình-Phùng Saigon. Đ. T. 25.539.



## ĐÊM U MÊ

Nửa đêm tôi thức giấc. Những mệt mỏi dăm dăm mơ hồ đọng dưới da thịt. Tôi với tay bật ngọn đèn ngủ đặt trên chiếc bàn nhỏ đầu giường. Người đàn ông vẫn ngủ mê mết. Tôi trông anh thật xa lạ khi anh ngủ. Tôi chợt muốn gọi lớn "Phan! Phan" cho anh thức giấc. Tôi đặt tay lên vai Phan nhưng lại thôi. Hơi thở của Phan nhẹ nhàng đều đặn. Giấc ngủ không một lần cự mình. Phan ngủ với đầy vẻ đắm đuối. Nét mặt Phan hồn nhiên, trẻ con. Có những lúc Phan trở nên lạ mặt như thế trong tôi. Tôi không giải thích được. Tôi cũng không muốn phải tìm tòi giải thích, mệt quá sức. Từ khi Vinh mất thì tôi đã phải chịu những mệt nhọc thần trí tưởng không thể chịu nổi. Mãi sau có một người bạn nói với tôi:

— Thực cũng đừng quá bi thảm nữa. Sống là khó khăn nhưng may thay ai cũng sống được hết đời mình cả.

Tôi kéo tấm chăn mỏng lên ngang ngực cho Phan. Sau khi buông rời tôi từ những ghi-xiết-cuối-cùng Phan ngủ mau chóng hồn nhiên. Đàn ông đều tệ như vậy cả. Nhưng điều đó đã làm nên họ (đàn ông). Riêng tôi dù mệt nhọc đến mấy cũng cứ hai, ba giờ sáng là phải thức dậy, hết như một căn bệnh. Căn bệnh Vinh đã để cho tôi phải chịu. Cái chết của Vinh làm ra chiều sâu khôn cùng của đêm. Tôi rơi hốt hẫng trong đó. Choáng váng.

Đêm khuya thành phố im bất. Giới nghiêm đến từ lâu. Riêng tôi đã thức hoàn toàn khi mọi vật đều thiếp ngủ. Con mưa hồi tối còn đọng lại cái lạnh lẽo của hơi nước mù ẩm. Mảnh trời lấm chấm sao hắt qua khung cửa sổ. Gió nhẹ nhẹ. Anh đèn đường xò đầy trên những vòm lá cây. Hơi thở của Phan đều đặn theo chiếc đồng hồ treo tường. Những đêm một mình khi thức giấc, tôi thường nằm lặng như một xác chết, vây bủa bởi những ý nghĩ chán nản, buồn bã, đẩy đưa tôi đến những xúc động, tủi thân. Sau đó tôi trở dậy uống hai viên thuốc an thần và cố ru mình ngủ lại bằng những kỷ niệm vụn vặt, những tưởng nhớ về Vinh. Những tưởng nhớ về người chồng đã mất lại làm tôi đôi lúc tủi thân hơn. Có khi tôi nghe ra tôi khóc. Những giọt nước mắt rơi không bao giờ có âm vọng. Tại sao? Tại sao hở Vinh?

Có những lúc tôi tưởng còn nghe được những lời yêu dấu, còn tưởng những cảm giác chồn vồn trên da thịt và đầu óc từ vô cùng trong tôi nhóm lên những ngọn lửa khao khát bàng hoàng. Tôi như một trái chín đã rụng và tự làm ung thối mình. Vinh cứ mãi là một ám ảnh. Tại sao vậy?

Cái học tú nơi bàn làm việc là nơi chứa mọi di vật của Vinh. Nơi bàn đó tối tối Tú vẫn ngồi học bài. Tôi lưu



giữ cẩn thận mọi di vật của chàng. Tôi góp nhặt chúng bằng nhiều ngày tháng. Tôi không hiểu tại sao tôi làm vậy. Không một mục đích chúng không phải là Vinh. Chúng không thể là Vinh. Chúng không thay Vinh được. Từ cặp Alfa Sinh viên sĩ quan, vài cái cúc áo, cúc quần của Vinh đứt chưa kịp khâu (chịu! tôi đi làm thì đâu có đủ thì giờ săn sóc mọi việc cho chàng). Từ một đôi vớ rách đến gọng kính má võ mất một mắt trong chuyến về phép cuối cùng của Vinh. Ngay cả tấm ảnh của một người con gái xa lạ nào đó ở Huế với vài gờng yêu tặng rất học trò. Tôi đã bắt được trong túi áo Vinh.

— Ghê quá nhỉ! cô nào đây? Anh coi chừng nghe con nhà người ta còn nhỏ xíu thế này.

— Thiên hạ ở Huế còn anh ở mãi tận Đông hà ăn thua gì. Văn nghệ đại khái cho đỡ buồn.

— Ăn-thua-gì là sao? Nhưng làm sao anh quen được?

— À! nghĩ hè họ tổ chức phái đoàn đi thăm viếng vỹ đạo tiền đồn mà!

Tôi không giận Vinh vì tôi tin Vinh. Tôi im lặng trong khi Vinh lại nghĩ là tôi bực mình. Tối hôm đó bằng mọi cách Vinh bắt tôi đi chơi với Vinh dù tôi không muốn. Vinh đã là một hạnh phúc trọn vẹn nhất của tôi. Những khi có Vinh tôi chỉ muốn ở lì trong phòng. Tôi hạnh phúc trong không gian này tầm đấm mìn ngọt. Tôi nhớ đến những câu thơ, một bài thơ nào đó tôi đã đọc một lần để có những đêm tự đứng nghe ra cái hiu hắt của một hình bóng hạnh phúc đã mờ.

*Hạnh phúc là điều không chia sẻ được  
Nên hạnh phúc đôi khi vẫn nhỏ lẻ một  
mình.*

Vinh hường đưa tôi đến ăn cơm tối tại một tiệm ăn quen thuộc. Chúng tôi vẫn ngồi ở chiếc bàn góc phòng vắng nhì. Tôi thích nhìn những bông hồng nhung tiếp màu với tấm màn đỏ huyết dụ trên các ô cửa kính. Vinh lại yêu bức tranh sơn dầu tựa đề rừng thu. Những cánh lá chết vàng, cành gãy khẳng khiu, buổi sáng nắng còn ẩm sương mù. Vinh có đôi chút lãng mạn của một người làm thơ dù chẳng bao giờ Vinh làm thơ. Vinh ham đọc sách và quý sách. Vinh ước muốn khi về già sẽ có một thư viện nhỏ trong nhà. Vinh chẳng còn bao giờ thực hiện được ước muốn đó. Vinh chẳng còn bao giờ nhìn thấy được tuổi già của mình. Vinh thường gọi những món ăn theo ý kiến của tôi nhưng tôi lại ít có ý kiến nên thường chúng tôi chọn món ăn rất lâu. Vinh ép tôi uống chút rượu vang. Tôi không biết uống rượu nhưng màu rượu vang nâu thẫm óng ánh trong cái ly pha lê tròn trĩnh thấy dễ thương lạ. Men rượu tối ấy như còn nồng nặc lằm đằm trong tôi cho đến khuya về tới nhà, trút bỏ những thứ lằm cầm-đầu-bà trên người. Vinh bế tôi lên. Tôi nhắm mắt rúc đầu vào ngực vinh. Hôi hướm kỳ thú của da thịt thân mến. Vinh đốt cháy tôi bằng da thịt của anh. Men rượu cũng đốt cháy tôi lên cùng một lúc với khao khát quẫn quai. Hạnh phúc là ngọn lửa tuyệt diệu (đề sưởi ấm một đời cũng là đề thiêu rụi, biết đâu!)

Ngọn lửa tôi đã sợ phải nhìn thấy. Ngọn lửa nào đó đốt thiêu xác Vinh trong chiếc xe thiết giáp đã che chở anh và cũng làm ngôi mộ cho chính anh. Vinh đã về với cát bụi. Cát bụi Vinh đã phủ che lên cả một đời tôi. Tôi dường như bị chôn sống mãi mãi ở đó. Thoi thóp Tại sao vậy? Ngày tháng chẳng ra làm sao, cứ lừ đừ trôi qua một



mỗi. Ngày tháng trên đời tôi như không vui không buồn, không có gì, nhưng nặng nề giam giữ tôi không thoát ra được. Những công việc phải lập đi lập lại của từng ngày làm tôi mệt nhọc quá sức.

Sáu tháng cuối cùng trước khi Vinh chết chúng tôi không được gặp nhau. Vinh thì không được phép vì lý do tình hình miền giới tuyến đang căng thẳng. Thư Vinh cũng bất định. Có tuần tôi nhận được hai, ba cái, có tuần hay hai tuần không nhận được thư nào. Tôi đã lo lắng quá đỗi cho Vinh khi cứ phải theo dõi tin tức mặt trận trên tờ báo mỗi ngày mua trước khi đến sở.

Mấy lần tôi viết cho Vinh rằng tôi sẽ ra thăm Vinh nếu Vinh không về được, nhưng anh không chịu vì hồi đó tôi đang có thai, được năm tháng thì phải. Vinh lo lắng tôi và đứa bé trong bụng sẽ mệt nhọc khi phải đi quá xa, đến một nơi thiếu thốn đủ mọi phương tiện. Vinh nhắc đi, nhắc lại ba bốn lần là Vinh không bằng lòng. Tôi thì luôn luôn không dám làm điều gì trái ý Vinh dù hồi còn con gái tôi là đứa bướng bỉnh nhất trong số anh chị em.

Nơi Vinh có những đồi cát bỏng chạy dài chói chan dưới nắng mùa hè. Những con đường bụi lầy và gió núi nóng khô hằm hập thổi qua. Căn trại lợp tôn lỗ chỗ vết đạn pháo kích. Tôi đã ở nơi đó vài lần, ngủ dưới hầm ẩm những mùi mốc thối, thiếu nắng. Mùa mưa dai dẳng thổi tới vùng mây mù đặc lấp kín khoảng thung lũng xanh. Mưa bay nghiêng lạnh héo da thịt. Tôi muốn quên đi những đồi cát nắng ngùn ngụt ấy. Nắng tưởng chừng lớp cát sỏi lên dưới gót giày khi tôi đi qua. Tôi muốn quên đi những cơn mưa từng

điệp ngày này nối tiếp qua ngày khác ấy. Chúng làm đầu óc tôi u mê nhòa nhạt như chỉ còn nhìn thấy những đám mây mù quần tụ đầu đó trên giải núi xám ngắt màu chì. Tôi muốn quên đi tất cả. Nhưng tất cả cố gắng của tôi đều hụt hơi. Chúng đã được khắc sâu trong tâm hồn tôi bằng mọi âm hưởng, màu sắc, bằng cả hạnh phúc lẫn đau đớn. Tôi chỉ còn biết chịu đựng theo ngày tháng cùn mòn. Giãn đi, vì tôi không sánh mặt được (Không ai lãnh mặt được trước Hạnh phúc và đau đớn của đời mình). Tôi hy vọng thời gian sẽ bôi xóa được chính những gì chúng tạo ra như một người bạn đã viết cho tôi.

*... Sao Thục không cố hiểu cho cùng rằng chết là hết. Không gần gũi. Không liên lạc. Sao không để cho Vinh yên nghĩ đời đời trong Thục. Đừng đuổi theo chụp bắt những ảo tưởng về một người đã chết sẽ có một ngày Thục hụt hơi đuối sức. Ngay sau hạnh phúc là nỗi đau đớn, không ai phủ nhận điều đó nhưng Thục, ít ra cũng phải để cho thời gian được bôi xóa chính những gì chúng tạo ra...*

Tôi hiểu tôi phải cố mà chịu đựng những ngày và ngày qua đi. Dù khó khăn cách mấy tôi cũng phải sống qua một đời, phải đón tuổi già mập mờ nhìn thấy. Quả thật như vậy sao? Tôi đã nhiễm một thứ bệnh đáng sợ: *Bệnh ngày-tháng*. Tôi ước muốn được quên đi để làm mới lại đời mình. Có phải ước muốn đó chính là điều tôi cố gắng để yêu Phan, để được lập đi lập lại những điều hạnh phúc. Tôi không hiểu tôi có thể làm được gì cho tôi, cho con tôi bây giờ, sau này, tôi cố gắng. Nhưng càng cố gắng bao nhiêu tôi càng hụt



hơi đuối sức bấy nhiêu. Cái chết của chồng tôi là một neo giữ nặng nề đến thế? Tại sao? Tại sao? nhiều đêm tôi tưởng không còn thở nổi với những lời tra tấn vang vọng trong đầu về đời mình, về tương lai của con tôi.

Quả thật là tôi không còn sắp xếp được gì cho những dự tính. Tôi luôn luôn hoang mang bất định. Tôi cố gắng để xem Phan như một điểm tựa cho tôi bớt lao đao nhưng Phan đôi lúc trở nên thật lạ mặt trong tôi, như lúc này đây. Nửa đêm tôi thức giấc buồn bã và không bao giờ hiểu được tại sao?

Tối ngồi dậy mở ngăn kéo bàn ngủ lấy vỉ thuốc an thần, lật xệch đôi dép ra mở tủ lạnh rót nửa ly nước lọc. Tôi cố tạo nên những tiếng động để lấp bớt đi phần nào sự yên lặng ngơ ngác của đêm. Im lặng như một khoảng không tôi luôn luôn tưởng ra mình bước hụt. Những viên thuốc làm tôi mệt nhọc vào buổi sáng thức giấc nhưng dù sao cũng đỡ tôi qua được một đêm. Đêm này, đêm nữa và những đêm kế tiếp. Buổi sáng khi mặt trời ném vạt nắng vào tận-giường, tôi trở dậy và bắt đầu một ngày khác, một ngày mới nhưng vẫn những công việc cũ. Tôi đáng thức bé Tú và làm món

ăn sáng cho cả hai mẹ con. Sau đó tôi đưa nó đến trường và tôi đến sở. Tôi nhiều khi tủi thân khi cứ phải làm những công việc đều đặn ấy một mình. Tú không thừa hưởng được cái vui vẻ hồn nhiên của người cha. Tôi sợ nó cảm nhận những điều không được hạnh phúc cho đời nó.

Những tiếng động của Tú làm tôi nhớ Vinh quá lẽ. Tiếng đôi dép nhật lẹp xẹp cửa phòng tắm khép lại, nước từ cái gương sen phun ào ạt như trời mưa ở đâu đó trong giấc ngủ chưa đi hết của tôi. Khi còn Vinh, những buổi sáng của tôi quả là lười biếng. Tôi thường nằm nán lại nghe zối kỳ thú của giấc ngủ chưa đi hết, rèm cửa chưa kéo lên, nắng chưa thỏi tới. Vinh thường đánh thức tôi bằng một chiếc hôn hay những lời nhảm nhí cố hữu. Một lần Vinh cười cười kéo tuột cái chăn mỏng tôi đang đắp. *Trông đẹp chưa kìa!* Tôi co quắp lại đẩy Vinh ra khỏi giường. *Hư quá! Anh lúc nào cũng nhảm.* Đêm yên lặng và đêm cũng vang vọng những lời nói của Vinh. Chiếc bàn, cái ghế tắm tắm, bức ảnh bông hoa như cũng tiếng nói mờ mờ trong giấc ngủ lại của tôi. Tôi hoang mang sợ hãi. Nhiều khi tôi cảm thấy nặng

## Tin mừng

*Được hồng thiệp báo tin Lễ Thành hôn của hai bạn:*

LÊ TẤN MƯỜI

TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG LAN

*Hôn lễ sẽ cử hành tại Hội-An ngày 23-9-1970.*

*Thành thật mến chúc hai bạn trăm năm duyên đẹp.*

PHAN TRÍ VIỄN

PHAN THỊ TUYẾT NHUNG



cả người như tất cả sức nặng của căn phòng dồn ép trên ngực tôi. Sau khi cố ú ớ cựa mình để tỉnh lại thì tôi đuối sức. Tôi đến phòng mạch của B. người bạn trai cùng lớp thời còn đi học. Không sao cả! Tim chị hơi lớn chút đỉnh tuy nhiên chị cần tỉnh dưỡng, làm việc nhẹ và cần là đừng lo nghĩ thái quá. B. đã khuyên tôi những điều tôi không làm được dù tôi muốn đừng phải suy nghĩ và quên được nhiều điều. Tôi chịu thua. Đêm vẫn không khá gì hơn nếu không có những viên thuốc đề nuôi giấc ngủ. Tôi hỏi B :

— Sao mãi anh không chịu lấy vợ ?

— Có lẽ tại tôi ích kỷ. Còn chị? Hồi này trông chị có vẻ yếu?

— Tôi vẫn thế ! Từ khi Vinh mất thì tôi xem như sống hết đời mình rồi. Tôi nghĩ hạnh phúc là điều không thể lập lại được.

— Chị bi quan quá. Thế nào mới là sống hết đời mình? Chẳng lẽ giới hạn bằng sinh ra và và chết đi. Còn hạnh phúc thì cũng chẳng biết thế nào là đủ, thế nào là cũ, thế nào là mới nhưng có một điều là hạnh phúc nào không kèm theo bằng nỗi đau đớn.

Tôi nói đùa :

Anh chọn làm nghề rồi anh B. Đáng lẽ nào không kèm theo bằng nỗi đau đớn.

lẽ anh phải học Triết thay vì học thuốc n.ời phải.

B. cười xoa hai tay vào nhau :

— Nếu thực tế thì nên chọn nghề mình không thích. Nếu tôi học triết thì giờ này biết đâu tôi đã đi lính, đã chết ngoài mặt trận và chắc là mẹ tôi khổ lắm.

Tôi biết B. là người con có hiếu từ thuở nhỏ. Khi B. nhắc đến cái chết của người lính lại làm tôi cảm thấy buồn bã. Tôi kiếu từ B. Đó là một buổi sáng chửa nhật, thành phố nhợt nhạt và tôi đi trong đó một mình. Thành phố luôn luôn vẫn vậy, ồn ào, chen lấn và ngợp những màu sắc. Tôi nhìn vào chiếc quán, nơi tôi và Vinh đã ngồi với nhau trong nhiều ngày tháng cũ. Không có gì thay đổi. Chỉ có tôi bỗng đứng như một kẻ lạ đi trong đường phố quen. Một mình. Qua cửa Quốc hội, tôi nhìn lên cao, nhớ đến tin một người đàn bà đã nhảy từ 10 tầng lầu của khách sạn C. xuống đất. Tôi tự hỏi cái chết cũng quyến rũ ghê gớm vậy sao? Tôi cứ suy nghĩ về cái chết cho đến khi về nhà và gặp con tôi thì tôi mới thấy mình điên rồ. Tôi cúi xuống hôn hấp tấp lên mặt mũi con tôi làm nó ngơ ngác.

Có lẽ B. nói đúng : Không hạnh phúc

nào không kèm theo bằng nỗi đau đớn.

## Bách-khoa đóng tập

— Đã có tập 313 324 (6 tháng đầu năm 1970)

— Có đầy đủ các tập từ năm 1965 đến 1970

— Tại Tòa soạn còn 4 bộ Bách Khoa từ số 1 (1957) đến nay. (thiếu 3 số: 9, 12, 28).

Một bộ Bách-Khoa từ 1957 đến 1969 giá 9.000đ —  
Ở xa xin gửi thêm cước phí.



Nhưng nỗi đau đớn của tôi hình như quá lớn so với sự chịu đựng của một người đàn bà như tôi. Tâm hồn tôi vốn đã yếu đuối. Nó đã xảy tới vào một ngày chúa nhật. Sao không thể là một ngày khác? một ngày không có thật trên cõi đời này? Người ta đập cửa ầm ầm lôi tôi ra khỏi giấc ngủ muộn cảm khoái.

— Chúng tôi thành thực chia buồn cùng bà..... Đại úy Vinh thật là một sĩ quan dũng cảm.....

Cái gì? Tại sao vậy?... Không thể được... Không! không!... Tôi choáng váng với những câu nói vô vọng. Tôi nghe chính tiếng tôi nói như của một người nào xa lạ. Tôi không thở nổi nữa. Tôi muốn ngã xuống. Tôi muốn tôi ngất ngay đi. Tôi lờ mờ thấy người sĩ quan của bộ chỉ huy đến báo tin đứng bất động, hai tay buông xõng. Tôi cũng biết là bà già giúp việc lính quỳnh đỡ tôi ngồi lên ghế. *Không! không tôi không sao cả.* Tôi vẫn thoảng nghe tiếng tôi nói nhưng đầu óc tôi rặng chĩ với một màn đen chum lấp thối tới.

Khi tôi tỉnh hẳn lại, người sĩ quan đến báo tin đã về. Tôi ngồi mất hút trong chiếc ghế bành lớn úp mặt xuống đầu gối mà khóc. Suốt một đời vợ chồng Vinh chưa bao giờ làm tôi phải khóc. Chẳng ngờ khi Vinh bắt tôi phải khóc lại là lần cuối cùng tôi khóc cho Vinh.

Mẹ tôi muốn tôi về Nha-trang ở với bà. Mẹ tôi lo lắng cho tôi và bé Tú. Tôi từ chối viện lý do phải đi làm ở Sài-gòn và con tôi đã bắt đầu đi học. Nhưng đó chỉ là một cái cớ. Tôi không có đủ can đảm rời bỏ căn phòng này. Nơi tôi đã có thực một lần hạnh phúc

như bơi trong biển mặt ngọt ngào. Nơi tôi cũng đã có thật một lần đau đớn lao đao. Nơi tôi vẫn cố gắng chặt chiu những kỷ niệm còn lại bằng ngày tháng. Chúng nguyên vẹn vẫn ở vị trí thường nhật. Tôi không là chủ của chúng nữa. Bộ dao cạo râu và những chai lọ lotion, after shave, talcum vẫn ở cái giá gương trong phòng tắm. Đôi dép nhật trắng lớn quá khổ vẫn trong ngăn kéo bàn viết (Đôi khi tôi tần mồm lôi ra đi lệt xệt trong nhà. Tôi không hiểu tại sao tôi làm vậy). Buổi sáng rửa mặt và soi trên tấm gương đó tôi nghe ra cái bờ vờ của mình. Tôi tưởng còn ngửi được cái mùi lotion cạo râu gay gắt vỏ chanh pha trong cái hôn thơm mùi càphê của chồng tôi buổi sáng anh đi làm.

Cái chết bất ngờ của Vinh để lại cho tôi những đêm chóng mặt, những sáng ngậm ngùi, lê lết làm những công việc đáng chán. Nhiều khi mệt nhọc quá sức tôi chợt muốn về Nha trang ở với mẹ tôi nhưng cuối cùng tôi vẫn không rời bỏ được nơi này. Tại sao vậy? Mãi sao tôi không thể từ bỏ vai trò trong thảm kịch của đời mình.

Tôi nghĩ đến những buổi sáng, như sáng mai hai mẹ con lại ngồi đối diện nơi bàn ăn (có lẽ Phan không ở cố thêm một ngày nữa. Phan phải trở về cái đồn hẻo lánh ở Di linh của Phan. Phan nói buổi sáng ngọn đồi nổi lập lờ trên sương mù và tiếng chim lạ xao xáo dưới thung lũng. Phan muốn tôi hẹn một ngày nào đó sẽ tới nơi Phan ở. Tôi cười, nói với Phan rằng tôi hẹn nhưng không hứa được. Phan có vẻ buồn nhưng không nói gì cả. Phan là người đàn ông trầm lặng). Tôi ch uống một tách sữa và im lặng nhìn con



tôi ăn Tú không nói liền thoảng như những đứa trẻ khác. Sự im lặng của nó đôi khi làm tôi no cứng.

Sáu bữa ăn sáng tôi ngồi vào bàn phần trang điểm qua loa. Một chút phấn nhạt, một đường chì tô quanh viền mắt mệt mỏi. Tôi sợ phải nhìn lâu vào khuôn mặt mình trong gương, phải khám phá ra tuổi già của mình mập mờ ở đâu đó. Ba mươi tuổi, hiện tại không phải là điều quan trọng, nhưng nỗi ám ảnh là mình sẽ đi về đâu từ cái tuổi này. Đời một người đàn bà cũng đồng nghĩa với

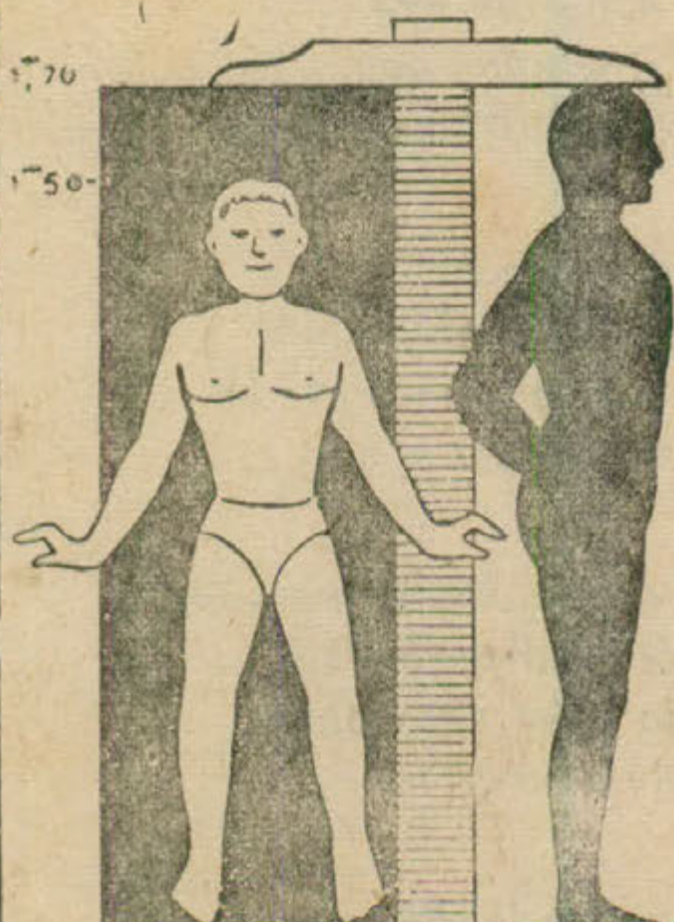
nhau sắc và còn gì khổ hơn mỗi ngày phải nhìn thấy sự hủy hoại của ngày tháng. Nếp nhàu ở cuối mắt, đường gân xanh nổi mờ trên hai bàn tay, bộ vá mắt lằn tít sần cứng. Thời gian là điều không thách đố và chống đối được. Thời gian tạo ra được tất cả. Tôi mong một ngày thời gian bôi xóa cho tôi tất cả. Sẽ có một ngày nào như thế ?

ĐÌNH NGUYỄN

7-70

# Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ  
C - D - PP - B2 - B6 - B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI .



# Thơ viết mừng con chào đời

---

## HOÀNG NGỌC CHAU

Hạnh Sương và Hạnh Soan ơi

Khi vừa nhìn thấy mặt con  
Một bóng hồng nở trong hồn cỏ ki-ô  
Trăm vui đời nạm ngọc ngà  
Lòng thơm ý tạo nụ hoa sớm vàng

Và trông con ngủ thật ngoan  
Tuổi thơ dựng bóng thiên đàng dưới sao  
Trăm hơi thở mát ngọt ngào  
Nỗi mừng gấm dệt rào rào trăm hương

Môi con cười thật dễ thương  
Lòng cha mát rượi hồn nương gió trời  
Giữa vườn hạnh phúc sum tươi  
Cha nhìn lên thấy cuộc đời trở bông

## Tự trường 1970

---

### Thơ PHAN-PHỤNG-THẠCH

như một đàn chim sau cơn bão-hạ  
các em trở về giữa nắng-thu-xưa  
sân trường cũ áo dài ai trắng quá  
cổ cũng mềm lòng theo bước chân đưa.

ta ngủ quên từ lâu trên xác lá  
cũng trở mình lay động mái chèo khua  
tháng ngày trôi như giòng sông nước hạ  
ta soi mình, ôi những nét già nua !

nhưng bỗng thấy qua từng khuôn mặt mới  
bóng hình ta của một thuở-mười-lăm  
của một thuở lòng ta xuân phơi phơi  
chân nỏ đưa trên lối cỏ tung-tăng

rồi bên nhau các em ìm lẽ sống  
vun xới tin-yêu trên đất của lòng  
cây sẽ xanh và đâm chồi hy-vọng  
các em cùng ta làm lớn quê-hương

(viết cho học-trò)



# Thu máu hồng

---

## Thơ ĐẶNG-TÂN-TỚI

Ôi biết bao giờ em đến đây !  
Mùa thu gầy guộc với hai tay  
Om không hết đất trời vô vọng  
Lòng chết trần ai gầy thảng ngày

Thôi nhé, là thu lẽ tóc cũ  
Là thôi men rượu bốc trắng mù  
Cũng thôi từ lúc lòng lay nhẹ  
Hương phấn thu vàng ngang liễu thu

Mai tôi về, người có theo không ?  
Bụi mê tang chế bước phiêu bồng  
Tôi còn thờ mộng vào thu máu  
Hồn của ngàn thu hiu hắt hồng.

## Đã tự bao giờ

---

### Thơ CAO QUANG VĂN

Một chú băng khuâng đề gió sầu  
Ở hờ em chẳng biết vì đâu  
Canh canh tiếng động mùa thay lá  
Nghe bước thu về gió gọi nhau

Hiu hắt chiều buồn nơi phố quận  
Chiều ơi, mưa mãi đến bao giờ  
Lòng đã muôn phương sầu gió lộng  
Chuyến xe nao với hết tuổi bơ vơ

Hồn lưu lạc nên muôn phần quá đổi  
Ta yêu em tha-thiết đến không ngờ  
Nhưng gió nổi cho mùa qua lá đỏ  
Và tàn phai từ biệt tự bao giờ...

Nhưng gió nổi cho mùa qua lá đỏ  
Và tàn phai từ biệt tự bao giờ...



# Đạo Phật Ngày Mai

của NHẤT HẠNH

- ✧ Một cuốn sách khiến Phật tử thao thức mất ngủ
- ✧ Một gáo nước lạnh dội vào cái tự hào tự phụ của người Phật-tử.
- ✧ Một cánh cửa hé cho Phật tử thấy nguy cơ của sự tận diệt nhân loại và chính pháp.

Lá Bối xuất-bản và phát hành

Nhà sách xin viết thư về Lá-Bối 120 Nguyễn-Lâm Cholon

## TRUNG TÂM NHÂN XÃ

(Anthroposocialism Center)

2 Nguyễn văn Thinh Saigon

*Hoàng-Xuân-Việt sáng lập và điều khiển*

T.T.N.X. : Là Học-viện đầu tiên ở V.N. để xướng giáo-dục Hậu-học-đường nhằm phát-triển toàn diện con người, giảm bớt thất-bại, tận dụng khả-năng, bồi-túc cá-học bằng những khoa Tự-Lập-thân ứng dụng ngay trong cuộc sống thực-tế muôn mặt.

T.T.N.X. : Phổ biến Nhân-xã-học, 12 tháng dự-bị, 36 tháng chuyên-khoa, là môn học được trình-bày trong 74 tác-phẩm của Ông Hoàng-Xuân-Việt thuộc loại Học Làm Người từ 20 năm nay nên Trung-tâm tuyệt-đối đứng ngoài hình-trị và Tôn-giáo, lại càng không liên-hệ gì đến một đảng nọ mang trùng tên.

12 MÔN: Do giáo-sư cấp Đại-học và Học-giả tên tuổi dạy và dùng trên 200 sách loại Học làm người làm sách giáo-khoa, là : 1) Hùng biện, 2) Xử thế, 3) Lãnh đạo, 4) Dụng nhân, 5) Tổ chức, 6) Khoa học ứng dụng, 7) Tâm luyện, 8) Bán hàng, 9) Hôn nhân, 10) Hướng nghiệp, 11) Viết văn và làm báo, 12) Thuật tư tưởng.

ĐẶC ĐIỂM : Vừa HỌC giáo-khoa vừa HÀNH bằng sinh-hoạt tập-thể. Mỗi tuần buộc đọc một quyển sách. Sau mỗi giờ học uống trà, nghe nhạc. Mỗi tháng du-ngoạn tinh-tâm. Mỗi tối chủ nhật Hội thoại và văn-nghệ. Mỗi tuần nghe một diễn giả nói chuyện. Giảng đường tiện-nghỉ, thanh-lịch.

Nhập khóa : 1/10, 1/11, và 1/12



# Thời - sự thế - giới

T U - T R I

Trong những ngày vừa qua đời sống chính trị quốc tế được đánh dấu bằng các cuộc thương thuyết và những cuộc hội đàm ngoại giao. Tại Hoa-kỳ người ta có cảm tưởng rằng chính phủ Hoa-thịnh-đốn sắp bước vào một giai-đoạn tích cực hơn tại hòa-đàm Paris. Tại New York các đại-diện của các quốc-gia Trung-Đông cũng đã bắt đầu mở cuộc đàm phán để nhằm tái lập hòa bình tại vùng này. Đồng thời tại Âu-châu các nhà ngoại giao Tây Đức đang vận động để tổ chức một hội nghị thượng đỉnh Tây phương.

## Hoa-kỳ và chiến-tranh ở Việt-nam

Đại-sứ Mỹ David Bruce đã chính thức nhận chức vụ trưởng phái-đoàn Mỹ tại cuộc hòa đàm Paris. Hiện thời người ta chưa biết ông Bruce đã nhận được những chỉ-thị gì của Tổng-thống Nixon để giải tỏa tình trạng bế tắc của hội-nghị từ khi ông Cabot Lodge ra đi. Tuy nhiên người ta có cảm tưởng rằng Hoa-kỳ sẽ cố gắng tạo nên một vài tiến bộ cho hội nghị trước ngày bầu cử Hạ-viện và 1/3 Thượng-viện vào tháng 11. Ông Nixon muốn thắng lợi trong cuộc bầu cử này nên tìm cách làm cho dân chúng Mỹ thấy ở ông hình ảnh một người ham chuộng hòa bình. Sau khi đã thành công một phần nào trong công cuộc vận hồi hòa bình ở Trung-Đông, ông muốn, thêm một lần nữa, tỏ thiện chí hiếu-hòa ở Việt-Nam.

Nhưng thái độ hiếu hòa của chính phủ

Hoa-thịnh-đốn đã khiến cho các quốc-gia đồng-minh của Hoa-kỳ ở Á-Châu e ngại. Các quốc-gia này lo rằng nếu cứ tiếp tục nhượng bộ phe Cộng-sản, ông Nixon sẽ đi tới chỗ bỏ rơi các nước bạn Á-châu. Vì vậy mà Tổng-thống Nixon đã phải cử ông Agnew, Phó Tổng-thống, đi viếng thăm 5 quốc-gia Á-châu để trấn-an họ. Nhưng sự-mạng của ông Agnew đã có một tính cách hết sức tế - nhị. Trước hết ông phải cam kết với các quốc-gia Á-châu rằng Hoa-kỳ sẽ không bỏ rơi họ và sẵn sàng giúp họ trong cuộc tranh đấu chống lại phe Cộng sản. Nhưng đồng thời ông cũng phải làm sao để chuyển đi của ông đừng có tính cách hiếu-chiến khiến cho dân chúng Mỹ dồn phiếu cho phe đối lập vào tháng 11 này. Trấn an đồng minh Á-châu và dân chúng trong nước cùng một lúc là một nhiệm-vụ khó khăn. Ngay hôm đầu tiên tới Hán-thành ông Agnew đã vấp phải thái độ hết sức cứng rắn và bướng bỉnh của chính-phủ Đại-hàn. Cuộc hội-kiến giữa ông và Tổng-thống Phác-chánh-Hy đã diễn ra trong một bầu không khí căng thẳng và kéo dài 6 tiếng đồng hồ thay vì 2 tiếng như đã trù liệu trước. Trong khi Mỹ muốn rút quân khỏi Đại-hàn để áp-dụng thuyết Nixon thì Đại-hàn lại chỉ đồng ý việc này nếu Mỹ tăng cường quân đội Đại-hàn. Để tăng cường quân đội Đại-hàn gồm 600.000 người, chính phủ Hán-Thành đòi Mỹ phải viện trợ cho 3 tỷ Mỹ-kim trong 3 năm sắp tới, điều mà Mỹ không thể làm được, khiến cho



chuyến công-du của ông Agnew không được thành công như ông mong muốn.

Tại Thái-lan sự tiếp đón dành cho ông Agnew lại còn lạnh nhạt hơn nữa. Không những Thủ-tướng Thái Kittikachorn không ra phi-trường đón tiếp ông, mà khi ông tới, chính-phủ Thái đã công bố quyết-định rút 12.000 quân của sư-đoàn Hắc-báo ra khỏi Việt-nam. Cuộc viếng thăm của ông Agnew đã thêm một lần nữa phơi trần sự bất bình của các quốc-gia Á-châu trước chính-sách rút lui của Hoa-kỳ.

Tại Việt-nam cuộc du-hành của ông Agnew đã được diễn ra trong một bầu không-khí cởi mở hơn và gần như chỉ có tính cách nghi-lễ vì Việt-nam đã chấp nhận chính-sách rút quân của Mỹ. Hơn nữa chương trình Việt-hóa đã tiến bộ khá nhiều khiến cho chính-phủ Nam-việt lạc quan hơn. Cuộc viếng thăm Saigon của ông Agnew được loan báo trước chứ không còn bị giữ mật như các chuyến viếng thăm khác chứng tỏ rằng tình hình an ninh ở Nam-Việt đã khả quan hơn trước. Sau hết nhân dịp ông Agnew sang thăm Việt-Nam, chính-phủ Mỹ đã tuyên bố viện trợ quân sự thêm cho Việt-nam 150 triệu Mỹ-kim nên chính phủ Saigon cũng không còn đòi hỏi gì thêm.

Ông Nixon đã tỏ ra hiếu hòa để làm yên lòng dân chúng vào đúng lúc địa vị của ông được tăng cường nhất. Dự luật Mc Govern - Hatfield của phe phản chiến đưa ra trước Thượng-Viện Hoa-kỳ nhằm trói tay Tổng-thống Hoa-kỳ tại Việt-Nam đã bị bác bỏ bằng 55 phiếu chống và 39 phiếu thuận. Dự-luật này đòi Hoa-kỳ phải rút toàn bộ quân đội kể cả các đơn - vị không tác chiến ra khỏi Việt-nam và chấm dứt mọi phi vụ tác chiến tại Lào Việt-Nam và Kampuchia trước ngày 1-1-1972. Vì dự luật Mc Govern - Hatfield bị bác nên Tổng-thống Nixon có thể nói mạnh hơn tại hội-ngị Ba-lê. Tuy nhiên từ nay đến hết tháng 11 tới người ta chắc chắn rằng ông sẽ có một thái độ hết sức hòa hoãn để kiếm phiếu. Vì vậy cuộc du hành của Phó Tổng-thống Việt-Nam Nguyễn Cao Kỳ sang Mỹ đang làm cho chính phủ Nixon vô cùng lúng túng vì ông Kỳ bị coi là nhân vật điều hâu. Sự hiện diện của ông tại Hoa kỳ một tháng trước mùa bầu cử có thể làm cho phe bô câu hoài nghi thiện chí hiếu hòa của ông Nixon. Thái độ hòa hoãn này có lẽ chỉ là một chiến dịch giai đoạn. Người ta sẽ không ngạc nhiên nếu sau cuộc bầu cử luận điệu của Hoa-kỳ trước hội nghị Ba-lê có cứng rắn hơn

# ACTIVIT

THUỐC TRỊ LAO LỰC, BƠ MÁU, BỒ PHÔI  
BỒI BỔ CƠ THỂ  
CO CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN



lên. Nếu thực sự muốn chấm dứt chiến tranh phe cộng sản phải đáp ứng ngay với những đề nghị của Hoa-kỳ trong những ngày gần tới, nếu không thì chính phe điều hâu Mỹ cũng phải sẵn lòng trước thái độ bất nhượng bộ của Bắc Việt.

### Cuộc thương thuyết về Trung-Đông bắt đầu

Sau nhiều ngày chờ đợi cuộc thương thuyết về vấn đề Trung-Đông giữa hai phe Do-thái và Ả-rập đã khởi sự. Nhưng đây chỉ mới là một giai đoạn sơ khởi nên cuộc thương thuyết này đã diễn ra dưới một hình thức độc đáo. Ông Gunnar Jarring đã tiếp đại diện của Do-thái là Đại sứ Yosef Tekoah một cách hết sức niềm nở. Một giờ sau ông cũng dành cho Đại-sứ Ai-cập Abdul Hamid Sharaf một sự đón tiếp tương tự và sau cùng Đại-sứ Jordanie Mohamed el Zayyat cũng gặp ông Jarring với từng ấy lễ - nghi. Các đối thủ đã thương thu ết qua trung gian, của ông Jarring đề khởi phải gặp nhau. Sau những buổi hội kiến này ông Jarring không tiết lộ nội dung của luận điệu mỗi phe. Ông Tekoah đã trở về Jérusalem đề xin chỉ thị và các phái đoàn Ả-rập đã có dịp đề tố cáo là ông làm cản trở cuộc hòa-dàm. Trong khi đó tướng Moshe Dayan, Tổng trưởng Quốc phòng Do-thái đã quyết định dùng biện pháp mạnh để đối phó với những vụ vi phạm hựu chiến của Ả-rập. Đối với Hoa-kỳ Do-thái đã tỏ ra hết sức e ngại Họ sợ rằng Hoa-kỳ sẽ buộc Do-thái phải trả lại hết đất đai đã chiếm mà không có một hành động gì để bảo đảm nền độc lập của Do-thái. Bà Golda Meir tuyên bố là sẽ đích thân sang Nữu ước dự lễ kỷ niệm 25 năm, ngày thành lập Liên-Hiệp-Quốc để trực tiếp theo dõi cuộc thương thuyết và

đề bàn với chính phủ Hoa-thịnh-đốn về viện trợ quân sự cho Do-thái.

Hiện thời Hoa-kỳ đang cố gắng bảo vệ hựu chiến ở Trung-Đông bằng cách chuyển những hệ-thống thám thính từ Đông-Nam-Á sang. Hiện thời số phận hòa-bình ở Trung-Đông còn hết sức mong manh. Chỉ một hành động quá trớn của một phe liên-hệ cũng đủ làm cho cả một công trình ngoại giao của Nga và Mỹ sụp đổ.

### Một hội-nghị thượng-đỉnh Tây-phương

Ngay sau khi Tây Đức ký với Nga hiệp ước không dùng võ lực và tương trợ ông Willy Brandt đã đề nghị với Anh, Mỹ và Pháp triệu tập một hội nghị thượng-đỉnh tay tư của các quốc gia Tây-phương đề trước hết tỏ ra rằng Tây-Đức không muốn xé lẻ và sau là tìm sự ủng hộ của Tây phương trong sự giao thiệp với phe cộng-sản. Nếu cả Anh và Mỹ đều tỏ ra thờ ơ trước đề-nghị này thì Pháp lại ra mặt chống đối. Thật vậy, trong nhiều năm qua Tướng De Gaulle đã luôn luôn cố gắng xích lại gần Nga. Ông là một lãnh tụ Tây-phương đã hoạt động nhiều nhất để mở cửa về phía Đông. Ông Pompidou lên thay thế cũng tiếp tục chính sách giải hòa Đông-Tây. Nhưng những nỗ lực của Pháp không đem lại nhiều thành quả như chính phủ Ba-Lê mong muốn. Ngày nay với hiệp-ước Mạc-tư-khoa vừa ký ông Brandt đã thành công hơn Pháp trong công cuộc hòa giải Đông-Tây nên không những Pháp mà cả Anh-Mỹ đều cho rằng họ đã bị ông Brandt vượt qua mặt. Hơn nữa tuy trước khi áp dụng chính sách Đông phương ông Brandt đã báo cáo cho Pháp, Anh và Mỹ về những dự tính của mình,



nhưng khi thương thuyết với Nga ông Brandt đã hoàn toàn giữ bí mật lập trường của Tây Đức. Đây là lần đầu tiên mà Tây Đức áp dụng phương pháp ngoại-giao mật từ 25 năm qua. do đó để trừng phạt Tây Đức, Pháp không những không tán thành hội nghị thượng đỉnh mà Tổng thống Pompidou còn từ chối không chịu đi Nữ-ước để tham dự lễ kỷ niệm 25 năm thành lập Liên-Hiệp-Quốc. Và thế nào Thủ-tướng Anh Heath, Tổng-thống Mỹ

Nixon và Thủ-tướng Tây Đức Brandt cũng tham dự lễ này. Nếu ông Pompidou cũng tới thì hội nghị thượng đỉnh, tuy bị bác bỏ, nhưng vẫn được nhóm họp dưới hình thức này hay hình thức khác. Ông Pompidou cũng không thể tới Nữ-ước mà không chịu gặp các lãnh tụ Tây phương nhất là trong các buổi tiếp tân. Vì vậy mà giữa các đồng minh Tây phương hiện thời đang có một bầu không khí nghi kỵ bao trùm.

TỪ TRI

Người ta nói rằng Nguyễn-Ngu-Í « si mê » nhà văn phái nữ này, nhà văn phái nữ nọ, từ mười năm về trước và đến nay vẫn còn « si mê »...

Sự thật con người cầm bút cuồng điên từ 20 tuổi tới giờ — Người đau khổ nhất trong giới làm văn-nghệ, như Nguyễn-Hiến-Lê giới thiệu — đã SI và MÊ ai,

Xin bạn đọc đón xem :

## SUỐI BÙN REO

hay 15 chuyện phụ nữ

( với Phụ-lục hăng, buồn, vui, khổ )

Phát hành ngày kỉ-niệm 21 năm Mậu, Ngọt, Cay, Đắng, Sóng, Gió của 2 người ..

- Truyện một cô gái Huế « cao số » đi « vòng vo » quanh những liên-hệ với chồng con, cha mẹ, các em gái... với cả những người tình cũ và mới.
- Tôi nằm xây lưng lại với chồng, tôi mở to đôi mắt,

## TÔI NHÌN TÔI TRÊN VÁCH

- Tác phẩm sôi nổi nhất, đã từng thu hút hàng chục ngàn độc-giả, của một cây bút phụ nữ hàng đầu hiện nay :

TÚY - HỒNG

- Lần đầu in thành sách, do ĐỒNG NAI xuất-bản và tổng phát hành.
- Sách dày 448 trang — Giá chống kiêm-ước : 360 đồng.



# SINH HOẠT

## Đông y Tây y tại Đại-học Y-khoa Huế

Trường Đại-học Y-khoa Huế, nơi thực hiện sự tổng-hợp Đông và Tây Y trong chương trình giảng huấn, cuối tháng 8-70 vừa qua, đã làm lễ Bế-giảng trọng thể đề chấm dứt niên học, sau khi công bố kết quả các kỳ thi lên lớp, kỳ thi Bệnh lý và kỳ thi Luận-án Y-khoa Bác-sĩ quốc-gia Trong kỳ thi Luận-án năm nay (29-8-70), cũng như các năm trước đây, Khoa trưởng (Giáo sư Bùi-Duy-Tâm) và một nửa số giáo-sư trong Hội-đồng giám-khảo cùng các vị tân-khoa đều mặc quốc phục, có đội khăn.

Trong 16 vị bác sĩ tân khoa có 5 vị trúng tuyển với hạng tối Danh-dự là : Võ Như Khương, Nguyễn Bội Giang, Trần Xuân Thắng, Lê Văn Mộ, Võ Văn Đàn, Nguyễn Tăng Miên, Ngô Trọng Thọ. Các vị khác trúng tuyển với hạng Danh-dự gồm có : Trần Quý Trâm, Nguyễn D.ên, Nguyễn Thế Lịch, Lai Đức Thuận, Phạm Đăng Thiện, Huỳnh gia Quang, Võ Văn Cầu, Phan Thanh Tường Ngọc, Phạm Ngũ.

Trong số các luận án đệ trình ngày 29-8-60 có 2 luận án về Đông-Y của Ông Võ Như Khương với đề-tài « Bệnh Áp-huyết-cao dưới quan điểm dị-đồng của Y-học Tây-phương và Đông-phương » và của Ông Trần quý Trâm với đề-tài « Đông-Y với phép trị-liệu bệnh đau dây tọa-cốt thần kinh » (Sciaticque). Riêng Bác-sĩ tân-khoa Võ-Như-Khương, trong hạng tối Danh-dự, đã được phần thưởng Luận-án. Các luận án về Đông-Y trên đây đều do giáo sư Nguyễn-Văn-Ba bảo trợ.

Ông Võ Như Khương và Ông Trần Quý Trâm tuổi bằng nhau, đều sinh năm 1939. Ông Khương sinh tại Phan rang. Ông Trâm sinh tại Đà-lạt nhưng chánh quán ở Quảng Bình (1). Trong luận án về bệnh áp-huyết cao, sau chương dẫn nhập, tác giả, ô. Võ-Như-Khương, trình bày ngay quan niệm của Y-học Tây phương và của Y-học Đông phương từ định nghĩa, nguyên nhân, đến khảo sát lâm sàng và trị liệu... Theo Đông Y có 2 trường hợp : áp huyết cao theo đường Nhâm Mạch và áp huyết cao theo đường Đốc Mạch. Đông Y cũng trị liệu theo thang dược và châm cứu. Trong chương kết, tác-giả cho biết theo Đông-Y « bệnh áp huyết-cao chẳng qua cũng là sự thiên-lệch của khí-hóa, hàn quá hay nhiệt quá, do đó chỉ cần điều-chỉnh khí-hóa bằng thang dược và châm cứu tự nhiên bệnh sẽ khỏi » Trong luận-án về phép trị liệu bệnh đau dây tọa-cốt thần-kinh (Sciaticque) của Đông-Y, Ông Trần quý Trâm, ở phần đại-cương, có trình bày về căn bản triết lý trong Y học Đông phương, Lục khí, Ngũ vận là gì ? Thế nào là

(1) Trần quý Trâm là em ruột Trần quý Phiệt. bút hiệu Tuệ-Trung tác-giả loạt bài về 6 vị thiên-s đã đăng trên Bách-khoa đầu năm 1969 và cũng là anh ruột Trần Hoài Thư, một nhà văn nhà thơ đã có nhiều truyện và thơ đăng trên Bách-khoa trong những năm gần đây.



Khí, Kinh, Lạc, Huyết, Mạch ? v.v... Về bệnh đau dây tọa cốt thần kinh tác giả nói về quan điểm Tây Y rồi mới đề cập quan điểm Đông Y. Theo Đông Y, người ta chỉ trị bệnh căn cứ theo Túc thái dương kinh chứ không phải căn cứ theo đường đi của dây tọa cốt thần kinh. Đường đi của 2 bên có những điểm trùng nhưng lại có đoạn khác hẳn. Dùng phương pháp châm cứu của Đông Y, người ta châm kim trên Túc thái dương kinh là người bệnh lành ngay.

Cũng nên ghi thêm là trong dịp Lễ Bế giảng trường Đại-học Y-khoa Huế nói trên, Giáo-sư Khoa-trưởng Bùi-Duy-Tâm đã tuyên bố « Trường Y-khoa Đại-học Huế sẽ dựa trên thể dân-tộc để tiến tới việc xây-dựng một Trung-tâm tổng hợp Đông và Tây-Y và nhà trường cũng đã quyết định cho các Đại-diện sinh-viên tham dự Hội-đồng Đại-học để trình bày và phát biểu ý-kiến trong các vấn-đề liên quan tới tập thể sinh-viên ».

Chúng tôi có dịp gặp Ô. Võ Như Khương, người được phần thưởng luận-án năm nay, và trong một cuộc mạn đàm ông bác-sĩ tẩn-khoa đã tâm sự như sau :

Thân phụ mất sớm, ông là con thứ 3 trong một gia-đình 5 anh em trai và sở dĩ ông theo học Y-khoa tới ngày nay là nhờ sự chăm sóc và khuyến khích của thân-mẫu ông, người vẫn tin rằng « không nghề nào phát-huy trọn vẹn được nhân tính bằng nghề thầy-thuốc. »

Được hỏi tại sao ông chọn luận-án với đề-tài liên quan đến Đông-Y, ông trả lời :

« Thuở nhỏ tôi thường nghe mẹ tôi kể rằng ông ngoại tôi, làm quan ở triều đình, nhưng lại là một lương-y có tài — vì thế mẹ tôi vẫn thường ca-tụng thuốc ta có nhiều cái rất hay. Tôi nghe vậy mà chẳng lưu tâm mấy vì vấn đề vượt quá khả năng tìm hiểu của tôi. Đến khi lớn lên, theo ngành Y-khoa, tôi thấy rằng Y-học Tây phương vô cùng tiến-bộ trong ngành giải phẫu và trị các bệnh nhiễm trùng, nhưng đồng thời cũng lúng túng trong việc xác định nguyên nhân một số bệnh nội thương như bệnh áp huyết cao, bệnh suyễn và hầu hết các bệnh thuộc mô liên-kết (maladie du collagène) v.v... Một thắc mắc được đặt ra : không biết bên Đông-Y họ giải thích nguyên-nhân các bệnh ấy ra sao và trị liệu như thế nào ?

« Vì thế, sau khi tốt nghiệp kỳ thi bệnh lý, tôi đến gặp Giáo-sư Khoa trưởng Bùi-Duy-Tâm để xin một đề-tài luận-án, Giáo-sư khuyên tôi nên tìm một đề-tài liên quan đến Đông-Y và giới thiệu tôi đến Giáo-sư Nguyễn-văn-Ba. Giáo-sư Ba cho tôi ngay đề-tài Bệnh áp huyết cao — Đề-tài thật hấp dẫn đối với tôi, vì theo Y-học Tây-phương, bệnh áp huyết cao là bệnh mà nguyên nhân ít khi tìm thấy, do đó Y-sĩ thường chỉ trị đối chứng, nghĩa là dùng thuốc có đặc-tính làm giãn-nở huyết-quản để làm áp huyết hạ, hay dùng thuốc có tác-dụng kích hóa hệ thần-kinh giao-cảm, do đó làm mất tính chất co bóp của các huyết quản, nhờ đó gián-tiếp làm giảm huyết-áp. Cách trị liệu đó không trị tận gốc nên khi ngưng thuốc, áp huyết lại lên cao — Nay Giáo-sư Nguyễn-văn-Ba cho tôi



cơ hội tìm hiểu nguyên nhân và trị liệu bệnh áp huyết cao theo Đông-Y, thì còn gì bằng ! Vì thế tôi đã đề trọn mấy tháng nghe Giáo-sư Ba giảng về bệnh ấy và căn bản của Y-lý Đông-phương, đồng thời quan sát tận mắt cách chữa bệnh ấy của Giáo sư bằng thang dược và châm cứu. Kết quả chữa trị cho một số lớn bệnh nhân thật là khả quan, vì thế tôi quyết hoàn thành luận án với một hoài bão thật khiêm tốn : góp một viên gạch nhỏ trong công trình lớn lao của những bậc đàn anh trong việc xây dựng cho Việt-Nam thân yêu một nền Y-học dân-tộc, góp nhặt những tinh hoa của hai nền Y-học : Tây-phương và Đông-phương.

« Và theo tôi nghĩ, nếu chúng ta thành tâm đặt cái đau đớn vì bệnh tật con người là điều tối thượng, thì Y-học Tây-phương và Đông phương tuy đặt trên hai nền tảng suy luận khác nhau, vẫn có hệ kết hợp lại, đem những « chỗ thấy » của mỗi bên để xây dựng một nền Y-học duy nhất, là phục vụ Con Người »

THẾ - NHÂN

## Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc:

— **Ra đi già từ hơi thở**, tập thơ của Lữ Tùng Anh do Thần-kính xuất bản và gửi tặng. Tập thơ thứ 3 của tác giả gồm 20 bài thơ. Giá 120đ.

— **Tình khúc 30**, tập thơ của Nguyễn Phú do tác giả ấn hành và gửi tặng. Sách dày trên 70 trang, gồm 35 bài thơ. Giá 120đ.

— **Đào chính mặt trời** tập thơ của Dương Linh do cơ sở Khởi-hành

xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 60 trang gồm 66 bài thơ, Tựa của Lom Giang. Giá 101đ.

— **Những ngày ly loạn** một bài thơ dài của Việt-Chung-Tử Chgva, dày 20 trang, in ronéo tại Vinh-Long.

**Khai phóng số 6 và 7** (tháng 8 và 9-1970) cơ quan ngôn luận của Phụ-hvynh học-sinh Khánh-hòa, dày 150 trang, gồm những bài về giáo-dục văn-học, khoa-học vv... và thơ văn của Ô.Ô. Châu Hải Kỳ, Trần văn Ân, Nguyễn quý Sáng, Trần quý Tuệ, Võ D. Nhân, Trần sĩ Huân, Nguyễn đình Niên, Dương Kiên vv...

TÌM ĐỌC :

## SƠN LÂM EM ĐEM (Les Cosaques)

của LÉON TOLSTOÏ \* Nguyễn-Trọng-Đạt dịch và giới thiệu

« Les Cosaques có thể coi là áng văn tự thuật của tác giả về chính cuộc đời mình. Đây chính là một phần quãng đời của Tolstoi trong những ngày còn sống ở Caucase : cảnh núi non trùng điệp, đời sống hoang dại, tự nhiên của dân bản xứ đã gợi hứng cho tác giả để hoàn thành cuốn tiểu thuyết bất hủ này.

Ở đây Tolstoi vừa là họa sĩ, là triết gia vừa là tiểu-thuyết-gia đại tài. »

**TRÍ ĐĂNG** xuất bản và phát hành.

Địa chỉ : 21 Nguyễn-Thiện-Thnật — Saigon Đ.T : 92.017



SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

( S. O. A. E. O. )

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 93.741 — 93 742

**Fabrication** : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

**Vente** : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE  
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC.

**Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique**  
**Installations de gazothérapie**

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE  
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Tăng cường sinh lực bằng

**CETONIC**

**VITAMINE C 250mg**

433-YT DP.B.